

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG
MẠI
---□□□---

NGUYỄN THỊ DIỆU LINH

KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ
KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ
PHẦN CAO NGUYÊN BẮC NINH

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG
MẠI
---□□□---

NGUYỄN THỊ DIỆU LINH

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ
KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ
PHẦN CAO NGUYÊN BẮC NINH**

CHUYÊN NGÀNH : KẾ TOÁN
MÃ SỐ 8340301

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS, TS. LÊ THỊ THANH HẢI

HÀ NỘI



LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề tài “Kế toán quản trị doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh” là đề tài nghiên cứu độc lập của riêng tôi, được đưa ra dựa trên cơ sở tìm hiểu, phân tích và đánh giá các số liệu tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS. TS. Lê Thị Thanh Hải. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày tháng năm

NGƯỜI CAM ĐOAN

NGUYỄN THỊ DIỆU LINH



LỜI CẢM ƠN

Trong thời gian nghiên cứu và thực hiện luận văn này, tôi đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình từ các cơ quan, tổ chức và cá nhân. Nhân đây, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc lòng biết ơn chân thành đến các tập thể, cá nhân đã tạo điều kiện và giúp đỡ tôi trong suốt quá trình thực hiện đề tài.

Việc viết nên Luận văn là kết quả quá trình học tập, nghiên cứu ở nhà trường, với sự giảng dạy, hướng dẫn nhiệt tình, trách nhiệm của thầy, cô trường Đại học Thương mại, kết hợp với kinh nghiệm trong quá trình thực tiễn công tác và sự cố gắng nỗ lực của bản thân.

Lời đầu tiên tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành, sâu sắc tới PGS. TS. Lê Thị Thanh Hải đã trực tiếp hướng dẫn khoa học, tận tình chỉ dạy cho tôi về kiến thức cũng như phương pháp nghiên cứu trong thời gian thực hiện đề tài.

Tôi xin chân thành cảm ơn các thầy, cô giáo khoa sau đại học đã giúp đỡ tôi trong quá trình học tập cũng như trong quá trình hoàn thành luận văn này. Mặc dù đã có sự nỗ lực cố gắng của bản thân, luận văn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Tôi mong nhận được sự góp ý chân thành của các thầy cô, đồng nghiệp và bạn bè để luận văn được hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày tháng năm

Tác giả luận văn

NGUYỄN THỊ DIỆU LINH



MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	i
LỜI CẢM ƠN.....	ii
MỤC LỤC.....	iii
DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU.....	vi
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	vii
PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết, ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu.....	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn.....	2
3. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài.....	5
4. Câu hỏi đặt ra trong nghiên cứu.....	5
5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.....	5
6. Phương pháp thực hiện đề tài nghiên cứu.....	6
7. Kết cấu của luận văn.....	7
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP XÂY LẮP.....	8
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp.....	8
1.1.1. Đặc điểm doanh nghiệp xây lắp chi phối kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.....	8
1.1.2. Khái niệm và phân loại doanh thu.....	8
1.1.3. Khái niệm và phân loại chi phí.....	15
1.1.4. Khái niệm và phân loại kết quả kinh doanh.....	21
1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trên góc độ kế toán tài chính.....	23
1.2.1. Nguyên tắc kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	23

<i>1.2.2. Phương pháp kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp</i>	29
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP CAO NGUYÊN BẮC NINH	43
2.1. Tổng quan về Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh và nhân tố ảnh hưởng đến kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh	43
<i>2.1.1 Tổng quan về Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh</i>	43
<i>2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý</i>	44
<i>2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty cổ phần Cao Nguyên Bắc Ninh</i>	46
<i>2.1.4. Đặc điểm doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Cao Nguyên Bắc Ninh</i>	48
<i>2.1.5. Nhân tố ảnh hưởng đến kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh</i>	51
2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh trên góc độ kế toán tài chính	53
<i>2.2.1. Thực trạng vận dụng các nguyên tắc kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Cao Nguyên Bắc Ninh</i>	53
<i>2.2.2. Thực trạng phương pháp kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Cao Nguyên Bắc Ninh</i>	56
2.3. Nhận xét và đánh giá thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh	75
<i>2.3.1. Những thành tựu đạt được</i>	75
<i>2.3.2. Những điểm còn tồn tại</i>	77
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	79
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP CAO NGUYÊN BẮC NINH	80

3.1. Định hướng phát triển và quan điểm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh.....	80
<i>3.1.1. Định hướng phát triển của Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh.....</i>	<i>80</i>
<i>3.1.2. Quan điểm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh.....</i>	<i>81</i>
3.2. Các đề xuất hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh trên góc độ kế toán tài chính.....	82
3.3. Các điều kiện thực hiện đề xuất tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh.....	87
<i>3.3.1. Về phía các cơ quan quản lý nhà nước.....</i>	<i>87</i>
<i>3.3.2. Về phía Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh.....</i>	<i>88</i>
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	89
KẾT LUẬN.....	90
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	



DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh	45
Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh	47



DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BTC	Bộ tài chính
HĐSXKD	Hoạt động sản xuất kinh doanh
NK	Nhập kho
GTGT	Giá trị gia tăng
KT	Kế toán
PC	Phiếu chi
TP	Thành phố
TK	Tài khoản



PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết, ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu

Trong một "thế giới phẳng" như hiện nay, các doanh nghiệp có nhiều cơ hội thuận lợi nhưng đồng thời cũng lại đương đầu với sự cạnh tranh gay gắt trong và ngoài nước, nhất là đối với các doanh nghiệp cùng kinh doanh, sản xuất các loại mặt hàng tương tự nhau. Mục tiêu của các doanh nghiệp là hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả, có lợi nhuận cao và có tích lũy, nghĩa là với chi phí nhỏ nhất nhưng đem lại lợi ích tối đa. Để doanh nghiệp thực hiện được điều đó thì phải phụ thuộc vào nhiều yếu tố: Việc xác định phương hướng, mục tiêu trong đầu tư, kiểm soát chặt chẽ các khoản thu, chi, xây dựng hợp lý kế hoạch sản xuất, nắm bắt thông tin ra quyết định kịp thời chính xác từ đó nhằm đưa ra khối lượng sản phẩm hàng hoá, dịch vụ lớn nhất đáp ứng nhu cầu thị trường.

Trong tất cả các loại hình doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế thì thông tin về chi phí, doanh thu và KQKD của doanh nghiệp trong kỳ hoạt động luôn được mọi đối tượng sử dụng thông tin quan tâm, đặc biệt là đối với các nhà quản trị doanh nghiệp. Ngày nay, vai trò của hạch toán kế toán ngày càng được coi trọng, góp phần không nhỏ vào hoạt động của toàn doanh nghiệp. Đặc biệt kế toán chi phí, doanh thu và KQKD là phần hành kế toán có ý nghĩa và vai trò hết sức quan trọng trong công tác kế toán. Nó phản ánh trực tiếp nhất các thông tin về chi phí, doanh thu, lợi nhuận và khả năng phát triển của doanh nghiệp trong tương lai. Những hạn chế trong phần hành kế toán này sẽ ảnh hưởng đến tính chính xác, kịp thời của thông tin gây tác động không nhỏ đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó hoàn thiện phần hành kế toán này là việc làm cần thiết đối với mọi doanh nghiệp.

Qua thời gian nghiên cứu công tác kế toán tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh, nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty còn rất nhiều hạn chế như: Việc luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban và bộ phận còn chậm làm ảnh hưởng đến việc xử lý và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế

phát sinh. Công ty có phát sinh một số khoản chi phí thuộc chi phí bán hàng nhưng kế toán lại hạch toán vào chi phí QLDN mặc dù khi tập hợp chi phí để tính KQKD các khoản chi phí này không làm ảnh hưởng tới lợi nhuận, nhưng làm cho chi tiêu chi phí QLDN cao hơn so với thực tế. Việc phân bổ khấu hao TSCĐ chưa hợp lý. Việc hạch toán và ghi nhận doanh thu ở Công ty đôi lúc còn chưa đảm bảo điều kiện ghi nhận doanh thu theo quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

Để góp phần nghiên cứu vấn đề này, tôi đã đi sâu nghiên cứu đề tài: “Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh”.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn

Đề tài về kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là một trong những đề tài được chú trọng và cũng được nhiều tác giả chọn làm đề tài nghiên cứu cho luận văn thạc sĩ của mình. Nhìn chung các đề tài nghiên cứu trước đây về kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh ở từng đơn vị khác nhau đều có những đóng góp về mặt thực tiễn và đưa ra những đề xuất, biện pháp nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh của từng doanh nghiệp.

*Luận văn thạc sĩ “*Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiết bị điện Ngọc Hoa*” của tác giả Vũ Thị Thu Hằng - Trường Đại học Thương Mại (năm 2019). Trong luận văn của mình, tác giả đã liệt kê được những chuẩn mực, chế độ về hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh và việc áp dụng thực tế tại Công ty TNHH Thiết bị điện Ngọc Hoa. Tuy nhiên phần hành kế toán quản trị được nêu trong bài mới chỉ dừng lại trên phương diện lý thuyết, công ty cũng không chú trọng vào việc xây dựng hệ thống kế toán quản trị nội bộ trong công ty cũng như chưa chỉ ra sự khác biệt của kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh giữa Việt Nam và thế giới. Bên cạnh đó công ty mới chỉ đi sâu vào kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh ở loại hình công ty thương mại

*Luận văn thạc sĩ “*Kế toán doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản tại Tổng Công ty đầu tư phát triển Nhà và Đô thị*” của tác giả Đỗ Huy Tân - Trường Đại học Thương Mại (năm 2019) đã trình bày được cơ bản những nội dung cơ sở lý

luận về doanh thu, đưa ra những khái niệm về doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu nhưng chưa đi sâu vào khía cạnh kế toán quản trị cũng như tính đặc thù của doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản. Bên cạnh đó, do khuôn khổ của bài viết nên các phần hành về chi phí và xác định kinh doanh tại công ty cũng chưa được đề cập đến.

*Luận văn thạc sỹ “*Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Xây dựng dân dụng Thành Long*” của tác giả Nguyễn Thị Hoa - Trường Đại học Thương Mại (năm 2019) đã phân tích thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh ở các doanh nghiệp thuộc Công ty TNHH Xây dựng dân dụng Thành Long. Bên cạnh những kết quả đạt được như: công tác tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với đặc điểm mô hình tổ chức của công ty, xác định đúng nội dung chi phí sản xuất kinh doanh, tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh theo đúng quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp, tổ chức hạch toán chi phí, doanh thu theo từng sản phẩm, hạng mục sản phẩm, tác giả cũng nêu ra được những tồn tại và nguyên nhân như: các chứng từ ở các đội giao khoán còn mang tính đối phó sao cho chi phí sản xuất đúng bằng chi phí giao khoán; doanh thu được ghi nhận không đúng với tiến độ thi công của sản phẩm, mới chú trọng đến việc lập báo cáo tài chính theo quy định luật kế toán mà chưa chú trọng đến công tác kế toán quản trị để cung cấp thông tin trong việc ra quyết định cho các nhà quản lý. Từ những bất cập còn tồn tại trên, tác giả cũng đề xuất các giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh than ở các khía cạnh về kế toán tài chính và kế toán quản trị. Đối với kế toán tài chính tác giả đề xuất các giải pháp như: hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán, hoàn thiện phương pháp xác định chi phí sản xuất, hoàn thiện phương thức thuê công nhân thời vụ trong các hợp đồng thực hiện theo phương thức khoán gọn, hoàn thiện phương pháp tính giá thành sản phẩm. Đối với kế toán quản trị, tác giả đề xuất về việc phân loại chi phí phục vụ quản trị doanh nghiệp, xác định các trung tâm chi phí; thiết lập một số báo cáo phục vụ cho công tác quản trị.

*Luận văn “*Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty Công ty cổ phần kinh doanh phát triển nhà và đô thị Hà Nội*” của Nguyễn Hồng Giang trường Đại học Kinh tế quốc dân năm 2017. Luận văn này đã khái quát được những vấn đề lý luận về tổ chức hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp kinh doanh nhà và đô thị ở Việt Nam. Tuy nhiên Luận văn mới chỉ trình bày giới hạn trong đơn vị tác giả lấy số liệu là Công ty cổ phần kinh doanh nhưng chưa đề cập đến kế toán quản trị, mới tập trung vào kế toán tài chính.

*Luận văn thạc sỹ “*Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả tại Tổng Công Ty xây dựng công trình giao thông 8*” của tác giả Lê Thị Thu Huyền – Học viện tài chính (2016) đã trình bày khái quát và đánh giá thực trạng mô hình Kế toán quản trị doanh thu, chi phí và kết quả tại Tổng Công Ty xây dựng công trình giao thông 8 và đưa ra các giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại trong tổ chức công tác kế toán quản trị doanh thu, chi phí, kết quả hoạt động xây lắp tại các doanh nghiệp thuộc Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 8, góp phần nâng cao hiệu quả của kế toán doanh thu, chi phí, kết quả hoạt động xây lắp.

Thông qua những công trình trên, tác giả đã hệ thống hoá được những lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh cũng như những nhược điểm hay mắc phải tại các doanh nghiệp khi hạch toán kế toán phần hành này nhưng những giải pháp này còn rất chung chung, không phù hợp với đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh – một doanh nghiệp kinh doanh đa ngành nghề. Ngoài lĩnh vực xây lắp nhà cửa, các công trình, làm nhà thầu phụ, Công ty còn xây dựng hệ thống chung cư, nhà ở xã hội, các căn shophouse để cho thuê hoặc bán lại cho khách hàng và kinh doanh vật liệu xây dựng. Đối với những công ty kinh doanh đa ngành nghề, các chuẩn mực và văn bản kế toán tham chiếu cũng nhiều và phức tạp hơn, đặc biệt là trong lĩnh vực kế toán tổng quát doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh. Chính vì vậy từ việc tham khảo các nghiên cứu trước đây về kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh, kế thừa những lý luận và tinh hoa từ những công trình trước, tác giả đã quyết định lựa chọn tập trung nghiên cứu kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh.

3. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

- Mục tiêu chung: Nghiên cứu đề xuất những giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh.

- Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Hệ thống hóa, phân tích làm rõ lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp.
- Phân tích đánh giá thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh. Chỉ rõ ưu điểm, hạn chế của kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh.
- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh.

4. Câu hỏi đặt ra trong nghiên cứu

Để có thể đạt được mục tiêu nghiên cứu, kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh nhằm trả lời 1 số câu hỏi nghiên cứu sau:

- Những vấn đề lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp xây lắp?
- Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh trên góc độ kế toán tài chính?
- Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh đã đạt được những thành tựu gì? Những bất cập còn tồn tại?
- Những giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh.

5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: Đề tài nghiên cứu lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh và thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh.

- Phạm vi nghiên cứu:

- Về thời gian: Đề tài tập trung nghiên cứu các tài liệu liên quan trong năm tài chính 2019 và 6 tháng đầu năm 2020.
- Về không gian: Đề tài nghiên cứu tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh.
- Về nội dung nghiên cứu: Đề tài nghiên cứu lý luận và thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh trên góc độ kế toán tài chính.

6. Phương pháp thực hiện đề tài nghiên cứu

Phương pháp quan sát thực tế: Nhằm tiếp cận trực tiếp, theo dõi các hoạt động, thao tác làm việc của các nhân viên trong các công ty để có thể hiểu quy trình kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh.

Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Luận văn tiến hành nghiên cứu tài liệu kế toán của các Công ty để thu thập dữ liệu trên cơ sở các phương pháp hạch toán kế toán (phương pháp chứng từ, phương pháp tính giá, phương pháp tài khoản, phương pháp tổng hợp cân đối kế toán). Từ đó thu thập được các thông tin và tài liệu về sự vận dụng chứng từ kế toán, tài khoản kế toán sổ sách và báo cáo kế toán liên quan đến nội dung kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh. Kết quả thu thập được giúp luận văn có cái nhìn tổng quan về kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại các Công ty.

Phương pháp nghiên cứu tài liệu là phương pháp thu thập thông tin trong đó người đi thu thập thông tin phải liên hệ với những bộ phận liên quan để xin những tài liệu cần thiết, ở đây chủ yếu là bộ phận kế toán của các doanh nghiệp. Nghiên cứu tài liệu viết giống như việc quan sát hệ thống một cách gián tiếp. Thông qua việc nghiên cứu tài liệu viết mà có được hình dung tổng quan về hệ thống. Tác giả đọc và tìm hiểu các văn bản, nghị định hướng dẫn về các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh,... thu thập và nghiên cứu về quy định tổ chức công tác kế toán, quy trình hạch toán, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán của doanh nghiệp,... ngoài ra tìm hiểu một số sản phẩm nghiên cứu trước đó về kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.

+ Phương pháp phân tích dữ liệu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu chính như phương pháp so sánh, phương pháp phân tích tổng hợp, phương pháp mô tả và khái quát đối tượng nghiên cứu để phân tích các nguồn dữ liệu được thu thập. Đồng thời luận văn sẽ vận dụng chính sách kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các công ty để phân tích thực trạng hiện tại về kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài lời mở đầu và kết luận, nội dung chính của luận văn được kết cấu ba chương:

Chương 1: Lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh.

Chương 3: Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp

1.1.1. Đặc điểm doanh nghiệp xây lắp chi phối kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Xây lắp là một ngành sản xuất mang tính công nghiệp nhằm tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân, góp phần hoàn thiện cơ cấu kinh tế, tạo tiền đề để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Tuy nhiên ngành xây lắp có những đặc điểm riêng biệt khác với các ngành sản xuất khác ảnh hưởng đến công tác quản lý và hạch toán.

- Sản phẩm xây lắp là những công trình hoặc vật kiến trúc có quy mô lớn, kết cấu phức tạp, mang tính đơn chiến. Mỗi sản phẩm được xây lắp theo thiết kế kỹ thuật và giá dự toán riêng. Do đó, đòi hỏi mỗi sản phẩm trước khi tiến hành sản xuất phải lập dự toán về thiết kế thi công và trong quá trình sản xuất sản phẩm xây lắp phải tiến hành so sánh với dự toán, lấy dự toán làm thước đo.

- Sản phẩm xây lắp được tiêu thụ theo giá trị dự toán hoặc giá thanh toán với đơn vị chủ thầu, giá này thường được xác định trước khi tiến hành sản xuất thông qua hợp đồng giao nhận thầu. Mặt khác sản phẩm xây lắp không thuộc đối tượng lưu thông, nơi sản xuất đồng thời là nơi tiêu thụ sản phẩm vì vậy sản phẩm xây lắp là loại hàng hoá có tính chất đặc biệt.

Thời gian sử dụng của sản phẩm xây lắp là lâu dài và giá trị của sản phẩm xây lắp rất lớn. Đặc điểm này đòi hỏi các doanh nghiệp xây lắp trong quá trình sản xuất phải kiểm tra chặt chẽ chất lượng công trình để đảm bảo cho công trình và tuổi thọ của công trình theo thiết kế.

1.1.2. Khái niệm và phân loại doanh thu

1.1.2.1. Khái niệm

Theo hiệp hội kế toán viên công chứng của Mỹ (AICPA) thì “*Doanh thu là tổng số gia tăng tài sản hay là sự giảm gộp các khoản nợ được công nhận và được định lượng theo đúng các nguyên tắc kế toán được chấp thuận, là kết quả của các hoạt động có lợi nhuận của doanh nghiệp và có thể làm thay đổi vốn chủ sở hữu*”.

Theo chuẩn mực kế toán số 14 (QĐ 149/2001/QĐ- BTC) ban hành ngày 31/12/2001: “*Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu*”.

Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế số 15 (IFRS 15) giới thiệu một mô hình ghi nhận doanh thu (DT) duy nhất cho các hợp đồng với khách hàng, thay thế tất cả các chuẩn mực hay các diễn giải chuẩn mực ban hành trước đó như chuẩn mực kế toán quốc tế - IAS 18 về DT; IAS 11 về hợp đồng xây dựng; Các hướng dẫn của Ủy ban hướng dẫn Chuẩn mực báo cáo tài chính (BCTC) quốc tế - IFRIC 13 về chương trình khách hàng trung thành; IFRIC 15 thỏa thuận về xây dựng bất động sản; IFRIC 18 về chuyển nhượng tài sản từ khách hàng; SIC 31 về DT giao dịch trao đổi hàng hóa liên quan đến dịch vụ quảng cáo.

Trước khi Chuẩn mực IFRS 15 được ban hành và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018, DT được ghi nhận dựa trên đánh giá, liệu doanh nghiệp (DN) đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng hay chưa, đi kèm với việc vận dụng các hướng dẫn cụ thể về các tình huống cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho khách hàng. Với mục tiêu thay thế tất cả các chuẩn mực và các diễn giải chuẩn mực trước đây về ghi nhận DT, IFRS 15 đã giới thiệu một mô hình ghi nhận DT duy nhất cho tất cả các hợp đồng với khách hàng bao gồm 5 bước:

Bước 1: Xác định (các) hợp đồng với khách hàng. IFRS 15 định nghĩa hợp đồng là một thỏa thuận giữa hai hoặc nhiều bên tạo ra các quyền và nghĩa vụ có hiệu lực và đưa ra các tiêu chuẩn cho mỗi hợp đồng phải đáp ứng.

Hợp đồng với khách hàng phải đáp ứng tất cả điều kiện sau:

- Các bên tham gia đã thông qua hợp đồng (bằng chữ viết, lời nói hoặc phù hợp với hoạt động kinh doanh thông thường tại đơn vị và các bên được trao quyền thực hiện nghĩa vụ tương ứng.

- Đơn vị có thể xác định quyền lợi của mỗi bên liên quan đến việc chuyển giao hàng hóa và dịch vụ.

- Đơn vị có thể xác định thời hạn thanh toán khi chuyển giao hàng hóa và dịch vụ.

- Hợp đồng có nội dung thương mại (về rủi ro, thời gian, số tiền của dòng tiền tăng lên trong tương lai như là kết quả của hợp đồng).

- Có khả năng đơn vị sẽ thu được lợi ích khi chuyển giao hàng hóa dịch vụ cho khách hàng.

Bước 2: Xác định nghĩa vụ thực hiện trong hợp đồng. Một nghĩa vụ thực hiện là một lời hứa, một cam kết trong một hợp đồng với khách hàng, để chuyển một dịch vụ hoặc hàng hoá cho khách hàng. Cam kết đó có thể là: Việc cung cấp thành phẩm hoặc bán lại hàng hóa; Việc sắp xếp một bên khác cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ; Việc sẵn sàng cung cấp sản phẩm dịch vụ trong tương lai; Xây dựng, thiết kế, sản xuất, tạo ra một tài sản theo yêu cầu của khách hàng; Việc cho phép sử dụng hoặc tiếp cận tài sản vô hình như tài sản trí tuệ.

Bước 3: Xác định giá trị giao dịch. Giá trị giao dịch (một con số chính xác hoặc một khoảng giá trị) là số tiền DN mong đợi nhận được khi chuyển giao hàng hóa dịch vụ không tính số tiền thu hộ cho bên thứ 3, ví dụ: Thuế giá trị gia tăng đầu ra. Giá trị giao dịch sẽ được DN phân bổ cho từng nghĩa vụ thực hiện trong hợp đồng và theo đó DT được ghi nhận. Giá hàng hóa dịch vụ trên hợp đồng có thể không phải là giá trị giao dịch, DN cần xem xét tất cả thông tin khi xác định giá trị giao dịch, ví dụ: Khoản giảm giá, ưu đãi cho khách hàng...

Nhà quản lý giả định hợp đồng được thực hiện đầy đủ, không bị hủy, ký lại hay điều chỉnh khi xác định giá trị giao dịch. Trong trường hợp không xác định chính xác, doanh nghiệp sẽ ước tính giá trị sử dụng theo một trong hai phương pháp sau:

- Giá trị mong đợi: giá trị có thể thu được dựa trên việc xem xét nhiều hợp đồng có đặc điểm tương tự.

- Giá trị có khả năng đạt được cao nhất: giá trị có khả năng đạt được cao nhất trong khoảng giá trị được xem xét.

Bước 4: Phân bổ giá giao dịch cho các nghĩa vụ thực hiện trong hợp đồng.

Đối với một hợp đồng có nhiều hơn một nghĩa vụ thực hiện, một đơn vị phải phân bổ giá giao dịch cho mỗi nghĩa vụ thực hiện trong một khoản tiền thể hiện khoản chi phí mà đơn vị dự kiến sẽ được hưởng, để đổi lấy từng nghĩa vụ thực hiện.

Ước tính giá bán hàng hóa dịch vụ riêng biệt trường hợp chúng không được bán riêng. IFRS 15 không đưa ra phương pháp cụ thể nhưng doanh nghiệp có thể áp dụng phương pháp phù hợp dựa vào yêu cầu trình bày trung thực:

- Phương pháp điều chỉnh giá thị trường: doanh nghiệp xem xét thị trường để ước tính giá hàng hóa dịch vụ, ví dụ giá bán của đối thủ cạnh tranh.

- Phương pháp ước tính chi phí: Tất cả chi phí (trực tiếp và gián tiếp) và chi phí nội bộ (nghiên cứu và phát triển) được xét đến. Doanh nghiệp cũng xem xét các yếu tố và điều kiện đặc thù của thị trường cụ thể để xác định phạm vi phù hợp.

- Phương pháp tính phần còn lại: Tổng giá trị giao dịch trừ đi phần hàng hóa dịch vụ có thể xác định giá trị riêng biệt. Phương pháp này chỉ áp dụng khi:

- + Doanh nghiệp bán hàng hóa dịch vụ tương tự cho khách hàng khác nhau (trong khoảng thời gian gần) với số lượng lớn.

- + Doanh nghiệp chưa thiết lập giá hàng hóa dịch vụ, và hàng hóa dịch vụ chưa được bán riêng bao giờ.

Bước 5: Nhận biết DT khi đơn vị đáp ứng nghĩa vụ thực hiện. DN ghi nhận DT khi đáp ứng nhiệm vụ thực hiện bằng cách chuyển giao hàng hóa dịch vụ cho khách hàng, nghĩa là khách hàng giữ quyền kiểm soát, khả năng sử dụng trực tiếp và nắm giữ thực chất toàn bộ lợi ích còn lại. Quyền kiểm soát trong một khoảng thời gian hay tại một thời điểm quyết định khi nào DT được ghi nhận.

Doanh thu phát sinh từ giao dịch, sự kiện được xác định bởi thỏa thuận giữa các doanh nghiệp với bên mua và bên sử dụng tài sản. Nó được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản thu đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản góp vốn cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn của doanh nghiệp không làm tăng doanh thu.

Như vậy, doanh thu đóng vai trò quan trọng, là nguồn bù đắp các chi phí doanh nghiệp đã chi ra đồng thời làm tăng vốn chủ sở hữu. Việc hạch toán đúng doanh thu sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp xác định đúng đắn kết quả kinh doanh để từ đó có các quyết định kinh doanh hợp lý. Vấn đề đặt ra đối với các nhà quản lý là phải tổ chức kế toán chi tiết doanh thu như thế nào để cung cấp những thông tin để xử lý và có những quyết định đúng đắn dẫn đến nhiều vấn đề sống còn của doanh nghiệp.

Liên quan đến doanh thu còn có các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu, thị hiếu. Giá trị hàng bán bị trả lại: là khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

Doanh thu thuần là doanh thu bán sản phẩm, dịch vụ được tạo ra bằng công nghệ được chuyển giao, tính theo hoá đơn bán hàng trừ đi thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu (nếu có trong hoá đơn bán hàng). Hay doanh thu thuần là khoản doanh thu bán hàng sau khi đã trừ các khoản giảm trừ doanh thu như: thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu hàng bán bị trả lại.

1.1.2.2. Phân loại doanh thu

Tùy theo hoạt động kinh doanh và mục đích sử dụng của doanh nghiệp, có nhiều tiêu thức để phân loại doanh thu cho phù hợp. Mỗi cách phân loại doanh thu có ưu điểm riêng phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp. Doanh thu có thể phân loại theo các cách sau đây:

a, Phân loại theo nguồn hình thành doanh thu

- *Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ*: Là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp thực hiện cung cấp dịch vụ công ích, doanh thu bao gồm cả các khoản trợ cấp của nhà nước cho doanh nghiệp khi thực hiện cung cấp dịch vụ theo nhiệm vụ nhà nước giao mà không thu đủ bù đắp chi.

- *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính là doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, bao gồm:

Tiền lãi: Lãi cho vay; lãi tiền gửi ngân hàng; lãi bán hàng trả chậm; trả góp; lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu; chiết khấu thanh toán được hưởng do thanh toán tiền hàng trước thời hạn qui định,...

Cổ tức, lợi nhuận được chia;

Thu nhập về hoạt động mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;

Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;

Lãi tỷ giá hối đoái;

Chênh lệch do bán ngoại tệ;

Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;

Các khoản doanh thu từ hoạt động tài chính khác.

Trong đó, doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn hai điều kiện:

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Các khoản tiền lãi, tiền bản quyền và cổ tức được xác định trên cơ sở sau:

+ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế tong kỳ.

+ Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp.

+ Cổ tức và lợi nhuận được chia, được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

- *Thu nhập khác*

Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

b, Phân loại theo thời gian

- Doanh thu thực hiện: là toàn bộ tiền bán sản phẩm, hàng hóa; CCDV; tiền lãi và các hoạt động khác nhận được trong kỳ.

- Doanh thu chưa thực hiện: là nguồn hình thành nên tài sản (tiền, khoản phải thu khách hàng) của các giao dịch tạo ra doanh thu nhưng một phần trong doanh thu đó đơn vị chưa thực hiện được.

c, Phân loại doanh thu theo phương thức bán hàng

Theo tiêu chí này doanh thu của doanh nghiệp được chia làm các loại sau:

Doanh thu bán buôn là toàn bộ doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa.. bán cho các cơ quan, đơn vị khác nhằm mục đích để tiếp tục chuyển bán hoặc gia công sản xuất.

Doanh thu bán lẻ là toàn bộ doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa...bán cho cơ quan, đơn vị khác, cá nhân nhằm mục đích tiêu dùng.

Doanh thu gửi bán đại lý là toàn bộ doanh thu của khối lượng hàng hóa gửi bán đại lý theo hợp đồng đã ký kết.

Với cách phân loại doanh thu theo tiêu chí này sẽ giúp doanh nghiệp xác định được tổng mức tiêu thụ sản phẩm của từng loại, từ đó hoạch định được mức luân chuyển hàng hóa xây dựng được mức dự trữ hàng hóa cần thiết, tránh được tình trạng ứ đọng hoặc thiếu hàng gây ảnh hưởng không tốt cho quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

d, Phân loại theo khu vực địa lý

Doanh thu nội địa: doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ cho các khách hàng trong nước.

Doanh thu quốc tế: doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ cho các khách hàng quốc tế

e, Phân loại theo mối quan hệ tổ chức kinh doanh

Theo cách phân loại này, doanh thu chia thành doanh thu nội bộ và doanh thu bán hàng bên ngoài.

Doanh thu bán hàng nội bộ: doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ sản xuất, phân phối cho các đơn vị trực thuộc công ty.

Doanh thu bán hàng bên ngoài: doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ cho các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp.

f, Phân loại theo phương thức thanh toán

Theo cách phân loại này, doanh thu của doanh nghiệp được chia thành:

Doanh thu bán hàng thu tiền ngay

Doanh thu bán hàng người mua chưa thanh toán

Doanh thu bán hàng trả góp

Doanh thu bán hàng đại lý (ký gửi)

Doanh thu chưa thực hiện (Doanh thu nhận trước).

Cách phân loại này giúp cho doanh nghiệp có các thông tin cần thiết để phân tích công nợ, có kế hoạch thu hồi nợ, lập dự phòng phải thu khó đòi.

1.1.3. Khái niệm và phân loại chi phí

1.1.3.1. Khái niệm chi phí

Mỗi doanh nghiệp để có thể tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phải sử dụng các nguồn lực (sức lao động, tiền vốn, vật tư,...) thực hiện sản xuất ra sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, xử lý các công việc lao động mùa vụ, thu mua, dự trữ hàng hóa, luân chuyển, lưu thông hàng hóa, đầu tư.... Điều đó có nghĩa là doanh nghiệp phải bỏ ra các khoản chi phí về lao động sống và lao động vật hóa trong quá trình tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Như vậy có thể nói:

"Chi phí hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (còn gọi là chi phí kinh doanh của doanh nghiệp) là toàn bộ hao phí về lao động sống cần thiết và lao động vật hoá mà doanh nghiệp đã chi ra trong một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng tiền. Ngoài ra còn bao gồm một số chi phí cần thiết khác phục vụ cho quá trình kinh doanh của doanh nghiệp".

Theo Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB - International Accounting Standards Board) thì *"Chi phí là các yếu tố làm giảm các lợi ích kinh tế trong niên độ kế toán dưới hình thức xuất đi hay giảm giá trị tài sản hay làm phát sinh các*

khoản nợ, kết quả là giảm nguồn vốn chủ sở hữu mà không do việc phân phối nguồn vốn cho các bên chủ sở hữu”.

Theo hội đồng chuẩn mực kế toán tài chính Hoa Kỳ (FASB – Financial Accounting Standards Board) thì cho rằng *“Chi phí là dòng ra (hoặc tự sử dụng) của tài sản hay sự phát sinh nợ phải trả (hoặc phối hợp cả hai) từ việc bán hay sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ hay thực hiện các hoạt động khác cấu thành hoạt động chủ yếu hoặc trung tâm của doanh nghiệp”.*

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS 01- Chuẩn mực chung: *“Chi phí là tổng các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong thời kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài khoản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến giảm vốn chủ sở hữu không bao gồm các khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu”.*

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 Tháng 08 năm 2014 của BTC về Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp *“Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa”.*

Như vậy, khái niệm chi phí đã gắn liền với thước đo tiền tệ để đo lường các khoản hao phí đã tiêu hao trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Chi phí luôn gắn với một mục đích nhất định, đó là mục đích sản xuất kinh doanh kiếm lời của doanh nghiệp, chi phí luôn gắn liền với một thời kỳ sản xuất kinh doanh nhất định, chi phí thực tế chi ra cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chi phí gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh, được tài trợ từ vốn kinh doanh và được bù đắp từ thu nhập hoạt động SXKD. Còn chi tiêu là sự giảm đi đơn thuần của các vật tư tài sản, tiền vốn của doanh nghiệp bất kể nó được dùng cho mục đích nào. Tổng số chi tiêu trong kỳ của doanh nghiệp bao gồm chi tiêu cho quá trình cung cấp (chi mua sắm hàng hóa vật tư,...), chi tiêu cho quá trình sản xuất kinh doanh (chi cho sản xuất, chế tạo sản phẩm, công tác quản lý,...) và chi tiêu cho quá trình tiêu thụ (chi phí vận chuyển, bốc dỡ, quảng cáo,...). Chi phí và chi tiêu không chỉ khác nhau về lượng mà còn khác nhau về thời gian. Có

những khoản chi tiêu đã phát sinh nhưng chưa được tính vào chi phí như mua vật liệu nhưng chưa sử dụng vẫn để trong kho và cũng có những khoản tính vào chi phí kỳ này nhưng chưa chi tiêu như các khoản chi phí trích trước

1.1.3.2. Phân loại chi phí

a, Phân loại chi phí theo yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Để phục vụ cho công tác tập hợp, quản lý chi phí sản xuất kinh doanh theo nội dung kinh tế ban đầu của nó mà không xét đến công dụng cụ thể, địa điểm phát sinh, chi phí được phân theo yếu tố. Theo qui định hiện hành ở nước ta, toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được chia thành các yếu tố sau:

- Chi phí nguyên vật liệu: bao gồm toàn bộ chi phí về các đối tượng lao động như nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, vật liệu, thiết bị xây dựng cơ bản,....

- Chi phí nhân công: bao gồm toàn bộ tiền lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương của toàn bộ cán bộ nhân viên trong doanh nghiệp. Loại chi phí này có thể được chia thành hai yếu tố là chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN,...)

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: bao gồm số trích khấu hao trong kỳ của toàn bộ tài sản cố định trong doanh nghiệp.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: bao gồm các khoản chi phí về các loại dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp như: điện, nước, viễn thông, sửa chữa lớn tài sản cố định,...

- Chi phí bằng tiền khác: bao gồm các chi phí trả bằng tiền, không đều đặn hàng tháng như chi tiếp khách, chi khác...

b, Phân loại chi phí theo hoạt động và công dụng kinh tế

Căn cứ vào mục đích của từng hoạt động và công dụng kinh tế, chi phí được chia thành hai loại là chi phí sản xuất và chi phí ngoài sản xuất

- * Chi phí sản xuất thông thường bao gồm:

- + Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Đó là các khoản chi phí về vật liệu chính,

phụ, nhiên liệu... mà kế toán có thể tập hợp thẳng cho các đối tượng chịu chi phí. Đặc điểm của chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thường mang tính chất biến phí, nó cấu thành nên thực thể của sản phẩm, chiếm tỷ trọng khá cao trong chỉ tiêu giá thành sản phẩm. Thông thường chi phí nguyên vật liệu trực tiếp có thể định mức cho một đơn vị sản phẩm vừa là cơ sở xây dựng dự toán, vừa là cơ sở để kiểm soát chi phí. Tuy nhiên, trong thực tế khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp lại phụ thuộc vào đặc điểm của hoạt động kinh doanh trong từng ngành nghề khác nhau thì khác nhau.

+ Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm các khoản tiền lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương, tiền ăn ca... của công nhân trực tiếp tạo ra sản phẩm. Đặc điểm của khoản mục chi phí này thường mang tính chất biến phí, thường xây dựng định mức cho một đơn vị sản phẩm nhằm góp phần kiểm soát chi phí, xây dựng hệ thống dự toán chi phí. Các khoản chi phí nhân công trực tiếp kế toán có thể tập hợp thẳng cho các đối tượng chịu chi phí cũng tương tự như chi phí vật liệu trực tiếp. Khoản mục chi phí nhân công trực tiếp cũng phụ thuộc vào đặc thù của từng doanh nghiệp, đặc điểm của hoạt động kinh doanh, cơ chế tài chính của các doanh nghiệp.

+ Chi phí sản xuất chung: đó là các khoản chi phí phục vụ cho các phân xưởng, tổ, đội trong quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm và dịch vụ

* Chi phí ngoài sản xuất:

+ Chi phí bán hàng: Là biểu hiện bằng tiền của các khoản chi phí lưu thông và tiếp thị bán sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ. Bao gồm chi phí quảng cáo, giao hàng, giao dịch, chi phí nhân viên bán hàng, chi phí gắn liền với quá trình bảo quản, tiêu thụ hàng hóa....

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là biểu hiện bằng tiền của các khoản chi phí liên quan đến việc phục vụ quản lý chung của toàn doanh nghiệp, như chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho hoạt động chung của doanh nghiệp,....

c, Phân loại chi phí theo mối quan hệ với kỳ tính kết quả kinh doanh

Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất kinh doanh được chia thành chi phí sản phẩm và chi phí thời kỳ.

- Chi phí sản phẩm: Là những khoản chi phí gắn liền với quá trình sản xuất sản phẩm hay quá trình mua hàng hóa để bán, bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung. Đặc điểm của chi phí sản phẩm là khi sản phẩm, hàng hóa chưa được bán ra thì chi phí sản phẩm được phản ánh trong giá thành hàng tồn kho trên bảng cân đối kế toán. Khi sản phẩm, hàng hóa được tiêu thụ thì chi phí sản phẩm sẽ được chuyển vào chỉ tiêu giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Chi phí thời kỳ: Là chi phí cho hoạt động kinh doanh trong kỳ, không tạo nên giá trị hàng tồn kho, chúng không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán mà được trừ toàn bộ ra khỏi doanh thu để xác định kết quả kinh doanh ngay trong kỳ chúng phát sinh. Vì vậy chi phí thời kỳ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chi phí thời kỳ bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Các chi phí này được ghi nhận ở hai chỉ tiêu “Chi phí bán hàng” và chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

d, Phân loại chi phí theo mối quan hệ với các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí được thể hiện trên báo cáo kết quả kinh doanh theo chức năng của chi phí trong quá trình sản xuất kinh doanh như chi phí sản xuất, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp,... Chính từ đặc điểm này, chi phí trên báo cáo kết quả kinh doanh chỉ thể hiện một cách chung nhất những chi phí tương xứng theo từng chức năng hoạt động doanh nghiệp để đạt được một nguồn thu nhập, lợi nhuận. Việc thể hiện chi phí như vậy sẽ cung cấp thông tin phù hợp với những yêu cầu thẩm tra hoạt động doanh nghiệp theo các chức năng từ các đối tác bên ngoài doanh nghiệp như cơ quan quản lý chức năng, các tổ chức tín dụng ngân hàng, các nhà đầu tư hiện tại và tương lai...Do đó, hình thức thể hiện chi phí này phù hợp với việc cung cấp thông tin công khai, phù hợp với thông tin kế toán tài chính.

Theo cách phân loại này, chi phí phát sinh tại DN được chia làm 5 loại:

Chi phí giá vốn hàng bán: Giá vốn hàng bán là toàn bộ chi phí để tạo ra một

thành phẩm. Đối với một công ty thương mại thì giá vốn hàng bán là tổng chi phí cần thiết để hàng có mặt tại kho (giá mua từ nhà cung cấp, vận chuyển, bảo hiểm,...). Đối với một công ty sản xuất thì cũng tương tự nhưng phức tạp hơn một chút do đầu vào của nó là nguyên liệu chứ chưa phải thành phẩm. Một số nhà cung cấp họ có thể chuyển hàng tới tận kho của chúng ta, họ cộng các khoản chi phí như vận chuyển, bảo hiểm, thuế,... vào giá bán chúng ta. Như vậy giá vốn hàng bán sẽ tính toán cụ thể tùy thuộc vào hợp đồng với nhà cung cấp quy định cụ thể như thế nào. Đối với doanh nghiệp du lịch, dịch vụ thì giá vốn hàng bán bao gồm tất cả các chi phí để hoàn thành cung cấp dịch vụ đó cho khách hàng (lương trả cho hướng dẫn viên, vé tàu xe, máy bay, vé tham quan, chi phí ăn uống, lưu trú...)

Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. Chi phí bán hàng được theo dõi chi tiết theo từng nội dung chi phí như: Chi phí nhân viên, vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ, bảo hành, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác,... Tùy theo đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý theo từng ngành, từng doanh nghiệp, chi phí bán hàng có thể theo dõi chi tiết thêm một số nội dung chi phí.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Chi phí tài chính: Tài khoản chi phí tài chính được dùng để phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...

Chi phí khác: Các khoản chi phí khác là toàn bộ chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

1.1.4. Khái niệm và phân loại kết quả kinh doanh

1.1.4.1. Khái niệm kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác trong một thời kỳ nhất định. Biểu hiện của kết quả kinh doanh là số lãi (hoặc số lỗ).

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là kết quả của hoạt động tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ và hoạt động tài chính. Hoặc là số chênh lệch giữa doanh thu và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh sau một kỳ hoạt động.

Kết quả khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác với chi phí khác.

Như vậy, bản chất của KQKD chính là kết quả lãi hoặc lỗ trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Nếu kết quả kinh doanh của doanh nghiệp lớn hơn không thì doanh nghiệp lãi, nếu kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bằng không doanh nghiệp hòa vốn, nếu kết quả kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ hơn không thì doanh nghiệp lỗ. Kết quả hoạt động SXKD có thể là những đại lượng cụ thể có thể định lượng cân đong đo đếm được cũng có thể là những đại lượng chỉ phản ánh được mặt chất lượng hoàn toàn có tính chất định tính như thương hiệu, uy tín, sự tin nhiệm của khách hàng về chất lượng sản phẩm. Chất lượng bao giờ cũng là mục tiêu của doanh nghiệp. Công thức xác định kết quả kinh doanh

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả kinh doanh} \\ \text{sau thuế TNDN} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Kết quả kinh doanh} \\ \text{trước thuế TNDN} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí thuế} \\ \text{TNDN} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả kinh doanh} \\ \text{trước thuế} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Kết quả thuần từ hoạt} \\ \text{động kinh doanh} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Kết quả khác} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả} \\ \text{thuần từ} \\ \text{hoạt động} \\ \text{kinh doanh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Kết quả} \\ \text{gộp về bán} \\ \text{hàng và} \\ \text{cung cấp} \\ \text{dịch vụ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{(Doanh thu} \\ \text{hoạt động} \\ \text{tài chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí tài} \\ \text{chính)} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{bán hàng} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi} \\ \text{phí} \\ \text{quản} \\ \text{lý} \\ \text{doanh} \\ \text{nghiệp} \end{array}$$



Kết quả gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ = *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ* - *Giá vốn hàng bán*

Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV = *Doanh thu bán hàng và CCDV* - *Các khoản giảm trừ doanh thu* - *Thuế TTĐB, BVMT, thuế XK*

1.1.4.2. Phân loại kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh được phân loại theo các tiêu thức sau:

a, Phân loại kết quả kinh doanh theo lĩnh vực

Kết quả kinh doanh tài chính: bao gồm kết quả kinh doanh của các ngân hàng, và các công ty chủ yếu thu lợi nhuận qua việc đầu tư và quản lý nguồn vốn.

Kết quả kinh doanh thương mại: bao gồm kết quả của hoạt động mua hàng để bán lại hàng hóa đó cho khách hàng nhằm thỏa mãn nhu cầu cũng như lợi ích mong muốn của người kinh doanh.

Kết quả kinh doanh dịch vụ: bao gồm kết quả kinh doanh của các hoạt động dịch vụ như: du lịch, khách sạn, ăn uống, giải trí, đào tạo, giáo dục, quảng cáo, thông tin liên lạc...

Kết quả kinh doanh sản xuất: bao gồm kết quả kinh doanh của hoạt động sản xuất hàng hóa từ các nguyên vật liệu thô sơ hoặc các chi tiết cấu thành tạo nên, sau đó bán đi thu lợi nhuận.

b, Phân loại kết quả kinh doanh theo địa điểm

Kết quả kinh doanh của chi nhánh: bao gồm kết quả kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh tại chi nhánh.

Kết quả kinh doanh của cửa hàng: bao gồm kết quả kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh tại chính cửa hàng.

Kết quả kinh doanh của nhà máy: bao gồm kết quả kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh tại chính nhà máy.

c, Phân loại kết quả kinh doanh theo mối quan hệ với thông tin trên BCTC

Kết quả gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ: phản ánh số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng hóa, thành phẩm, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch

vụ với giá vốn hàng bán phát sinh trong kỳ.

Kết quả hoạt động tài chính: phản ánh số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính với chi phí tài chính như tiền lãi vay phải trả, chi phí bản quyền... phát sinh trong kỳ.

Kết quả khác: phản ánh số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác với chi phí khác phát sinh trong kỳ.

Kết quả thuần từ hoạt động kinh doanh: phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.

Kết quả kinh doanh trước thuế TNDN: phản ánh kết quả thực hiện trong kỳ của doanh nghiệp trước khi trừ đi chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh, hoạt động khác trong kỳ.

Kết quả kinh doanh sau thuế TNDN: phản ánh kết quả lãi (lỗ) sau thuế từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ đi chi phí thuế TNDN.

1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trên góc độ kế toán tài chính

1.2.1. Nguyên tắc kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

a. Các nguyên tắc kế toán chung

Chuẩn mực chung quy định và hướng dẫn các nguyên tắc và yêu cầu kế toán cơ bản, các yếu tố và ghi nhận các yếu tố của BCTC doanh nghiệp.

Các nguyên tắc cơ bản quy định trong chuẩn mực:

Cơ sở dồn tích: Theo qui định mọi nghiệp vụ kinh tế tài chính của doanh nghiệp liên quan đến chi phí, doanh thu phải được ghi vào sổ kế toán vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực tế thu hoặc thực tế chi tiền hoặc tương đương tiền. Báo cáo tài chính lập trên cơ sở dồn tích phản ánh tình hình tài chính của doanh nghiệp trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

Giá gốc: Theo qui định tài sản của doanh nghiệp phải được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của tài sản được tính theo số tiền hoặc khoản tương đương tiền đã trả, phải trả hoặc tính theo giá trị hợp lý của tài sản đó vào thời điểm tài sản được ghi nhận. Nguyên tắc giá gốc giúp cho kế toán xác định giá gốc ban đầu của tài sản, vật

tư, hàng hóa, CCDC khi mua về hay chi phí bỏ ra để có được tài sản, vật tư, hàng hóa, CCDC, xác định chi phí KHTSCĐ định kỳ và từ đó xác định giá vốn của hàng hóa, vật tư, CCDC khi xuất bán. Theo nguyên tắc này giá trị các chỉ tiêu về tài sản, vật tư, hàng hóa, công nợ, chi phí... đều phải được ghi theo giá gốc tức là ghi nhận chúng ở thời điểm phát sinh, không căn cứ vào giá cả thị trường.

Phù hợp: Theo qui định việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của kỳ trước hoặc phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của DN chi phí và doanh thu là hai mặt thống nhất của cùng một quá trình, chi phí là cơ sở nguồn gốc tạo ra doanh thu, doanh thu là kết quả của chi phí bỏ ra, là nguồn bù đắp chi phí. Do đó việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau.

Nhất quán: Nguyên tắc này chỉ ra nếu doanh nghiệp chọn phương pháp tính giá vốn hàng bán, phương pháp khấu hao thì phải áp dụng xuyên suốt trong một kỳ kế toán.

Thận trọng: Theo qui định, thận trọng là việc xem xét, cân nhắc, phán đoán để lập các ước tính kế toán trong điều kiện không chắc chắn. Nguyên tắc thận trọng đòi hỏi phải lập dự phòng cho tài sản và được tính vào chi phí.

Phải lập dự phòng nhưng không lập quá lớn;

Không đánh giá cao hơn giá trị của các tài sản và khoản thu nhập;

Không đánh giá thấp hơn giá trị của các khoản nợ phải trả và chi phí;

Doanh thu và thu nhập chỉ được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về khả năng thu được lợi ích kinh tế, còn chi phí phải được ghi nhận khi có bằng chứng về khả năng phát sinh chi phí.

Nguyên tắc này đòi hỏi kế toán cuối kỳ niên độ đánh giá lại hàng tồn kho và trích lập dự phòng nếu thấy cần thiết. Hay trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi nhận thấy khả năng xấu trong kỳ kế toán tới.

b. Các nguyên tắc về kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh Chuẩn mực kế toán số 14 –Doanh thu và thu nhập khác

Theo qui định của chuẩn mực kế toán số 14: Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không là doanh thu.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp khi không thể thu hồi được khoản doanh thu đã ghi nhận thì phải hạch toán vào chi phí mà không được ghi giảm doanh thu. Khi không chắc chắn thu hồi được một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu (Nợ phải thu khó đòi) thì phải lập dự phòng nợ phải thu khó đòi mà không ghi giảm doanh thu. Khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được thì được bù đắp bằng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Đối với doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia của doanh nghiệp phải thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Đối với thu nhập khác: theo qui định thu nhập khác bao gồm:

- Thu về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;

- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại và các khoản thu khác.

Chuẩn mực kế toán số 15–Hợp đồng xây dựng

Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm:

- + Doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng; và
- + Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

+ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

+ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu và chi phí được ghi nhận theo phần công việc đã hoàn thành của hợp đồng được gọi là phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được xác định phù hợp với chi phí đã phát sinh của khối lượng công việc đã hoàn thành thể hiện trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) hoàn thành, doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là doanh thu và chi phí của phần công việc đã hoàn thành trong kỳ báo cáo.

Phần công việc đã hoàn thành của hợp đồng làm cơ sở xác định doanh thu có thể được xác định bằng nhiều cách khác nhau. Doanh nghiệp cần sử dụng phương pháp tính toán thích hợp để xác định phần công việc đã hoàn thành. Tùy thuộc vào bản chất của hợp đồng xây dựng, doanh nghiệp lựa chọn áp dụng một trong ba (3) phương pháp sau để xác định phần công việc hoàn thành:

- + Tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng;
- + Đánh giá phần công việc đã hoàn thành; hoặc
- + Tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của hợp đồng.

Việc thanh toán theo tiến độ và những khoản ứng trước nhận được từ khách hàng thường không phản ánh phần công việc đã hoàn thành.

Chuẩn mực kế toán số 16–Chi phí đi vay

Chi phí đi vay: Là lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay phải ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện xác định chi phí đi vay được vốn hoá.

Chuẩn mực kế toán số 17- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí (hoặc thu nhập) thuế thu nhập liên quan đến lãi hoặc lỗ từ các hoạt

động kinh doanh thông thường phải được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại: là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chuẩn mực kế toán số 21 – Trình bày báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính phản ánh theo một cấu trúc chặt chẽ tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của một doanh nghiệp. Mục đích của báo cáo tài chính là cung cấp các thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của một doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu hữu ích cho số đông những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế. Để đạt mục đích này báo cáo tài chính phải cung cấp những thông tin của một doanh nghiệp về:

- a/ Tài sản;
- b/ Nợ phải trả;
- c/ Vốn chủ sở hữu;
- d/ Doanh thu, thu nhập khác, chi phí, lãi và lỗ;
- đ/ Các luồng tiền.

Các thông tin này cùng với các thông tin trình bày trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính giúp người sử dụng dự đoán được các luồng tiền trong tương lai và đặc biệt là thời điểm và mức độ chắc chắn của việc tạo ra các luồng tiền và các khoản tương đương tiền.

Báo cáo tài chính phải trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính phải được lập và trình bày

trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành. Doanh nghiệp cần nêu rõ trong phần thuyết minh báo cáo tài chính là báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được coi là lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam nếu báo cáo tài chính tuân thủ mọi quy định của từng chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính.

Trường hợp doanh nghiệp sử dụng chính sách kế toán khác với quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam, không được coi là tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành dù đã thuyết minh đầy đủ trong chính sách kế toán cũng như trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

1.2.2. Phương pháp kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

**** Chứng từ doanh thu hàng bán***

+ Hợp đồng kinh tế, hóa đơn bán hàng, bảng thanh toán tiền hàng đại lý, ký gửi phản ánh doanh thu từ hoạt động bán hàng và hoạt động ký gửi khi hàng đã bán được.

+ Giấy báo ngân hàng, phiếu thu, séc, bảng sao kê ngân hàng, ủy nhiệm chi phản ánh số tiền thu được từ hoạt động bán hàng

+ Các chứng từ tự lập của doanh nghiệp

**** Chứng từ doanh thu tài chính***

Khi phát sinh doanh thu từ hoạt động tài chính, kế toán tổng hợp các chứng từ: phiếu thu, giấy báo ngân hàng, thông báo về cổ tức hay lợi nhuận được chia, bảng tính chênh lệch lãi khi bán ngoại tệ và đánh giá lại khoản mục có gốc ngoại tệ cuối kỳ...

**** Chứng từ chi phí giá vốn hàng bán***

Kế toán giá vốn hàng bán sử dụng hóa đơn mua hàng, thẻ tình giá thành công trình, biên bản bàn giao, hợp đồng kinh tế, phiếu vật tư, hóa đơn vận chuyển, bốc

dỡ, hóa đơn bảo hiểm, phí, lệ phí, các bảng tính, bảng tập hợp chi phí, phiếu xuất kho, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, phiếu nhập kho (trường hợp hàng bán bị trả lại) và các chứng từ tự lập khác để phản ánh trị giá ban đầu của hàng mua về nhập kho và cũng là căn cứ để xác định giá vốn hàng bán.

**Chứng từ chi phí tài chính*

Để ghi nhận các khoản chi phí tài chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, kế toán căn cứ vào các chứng từ được lập và sử dụng khác nhau như: chứng từ thông báo của ngân hàng, thông báo tỷ giá hối đoái, các chứng từ về xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái cuối kỳ, bảng tính các khoản mục gốc ngoại tệ khi đánh giá lại cuối kỳ, các chứng từ mua bán ngoại tệ và mua bán chứng khoán.

**Chứng từ chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp*

Đối với chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tùy thuộc vào các loại chi phí phát sinh mà kế toán thu thập các chứng từ gốc và các chứng từ tự lập như :

+ Bảng chấm công, bảng tính lương, bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương phản ánh số tiền lương và các khoản trích theo lương phải chi trả cho người lao động.

+ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ phản ánh số tiền khấu hao của TSCĐ tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

+ Hóa đơn mua hàng, hóa đơn dịch vụ, phiếu chi, giấy báo ngân hàng, phiếu vật tư, bảng kê chi tiết, hợp đồng mua bán phản ánh các khoản chi phí về dịch vụ, mua sắm và các khoản chi phí khác bằng tiền.

+ Biên lai nộp thuế, phí, lệ phí, bảng kê nộp thuế, thông báo thuế phản ánh các khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp.

+ Biên bản, quyết định thanh lý tài sản cố định. Các thông báo phạt do vi phạm hợp đồng, các quyết định phạt do chậm nộp thuế.

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng

**Tài khoản doanh thu (TK 511)*

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu tài chính của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất



kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- ✓ Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư.
- ✓ Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một thời kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, quảng cáo, đào tạo, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...
- ✓ Tài chính: Đầu tư, mua bán chứng khoán kinh doanh, ngoại tệ, tiền gửi và tiền vay vốn.

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch có 6 tài khoản cấp 2.

- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hoá: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hoá được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hoá, vật tư, lương thực, ...

- Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành sản xuất vật chất như: Công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, ...

- Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: Giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học, dịch vụ kế toán, kiểm toán, ...

- Tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước.

- Tài khoản 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và doanh thu bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

- Tài khoản 5118 - Doanh thu khác: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu ngoài doanh thu bán hàng hoá, doanh thu bán thành phẩm, doanh

thu cung cấp dịch vụ, doanh thu được trợ cấp trợ giá và doanh thu kinh doanh bất động sản như: Doanh thu bán vật liệu, phế liệu, nhượng bán công cụ, dụng cụ và các khoản doanh thu khác.

Nguyên tắc hạch toán: Tài khoản 511 dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán, bao gồm cả doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm và cung cấp dịch vụ cho công ty mẹ, công ty con trong cùng tập đoàn.

Tài khoản này phản ánh doanh thu của hoạt động sản xuất, kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- a) Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư;
- b) Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng....
- c) Doanh thu khác.

Điều kiện ghi nhận doanh thu

- a) Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
 - Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
 - Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần mà doanh nghiệp thực hiện được trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận ban đầu do các nguyên nhân: Doanh nghiệp chiết khấu thương mại, giảm giá hàng đã bán cho khách hàng hoặc hàng đã bán bị trả lại (do không đảm bảo điều kiện về quy cách, phẩm chất ghi trong hợp đồng kinh tế);

Doanh thu bán bất động sản của doanh nghiệp là chủ đầu tư phải thực hiện theo nguyên tắc:

a) Đối với các công trình, hạng mục công trình mà doanh nghiệp là chủ đầu tư (kể cả các công trình, hạng mục công trình doanh nghiệp vừa là chủ đầu tư, vừa tự thi công), doanh nghiệp không được ghi nhận doanh thu bán bất động sản theo Chuẩn mực kế toán Hợp đồng xây dựng và không được ghi nhận doanh thu đối với số tiền thu trước của khách hàng theo tiến độ. Việc ghi nhận doanh thu bán bất động sản phải đảm bảo thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

b) Đối với các công trình, hạng mục công trình mà doanh nghiệp là chủ đầu tư (kể cả các công trình, hạng mục công trình doanh nghiệp vừa là chủ đầu tư, vừa tự thi công), trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và doanh nghiệp thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng thì doanh nghiệp được ghi nhận doanh thu khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng. Trường hợp này, doanh nghiệp phải có hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng với khách hàng, trong đó quy định rõ yêu cầu của khách hàng về thiết kế, kỹ thuật, mẫu mã, hình thức hoàn thiện nội thất bất động sản và biên bản bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

c) Đối với bất động sản phân lô bán nền, nếu đã chuyển giao nền đất cho khách hàng (không phụ thuộc đã làm xong thủ tục pháp lý về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa) và hợp đồng không hủy ngang, chủ đầu tư được ghi nhận doanh thu đối với nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao

dịch bán nền đất..

**TK Các khoản giảm trừ doanh thu (TK 521)*

Những hàng hóa, dịch vụ được xác định là đã bán nhưng vì lý do nào đó như: chất lượng, quy cách kỹ thuật.. người mua từ chối thanh toán, gửi hàng trả lại người bán hoặc yêu cầu giảm giá và được doanh nghiệp chấp thuận; hoặc người mua mua

hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại thì các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng này được theo dõi riêng biệt trên tài khoản Các khoản giảm trừ doanh thu.

Tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại: Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại cho người mua do khách hàng mua hàng với khối lượng lớn nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ

- Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bị người mua trả lại trong kỳ.

- Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán: Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán cho người mua do sản phẩm hàng hóa dịch vụ cung cấp kém quy cách nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ

Nguyên tắc hạch toán: Khi phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu ghi Nợ TK 521, cuối kỳ kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu sang TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ từ bên Có TK 521 để xác định doanh thu thuần

**Tài khoản doanh thu hoạt động tài chính (TK 515)*

TK này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp bao gồm: tiền lãi (lãi cho vay, lãi gửi ngân hàng, lãi bán hàng chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng...); cổ tức, lợi nhuận được chia; thu nhập về hoạt động mua, bán trái phiếu ngắn hạn, dài hạn; thu nhập về thu hồi, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh; đầu tư vào công ty liên kết; đầu tư vào công ty con; chênh lệch do bán ngoại tệ; chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn...

Nguyên tắc hạch toán: Khi phát sinh doanh thu tài chính ghi Có TK 515, cuối kỳ kết chuyển doanh thu tài chính sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh từ bên Nợ TK 515

**Tài khoản thu nhập khác (TK 711)*

TK thu nhập khác dùng để phản ánh các khoản thu nhập hoạt động khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- + Thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- +Chênh lệch lãi do đánh giá lại giá trị hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- + Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng kinh tế;
- + Các khoản thu khác

Nguyên tắc hạch toán: Khi phát sinh thu nhập khác ghi Có TK 711, cuối kỳ kết chuyển thu nhập khác sang TK911 – Xác định kết quả kinh doanh từ bên Nợ TK711.

**Tài khoản Giá vốn hàng bán (TK 632)*

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

Nguyên tắc hạch toán: Khi phát sinh giá vốn hàng bán, kế toán ghi vào bên Nợ TK 632, cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh từ bên Có TK 632

**Tài khoản chi phí tài chính (TK 635)*

Chi phí hoạt động tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động về vốn, các hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp, bao gồm:

- Chi phí liên quan đến việc cho vay vốn
- Chi phí liên quan đến việc mua bán ngoại tệ
- Chi phí lãi vay vốn kinh doanh không được vốn hóa, khoản chiết khấu

thanh toán khi bán hàng hóa, cung cấp lao vụ dịch vụ.

- Chênh lệch lỗ khi mua bán ngoại tệ, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ
- Các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính.

Nguyên tắc hạch toán: Khi phát sinh chi phí tài chính, kế toán ghi vào bên Nợ TK 635, cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh từ bên Có TK 635

**Tài khoản chi phí bán hàng (TK 641)*

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí liên quan đến quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí vận chuyển, đóng gói sản phẩm.

Tài khoản 641 - Chi phí bán hàng có 7 tài khoản cấp 2.

- Tài khoản 6411 - Chi phí nhân viên: Phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hoá, ... bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, ...

- Tài khoản 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì: Phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, như chi phí vật liệu đóng gói sản phẩm, hàng hoá, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hoá trong quá trình tiêu thụ, vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo quản TSCĐ, ... dùng cho bộ phận bán hàng.

- Tài khoản 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng: Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc, ...

- Tài khoản 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ: Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ ở bộ phận bảo quản, bán hàng, như nhà kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện bốc dỡ, vận chuyển, phương tiện tính toán, đo lường, kiểm nghiệm chất lượng, ...

- Tài khoản 6415 - Chi phí bảo hành: Dùng để phản ánh khoản chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá.

- Tài khoản 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa TSCĐ phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho, thuê bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hoá đi bán, tiền trả hoa hồng cho đại lý bán hàng, cho đơn vị nhận uỷ thác xuất khẩu, ...

- Tài khoản 6418 - Chi phí bằng tiền khác: Phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã kể trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hoá, quảng cáo, chào hàng, chi phí hội nghị khách hàng...

Nguyên tắc hạch toán: Khi phát sinh chi phí bán hàng, kế toán ghi vào bên Nợ TK 641, cuối kỳ kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh từ bên Có TK 641

**Tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp (TK 642)*

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao TSCĐ dùng trong quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại...) và chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp có 8 tài khoản cấp 2.

- Tài khoản 6421 - Chi phí nhân viên quản lý: Phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp, như tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của Ban Giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng, ban của doanh nghiệp.

- Tài khoản 6422 - Chi phí vật liệu quản lý: Phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm... vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ, ... (giá có thuế, hoặc chưa có thuế GTGT).

- Tài khoản 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng: Phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng

văn phòng dùng cho công tác quản lý (giả có thuế, hoặc chưa có thuế GTGT).

- Tài khoản 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ: Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: Nhà cửa làm việc của các phòng ban, vật kiến trúc, phương tiện vận tải truyền dẫn, máy móc thiết bị quản lý dùng trên văn phòng, ...

- Tài khoản 6425 - Thuế, phí và lệ phí: Phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như: thuế môn bài, tiền thuê đất, ... và các khoản phí, lệ phí khác.

- Tài khoản 6426 - Chi phí dự phòng: Phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Tài khoản 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp; các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế, ... (không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ) được tính theo phương pháp phân bổ dần vào chi phí quản lý doanh nghiệp; tiền thuê TSCĐ, chi phí trả cho nhà thầu phụ.

- Tài khoản 6428 - Chi phí bằng tiền khác: Phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí đã kể trên, như: Chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ, ...

Nguyên tắc hạch toán: Khi phát sinh chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán ghi vào bên Nợ TK 642, cuối kỳ kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh từ bên Có TK 642

**Tài khoản chi phí khác (TK 811)*

Chi phí khác là các khoản chi phí phát sinh từ các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đó là các khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra và chi phí bị bỏ sót, bỏ quên từ năm trước.

Nguyên tắc hạch toán: Khi phát sinh chi phí khác, kế toán ghi vào bên Nợ TK 811, cuối kỳ kết chuyển chi phí khác sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh từ bên Có TK 811

**Tài khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TK 821)*

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của

doanh nghiệp, bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Việc chi tiết TK chi phí thuế TNDN tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh, tính chất các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị mà mở TK cấp 2 cho phù hợp.

Nguyên tắc hạch toán: Khi phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, kế toán ghi vào bên Nợ TK 821, cuối kỳ kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh từ bên Có TK 821

1.2.2.3 Phương pháp hạch toán

Sơ đồ kế toán doanh thu (***phụ lục số 01***)

Sơ đồ kế toán các khoản giảm trừ doanh thu (***phụ lục số 02***)

Sơ đồ kế toán doanh thu tài chính (***phụ lục số 03***)

Sơ đồ kế toán các khoản thu nhập khác (***phụ lục số 04***)

Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán (***phụ lục số 05***)

Sơ đồ kế toán chi phí tài chính (***phụ lục số 06***)

Sơ đồ kế toán chi phí bán hàng (***phụ lục số 07***)

Sơ đồ kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp (***phụ lục số 08***)

Sơ đồ kế toán chi phí khác (***phụ lục số 09***)

1.2.2.4 Trình bày thông tin trên báo cáo tài chính

Từ những thông tin tài chính- kế toán ban đầu được thu thập, phân loại, kiểm tra và hạch toán vào tài khoản kế toán, sổ kế toán tương ứng. Cuối kỳ tổng hợp số liệu trên các tài khoản chi phí, doanh thu để kết chuyển sang TK xác định kết kinh doanh xác định lãi, lỗ. Hệ thống hóa từ những thông tin cung cấp để trình bày trên báo cáo kết quả kinh doanh gồm những thông tin về: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu, giá vốn hàng bán, doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác, chi phí khác, chi phí thuế TNDN.

Từ thông tin số liệu về doanh thu bán hàng và cung cấp số liệu và các khoản giảm trừ doanh thu ta có thể thông tin số liệu về chi tiêu doanh thu thuần trên báo

cáo KQKD. Từ thông tin số liệu về doanh thu thuần và giá vốn hàng bán ta có được thông tin số liệu về lợi nhuận gộp. Từ thông tin số liệu về lợi nhuận gộp, doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp ta có được lợi nhuận thuần. Từ thông tin số liệu về thu nhập khác, chi phí khác ta có được lợi nhuận khác. Từ thông tin số liệu về lợi nhuận thuần, lợi nhuận khác ta có được lợi nhuận kế toán trước thuế. Xác định được chi phí thuế ta sẽ xác định được lợi nhuận sau thuế. Nói cách khác tất cả các thông tin trình bày trên báo cáo KQKD đều xuất phát từ các thông tin, số liệu chi phí, doanh thu ban đầu được hạch toán vào các TK và sổ kế toán về chi phí, doanh thu và cuối cùng được trình bày trên báo cáo KQKD.

- Trên “Báo cáo KQHĐKD” – mẫu B02 – DN, doanh thu BH và CCDV được trình bày tại chỉ tiêu số 01 – Doanh thu BH và CCDV (mã số 01), chỉ tiêu số 02 – Các khoản giảm trừ doanh thu (mã số 02), chỉ tiêu số 03 – Doanh thu thuần về BH và CCDV (mã số 20)

- Trên “Thuyết minh BCTC” – mẫu B09 – DN, doanh thu BH và CCDV phản ánh tại tiểu mục 25, tiểu mục 26, tiểu mục 27 thuộc mục VI – Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Báo cáo KQHĐKD

- Trên “Báo cáo KQHĐKD” – mẫu B02 – DN, doanh thu hoạt động tài chính được trình bày tại chỉ tiêu số 06 – Doanh thu hoạt động tài chính (mã số 21). Trên “Thuyết minh BCTC” – mẫu B09 – DN, doanh thu hoạt động tài chính phản ánh tại tiểu mục 29 thuộc mục VI – Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Báo cáo KQHĐKD

- Trên “Báo cáo KQHĐKD” – mẫu B02 – DN, thu nhập khác được trình bày tại chỉ tiêu số 11 – Thu nhập khác (mã số 31).

- Trên “Báo cáo KQHĐKD” – mẫu B02 – DN, giá vốn hàng bán được trình bày tại chỉ tiêu số 04 – giá vốn hàng bán (mã số 11). Trên “Thuyết minh BCTC” – mẫu B09 – DN, giá vốn hàng bán được phản ánh tại tiểu mục 28 thuộc mục VI – Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Báo cáo KQHĐKD

- Trên “Báo cáo KQHĐKD” – mẫu B02 – DN, chi phí tài chính được trình bày

tại chỉ tiêu số 07 – chi phí tài chính (mã số 22). Trên “Thuyết minh BCTC” – mẫu B09 – DN, giá vốn hàng bán được phản ánh tại tiểu mục 30 thuộc mục VI – Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Báo cáo KQHĐKD

- Trên “Báo cáo KQHĐKD” – mẫu B02 – DN, chi phí bán hàng được trình bày tại chỉ tiêu số 08 – chi phí bán hàng (mã số 24). Trên “Thuyết minh BCTC” – mẫu B09 – DN, chi phí bán hàng được tách theo từng yếu tố và ghi theo từng chỉ tiêu phù hợp tại tiểu mục 33 – Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, thuộc mục VI – Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Báo cáo KQHĐKD

- Trên “Báo cáo KQHĐKD” – mẫu B02 – DN, chi phí quản lý doanh nghiệp được trình bày tại chỉ tiêu số 09 – chi phí quản lý doanh nghiệp (mã số 25). Trên “Thuyết minh BCTC” – mẫu B09 – DN, chi phí quản lý doanh nghiệp được tách theo từng yếu tố và ghi theo từng chỉ tiêu phù hợp tại tiểu mục 33 – Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, thuộc mục VI – Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Báo cáo KQHĐKD.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP CAO NGUYÊN BẮC NINH

2.1. Tổng quan về Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh và nhân tố ảnh hưởng đến kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

2.1.1 Tổng quan về Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

* Tên công ty: CÔNG TY CP CAO NGUYÊN BẮC NINH

* Trụ sở chính: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh.

* Điện thoại: 0222 3828 117

* Giấy CNĐKKD: số2300241419 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bắc Ninh cấp ngày 09 tháng 04 năm 2004.

* Mã số thuế: 2300241419

* Đại diện pháp luật: Nguyễn Văn Hiền

* Quy mô:

- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng)

- Tổng số cán bộ công nhân viên: 126 người

Thị trường hoạt động SXKD của Công ty bao gồm trên địa bàn Bắc Ninh và các tỉnh lân cận. Công ty được liên doanh liên kết với các tổ chức, cá nhân trên cả nước để mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh.

Sau khi thành lập, Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh đã tận dụng mọi thời cơ, lợi thế sẵn có, phát huy tối đa nội lực, từng bước ổn định, phát triển và khẳng định thương hiệu. Tập trung thực hiện chiến lược phát triển cụ thể trong từng giai đoạn, trong đó luôn chú trọng đầu tư trang thiết bị thi công, cập nhật, thực hành những cải tiến, công nghệ mới và phát triển nguồn lực con người. Công ty đã đầu tư nhiều thiết bị máy móc như cầu tháp, ô tô, máy xúc, máy ủi và các thiết bị thi công, đồng thời với việc tuyển dụng nhiều cán bộ kỹ thuật và công nhân giỏi nghề, thạo việc đã thi công nhiều công trình phức tạp trên địa bàn Bắc Ninh và toàn quốc. Công ty hiện đã có tiềm năng cơ sở vật chất vững vàng, có đội ngũ cán bộ công nhân viên đạt trình độ chuyên môn kỹ thuật nghiệp vụ cao, có kinh nghiệm quản lý và tổ chức thi công những công trình lớn.

Sau một thời gian kinh doanh trên thị trường, Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh đã chiếm lĩnh được thị trường và đạt được lòng tin của người tiêu dùng. Dưới sự dẫn dắt sáng suốt của ban lãnh đạo, doanh thu cũng như lợi nhuận của công ty không ngừng tăng qua các năm. Quy mô và thị trường hoạt động được mở rộng, công ty ký kết được nhiều hợp đồng kinh tế có giá trị lớn.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý

2.1.2.1. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực xây dựng. Đây là ngành nghề đòi hỏi vốn đầu tư lớn, thời gian xây dựng kéo dài, từ vài tháng cho đến hàng năm, do đó gây ứ đọng vốn cho doanh nghiệp. Không những thế, lĩnh vực xây dựng đòi hỏi nhiều lao động, chủ yếu là lao động thời vụ, các công trình xây dựng rải rác trên khắp đất nước. Những lao động này bên cạnh sức khỏe để đáp ứng được khối lượng công việc tương đối lớn còn cần có một số trình độ nhất định để đảm bảo những yêu cầu kỹ thuật của công trình. Trong những năm gần đây, ngoài hiện thực hiện thi công các công trình, công ty còn buôn bán vật liệu xây dựng và cho thuê mặt bằng kinh doanh

2.1.2.2. Sản phẩm kinh doanh

Từ những đặc điểm chung của ngành xây dựng, ta có thể thấy sản phẩm xây dựng là những công trình kiến trúc có giá trị rất lớn, thời gian sử dụng lâu dài, có đòi hỏi yêu cầu kỹ thuật cao vì ảnh hưởng trực tiếp đến người sử dụng. Không dừng lại ở giá trị sử dụng đơn thuần, những công trình này còn mang giá trị tinh thần, ảnh hưởng đến quy hoạch tổng thể chung của thành phố, thể hiện tư duy và tính cách của người sử dụng. Cụ thể:

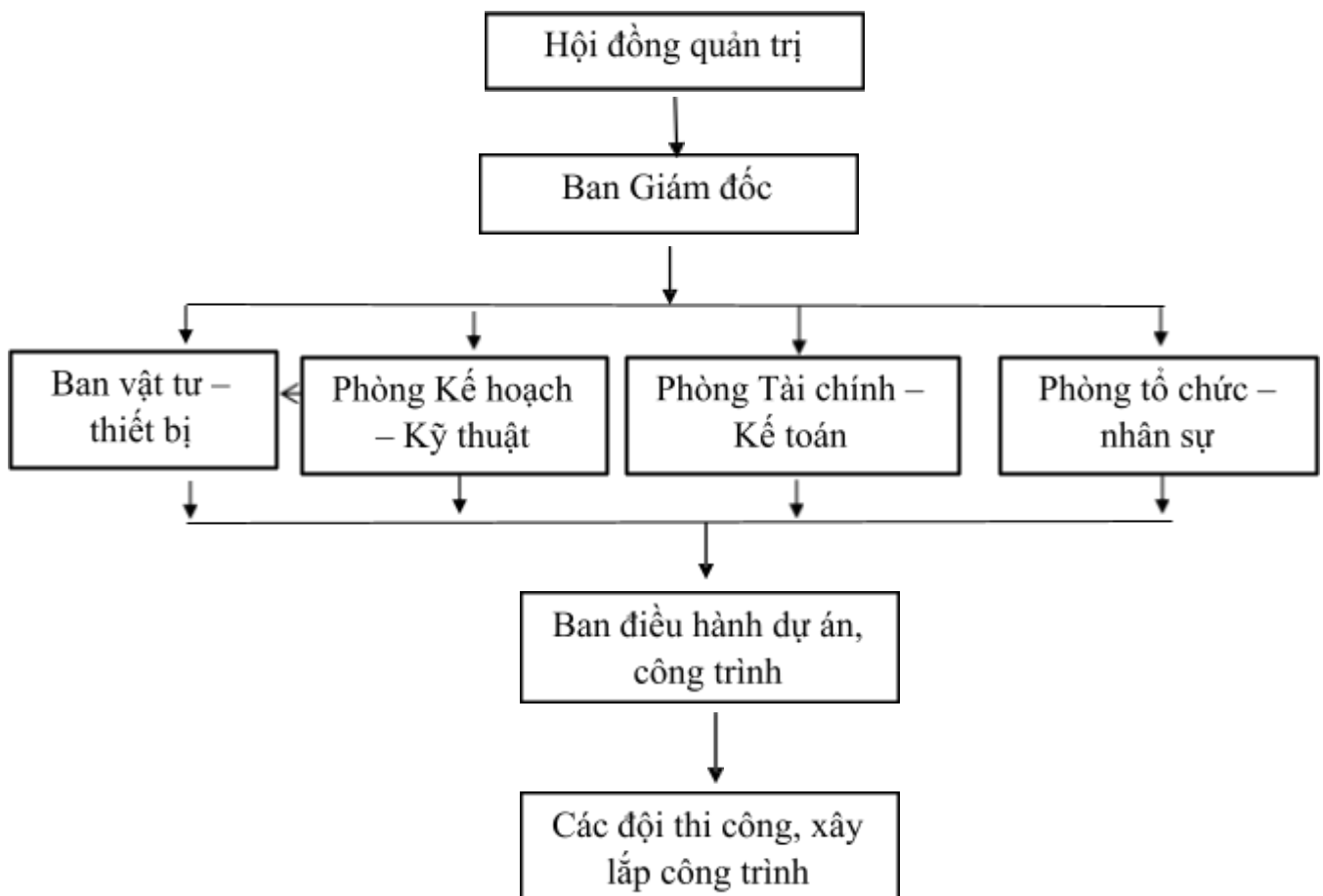
- + Sản phẩm xây dựng có tính đơn chiếc riêng lẻ.
- + Sản phẩm xây dựng thường có quy mô lớn kết cấu phức tạp.
- + Sản phẩm xây dựng được đặt tại một vị trí cố định, nơi sản xuất gắn liền với tiêu thụ sản phẩm, phụ thuộc trực tiếp vào điều kiện địa chất, thủy văn, khí hậu nơi đặt công trình.
- + Sản phẩm xây dựng có thời gian sử dụng lâu dài, chất lượng của sản phẩm có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả hoạt động của các ngành khác.

+ Sản phẩm xây dựng liên quan đến nhiều ngành cả về phương diện cung cấp các yếu tố đầu vào, thiết kế và chế tạo sản phẩm lẫn phương diện sử dụng sản phẩm của xây dựng làm ra.

+ Sản phẩm xây dựng mang tính tổng hợp về kỹ thuật, kinh tế, xã hội, văn hóa nghệ thuật và quốc phòng.

2.1.2.3. Cơ cấu bộ máy tổ chức

Bộ máy tổ chức của công ty rõ ràng, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, phù hợp với loại hình và quy mô của công ty, theo mô hình tập trung. Sự hoạt động của các phòng ban đều được quản lý và giám sát của Ban giám đốc. Các phòng ban bình đẳng với nhau, thực hiện các chức năng riêng nhưng cũng hỗ trợ, liên hệ mật thiết để bộ máy hoạt động liên tục, trơn tru. Cụ thể như sau:



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

Chức năng của các phòng ban

- *Hội đồng quản trị*: giám sát Giám đốc điều hành và các bộ phận quản lý khác; quyết định kế hoạch sản xuất – kinh doanh hàng năm của công ty, quyết định cơ cấu tổ chức của công ty, lựa chọn công ty kiểm toán cho công ty, quyết định một số các hoạt động kinh tế của công ty, thảo luận và thông qua báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm, kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của công ty.

- *Ban Giám đốc*: chịu trách nhiệm quản lý tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh, phát triển mạng lưới kinh doanh, trực tiếp chỉ đạo các công tác xây dựng cơ bản, tổ chức lao động, kinh tế.

- *Phòng Tổ chức – nhân sự*: Chịu trách nhiệm giúp Giám đốc quản lý các lĩnh vực công tác văn thư, lưu trữ, sắp xếp, bố trí nhân sự hợp lý cho các phòng ban, giám sát tình hình thực hiện các nội quy, điều lệ của công ty.

- *Phòng Tài chính – Kế toán*: Có nhiệm vụ lập kế hoạch thu – chi tài chính, sử dụng và quản lý hiệu quả cơ cấu vốn sản xuất kinh doanh, tính giá thành các công trình, sản phẩm, xác định kết quả kinh doanh và thực hiện thu – chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng đảm bảo vốn cho quá trình sản xuất – kinh doanh.

- *Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật*: Tìm kiếm đấu thầu các công trình mới, theo dõi, kiểm tra giám sát các công trình đang thi công, kiểm tra hồ sơ chất lượng, quy trình xây dựng, lắp ráp... của công trình.

- *Phòng vật tư – thiết bị*: Theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn vật tư, so sánh với định mức dự trữ để báo cho các bộ phận liên quan, duy trì điều kiện bảo quản hàng hóa, vật tư, tránh thất thoát cho công ty.

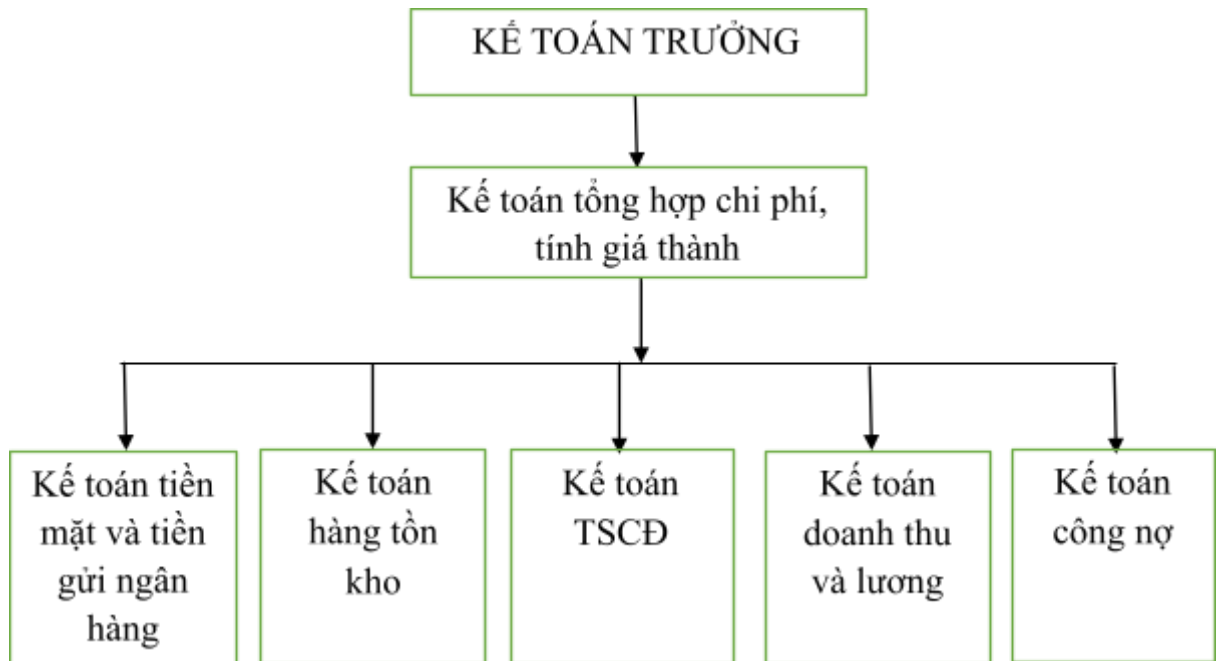
- *Ban điều hành dự án, công trình*: Giám sát tình hình, tiến độ thực hiện công trình, tránh tình trạng sai kỹ thuật hoặc quá hạn giao công trình cho khách hàng.

- *Các đội thi công, xây lắp công trình*: Trực tiếp tiến hành xây lắp các công trình dựa trên các yêu cầu kỹ thuật đã có.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty cổ phần Cao Nguyên Bắc Ninh

2.1.3.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy Tài chính – Kế toán

Phòng Tài chính – Kế toán của Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh gồm 7 thành viên được tổ chức theo mô hình tập trung được thể hiện như sau:



Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

- *Kế toán trưởng*: người đứng đầu bộ máy kế toán, có nhiệm vụ điều hành hoạt động bộ máy kế toán của công ty, tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác kế toán, thống kê thông tin kinh tế và hệ thống kinh tế trong công ty, lập các BCTC theo quy định của Bộ tài chính.

- *Kế toán tiền mặt và tiền gửi ngân hàng*: theo dõi các khoản thu – chi bằng tiền mặt, các giấy báo Nợ, báo Có hoặc các bản sao kê của các ngân hàng kèm chứng từ gốc.

- *Kế toán tổng hợp chi phí, tính giá thành*: phụ trách tập hợp toàn bộ chi phí sản xuất và ngoài sản xuất phát sinh trong kỳ và thực hiện liên kết với các kế toán bộ phận, phát hiện sai sót, chênh lệch của báo cáo chi tiết, tính giá thành sản phẩm.

- *Kế toán lương và doanh thu*: tính toán lương phải trả, các khoản phải trích theo lương và các khoản doanh thu của công ty.

- *Kế toán công nợ*: theo dõi, đối chiếu tình hình công nợ phải thu – phải trả với khách hàng và nhà cung cấp



- *Kế toán hàng tồn kho*: theo dõi tình hình biến động, nhập – xuất – tồn của hàng hóa, thành phẩm, nguyên vật liệu trong kho, số lượng thực tế hiện đang có để đảm bảo quá trình sản xuất và tiêu thụ được liên tục

- *Kế toán TSCĐ*: theo dõi tình hình biến động TSCĐ, tính và trích, phân bổ khấu hao vào quá trình sản xuất kinh doanh trong công ty

Mỗi kế toán thực hiện từng phần hành cụ thể dưới sự phân công của Kế toán trưởng. Trong quá trình thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình thì giữa các nhân viên trong bộ máy kế toán luôn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và với các phòng ban khác trong công ty.

2.1.3.2. Các chính sách kế toán áp dụng

* *Chế độ kế toán áp dụng*: Hiện nay công ty áp dụng theo Thông tư 200/2014/TT - BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

* *Niên độ kế toán*: bắt đầu từ 1/1 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

* *Hình thức kế toán áp dụng*: Nhật ký chung.

* *Kỳ kế toán*: công ty xác định kết quả và lập báo cáo tài chính hàng quý.

* *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kỳ kế toán*: Việt Nam đồng

* *Chính sách kế toán áp dụng đối với hàng tồn kho*: hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

* *Phương pháp tính giá hàng xuất kho*: tính theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ.

* *Phương pháp khấu hao TSCĐ*: khấu hao đường thẳng tính theo phương pháp làm tròn ngày.

* *Phương pháp hạch toán thuế GTGT*: theo phương pháp khấu trừ

2.1.4. Đặc điểm doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Cao Nguyên Bắc Ninh

Đặc điểm doanh thu

a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tại Công ty, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đến từ 3 nguồn chính: doanh thu từ việc thi công, xây lắp các công trình, bán các căn nhà, chung cư đã



hoàn thiện, bán nguyên vật liệu xây dựng và cho thuê mặt bằng làm văn phòng, quán xá... trong đó doanh thu từ việc bán các căn chung cư đã hoàn thành chiếm tỷ trọng lớn hơn cả, khoảng 80% tổng doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ: Dịch vụ cho thuê mặt bằng

Doanh thu bán hàng: Doanh thu bán nguyên vật liệu xây dựng

Cả hai loại doanh thu trên được kế toán theo dõi chi tiết cho từng hoạt động kinh doanh.

b. Doanh thu hoạt động tài chính.

Chủ yếu là doanh thu từ lãi tiền gửi của Công ty tại ngân hàng, lãi chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại khoản mục có gốc ngoại tệ. Doanh thu này chiếm 0,2% doanh thu toàn Công ty. Ngân hàng giao dịch chính: Vietcombank, Agribank, BIDV, Vietinbank, MB....

c. Thu nhập khác

Chủ yếu là các khoản khách hàng trả tiền thừa, tiền phạt do khách hàng hủy hợp đồng hoặc hủy cọc, nhượng bán thanh lý tài sản cố định. Doanh thu này chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong doanh thu toàn Công ty.

Đặc điểm chi phí

a. Đặc điểm chi phí tại Công ty.

Quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh nhiều loại chi phí khác nhau để thực hiện các quá trình tạo ra sản phẩm, dịch vụ, hàng hoá cung cấp cho khách hàng.

Giá trị nguyên vật liệu trong xây dựng công trình chiếm tỷ trọng lớn và quyết định đến chất lượng sản phẩm, nên đòi hỏi phải có sự quản lý riêng trị giá nguyên vật liệu sử dụng, đồng thời thực hiện tiết kiệm chi phí trong quá trình sản xuất kinh doanh, nhưng không thể thực hiện bằng việc tiết kiệm nguyên vật liệu đưa vào sử dụng. Trong khi đó đối với dịch vụ cho thuê mặt bằng thì chi phí khấu hao lại chiếm tỷ trọng lớn, tiếp đến là chi phí nhân công các bộ phận trực tiếp...

b. Phân loại chi phí tại Công ty.

Chi phí sản xuất kinh doanh tại Công ty được phân loại theo công dụng của

chi phí cho từng hoạt động kinh doanh, bao gồm các khoản mục:

- Chi phí giá vốn hàng bán: Giá vốn hàng bán là một nhân tố quan trọng để xác định kết quả kinh doanh. Đây là chi phí chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu chi phí, đặt biệt đối với doanh nghiệp xây lắp.

Đối với kinh doanh cung cấp dịch vụ, chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động kinh doanh tập hợp thẳng vào tài khoản 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, sau đó tập hợp chi phí sản xuất (Giá thành toàn bộ của hàng hóa, dịch vụ cung cấp) của toàn công ty sang tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán. Do đó, để thuận tiện việc hạch toán và quản trị, tài khoản giá vốn chi tiết như sau:

TK 6321: Giá vốn hàng hóa

TK 6322: Giá vốn công trình xây dựng

TK 6323: Giá vốn dịch vụ

- Chi phí bán hàng: Là những khoản chi phí phát sinh phục vụ cho công tác tổ chức lưu thông hàng hoá, sản phẩm dịch vụ như tiền lương và các chi phí của bộ phận kinh doanh, chi phí quảng cáo, hoa hồng, các chi phí khuyến mãi cho các tiệc cưới, hội nghị.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí cho bộ máy quản lý và điều hành liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty như:

- + Chi phí phân bổ khấu hao tài sản cố định, công cụ, dụng cụ lao động phục vụ cho bộ máy quản lý và điều hành công ty.

- + Tiền lương, phụ cấp lương và các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của ban giám đốc.

- + Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền.

- Chi phí hoạt động tài chính: Chi phí này tại Công ty chủ yếu là chi phí lãi vay phải trả cho ngân hàng.

Đặc điểm kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là số chênh lệch giữa doanh thu thuần của các sản phẩm, dịch vụ và trị giá vốn hàng bán các loại sản

phẩm, dịch vụ. Các chỉ tiêu tính toán doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, lợi nhuận hoạt động khác được tính theo qui định của chế độ kế toán.

- Kết quả hoạt động tài chính của Công ty là số chênh lệch giữa thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả khác là số chênh lệch giữa khoản thu nhập khác (phạt vi phạm hợp đồng) và các khoản chi phí khác.

$DT\text{ thuần} = \text{Tổng doanh thu} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$

Kết quả kinh doanh (Lợi nhuận kế toán trước thuế) = $DT\text{ thuần} - \text{Giá vốn hàng bán} + \text{Doanh thu tài chính} - \text{Chi phí tài chính} + \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác} - \text{Chi phí BH} - \text{Chi phí QLDN}$.

$\text{Thuế TNDN} = (\text{Lợi nhuận kế toán trước thuế} + \text{Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế} - \text{Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế}) \times \text{thuế suất (20\%)}$

$\text{Lợi nhuận sau thuế} = \text{Lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Thuế TNDN}$

2.1.5. Nhân tố ảnh hưởng đến kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

Xây dựng cơ bản là ngành sản xuất vật chất quan trọng mang tính chất công nghiệp nhằm tái sản xuất tài sản cố định cho tất cả các ngành trong nền kinh tế quốc dân, tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật cho xã hội, tăng cường tiềm lực kinh tế, quốc phòng và góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Do đó, quản lý tốt và hạch toán đúng đủ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Tuy nhiên, ngành xây dựng cơ bản cũng có những nét đặc thù riêng chi phối công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Những nét đặc thù đó là:

Sản phẩm xây lắp là các công trình, vật kiến trúc...thuộc kết cấu hạ tầng của nền kinh tế quốc dân có quy mô và giá trị lớn, kết cấu phức tạp, thời gian sử dụng lâu dài...Do vậy, việc tổ chức quản lý và hạch toán nhất thiết phải có các dự toán thiết kế, thi công được lập theo từng công trình, hạng mục công trình. Trong quá trình thi công xây lắp phải thường xuyên so sánh kiểm tra việc thực hiện dự toán chi phí, tìm ra nguyên nhân vượt, hụt dự toán và đánh giá hiệu quả kinh doanh trên cơ

sở lấy dự toán làm thước đo.

Sản phẩm xây lắp cố định tại nơi sản xuất còn các điều kiện sản xuất (xe máy, thiết bị thi công, người lao động...) phải di chuyển theo địa điểm đặt sản phẩm. Mặt khác, hoạt động xây dựng cơ bản thường tiến hành ngoài trời nên chịu ảnh hưởng của điều kiện thiên nhiên, thời tiết. Đặc điểm này làm cho công tác quản lý, sử dụng, hạch toán tài sản, vật tư rất phức tạp, dễ bị mất mát, hư hỏng làm tăng chi phí sản xuất. Bên cạnh đó, chu kỳ sản xuất của đơn vị xây lắp thường rất dài, chi phí phát sinh thường xuyên trong khi doanh thu chỉ phát sinh ở từng thời điểm nhất định. Do đó, kỳ tính giá thành ở các đơn vị xây lắp thường được xác định theo kỳ sản xuất.

Tổ chức sản xuất trong các doanh nghiệp xây lắp ở nước ta hiện nay phổ biến theo phương thức khoán gọn các công trình, hạng mục công trình, khối lượng hoặc công việc cho các đơn vị trong nội bộ doanh nghiệp (đội, xí nghiệp...). Trong giá khoán gọn, không chỉ có tiền lương mà còn có đủ các chi phí về vật liệu, công cụ, dụng cụ thi công, chi phí chung của bộ phận nhận khoán.

Sản phẩm xây lắp được tiêu thụ theo giá dự toán hoặc giá thoả thuận với chủ đầu tư từ trước (giá đấu thầu) nên tính chất hàng hoá của sản phẩm thể hiện không rõ hay nói cách khác, tác động của yếu tố thị trường bị hạn chế.

Giá thành công trình xây lắp không bao gồm giá trị bản thân thiết bị do chủ đầu tư đưa vào để lắp đặt mà chỉ bao gồm những chi phí do doanh nghiệp xây lắp bỏ ra có liên quan đến xây lắp công trình. Giá thành công tác xây dựng và lắp đặt kết cấu bao gồm giá trị vật kết cấu và giá trị thiết bị kèm theo như các thiết bị vệ sinh, thông gió, thiết bị sưởi ấm, điều hoà nhiệt độ, thiết bị truyền dẫn...

Đối với hoạt động xây lắp, việc thanh toán cũng ảnh hưởng đến kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Cụ thể đối với việc mua bán chung cư: Đối với các công trình, hạng mục công trình mà doanh nghiệp là chủ đầu tư (kể cả các công trình, hạng mục công trình doanh nghiệp vừa là chủ đầu tư, vừa tự thi công), doanh nghiệp không được ghi nhận doanh thu bán bất động sản theo Chuẩn mực kế toán Hợp đồng xây dựng và không được ghi nhận doanh thu đối

với số tiền thu trước của khách hàng theo tiến độ thực hiện. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hoá đơn đã lập.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Những đặc điểm trên đòi hỏi doanh nghiệp phải tổ chức công tác hạch toán kế toán trên cơ sở tuân thủ chế độ kế toán nhưng cũng phải phù hợp với đặc điểm đặc thù của hoạt động kinh doanh xây lắp để đảm bảo chất lượng công tác kế toán, cung cấp kịp thời những thông tin cho quản lý.

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh trên góc độ kế toán tài chính

2.2.1. Thực trạng vận dụng các nguyên tắc kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Cao Nguyên Bắc Ninh

Nguyên tắc kế toán doanh thu

Tại Công ty cổ phần Cao Nguyên Bắc Ninh, tất cả các khoản doanh thu khi được hạch toán đều đảm bảo có đủ chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật và chế độ kế toán cũng như VAS 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, VAS 15 “Hợp đồng xây dựng”. Cụ thể doanh thu được xác định là giá trị hợp lý của các khoản doanh thu và thu nhập khác đã thu được hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu.

Điều kiện ghi nhận doanh thu là khi khách hàng chấp nhận thanh toán hoặc đã thanh toán kèm hoá đơn và chứng từ hợp lệ. Doanh thu được hạch toán theo đồng Việt Nam, nếu phát sinh doanh thu bằng ngoại tệ sẽ được quy đổi ra Việt Nam đồng theo tỷ giá của Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản.

Đối với dịch vụ cho thuê mặt bằng: Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp

chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với dịch vụ xây và bán chung cư, căn hộ: Việc ghi nhận doanh thu bán bất động sản phải đảm bảo thoả mãn đồng điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;

Thời điểm xác định doanh thu là khi công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ cho người mua, thực hiện xong hợp đồng hoặc xuất hoá đơn GTGT.

Đối với những hợp đồng nhận thầu xây lắp: khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hoá đơn đã lập.

Đối với các khoản doanh thu tài chính, thời điểm xác định doanh thu tài chính là như lãi cho vay, lãi gửi, lãi trả chậm, trả góp... xác định theo thời gian và lãi suất của hợp đồng cho vay, cho thuê hoặc giấy báo có của ngân hàng.

Các xác định doanh thu



Do Công ty hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nên doanh thu được xác định như sau:

$$\text{Doanh thu} = \frac{\text{Số sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ}}{\text{Đơn giá bán}}$$

Nguyên tắc kế toán chi phí

Đối với ghi nhận chi phí, Công ty cổ phần Cao Nguyên Bắc Ninh áp dụng các quy định trong VAS 01 “Quy định chung” và VAS 02 “Hàng tồn kho”

Nguyên tắc cơ sở dồn tích: Công ty cổ phần Cao Nguyên Bắc Ninh ghi sổ chi phí tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ làm phát sinh chi phí chứ không căn cứ vào thời điểm Công ty chi tiền hoặc tương đương

Nguyên tắc phù hợp: Việc ghi nhận doanh thu và chi phí, Công ty cổ phần Cao Nguyên Bắc Ninh ghi nhận một khoản doanh thu thì sẽ ghi nhận một khoản chi phí tương ứng liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Theo đó, nếu Công ty cổ phần Cao Nguyên Bắc Ninh ghi nhận doanh thu thì sẽ ghi nhận giá vốn hàng bán tương ứng kèm các chi phí gián tiếp như chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. Tuy nhiên trong một số nghiệp vụ ghi nhận dịch vụ cho thuê mặt bằng, kế toán của Công ty cổ phần Cao Nguyên Bắc Ninh vẫn vi phạm nguyên tắc này khi khách hàng trả tiền thuê nhà nhiều hơn 1 tháng nhưng kế toán không thực hiện phân bổ mà tiến hành hạch toán hết vào doanh thu trong kỳ đó.

Trong thực hiện VAS 02, Công ty cổ phần Cao Nguyên Bắc Ninh áp dụng phương pháp bình quân dự trữ.

Thông thường, Công ty sẽ phải lập dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá hàng tồn kho để đảm bảo nguyên tắc thận trọng tuy nhiên hiện tại Công ty cổ phần Cao Nguyên Bắc Ninh lại không trích lập hai khoản dự phòng tổn thất tài sản này. Điều này gây ảnh hưởng đến tính chính xác của thông tin trên các BCTC của Công ty.

Bên cạnh đó, việc lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp cũng không được thực hiện. Công ty chỉ hạch toán chi phí bảo hành khi nghiệp vụ này phát sinh.



Nguyên tắc kế toán kết quả kinh doanh

Hiện tại, Công ty đang thực hiện rất tốt nguyên tắc kết quả kinh doanh. Theo đó, VAS 01 và VAS 21 “Trình bày báo cáo tài chính”, BCTC của Công ty được lập đủ, đúng theo mẫu hướng dẫn trong TT 200/2014/TT - BTC

2.2.2. Thực trạng phương pháp kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Cao Nguyên Bắc Ninh

2.2.2.1. Kế toán doanh thu và thu nhập khác

❖ Kế toán doanh thu BH và CCDV

□ Chứng từ sử dụng

Chứng từ kế toán phản ánh Doanh thu BH và CCDV bao gồm: Hoá đơn GTGT (Mẫu 01 – HĐGTGT), phiếu thu, giấy báo Có, hợp đồng kinh tế...

□ Trình tự luân chuyển chứng từ

Khi khách hàng có nhu cầu mua hàng hoá, dịch vụ và kí hợp đồng xong tại phòng Kinh doanh, sẽ thực hiện ứng trước một khoản tiền. Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật sẽ thông báo cho phòng Tài chính - Kế toán lập Phiếu thu làm 3 liên, gửi cho khách hàng 1 liên đồng thời Thủ quỹ thực hiện thu tiền, nhập quỹ và Kế toán viên ghi sổ kế toán hoặc nhận được Giấy báo Có từ ngân hàng. Sau khi hoàn thành cung cấp dịch vụ, Kế toán doanh thu sẽ lập Hoá đơn GTGT làm 3 liên, có chữ ký của Kế toán trưởng và gửi cho khách hàng 1 liên. Thủ quỹ thực hiện việc thu số tiền còn lại, nhập quỹ hoặc khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản, công ty nhận được Giấy báo Có. Sau đó các kế toán liên quan sẽ tiến hành ghi sổ. Các chứng từ liên quan được lưu giữ và bảo quản tại phòng Tài chính- Kế toán.

□ Tài khoản sử dụng

Hiện nay, để hạch toán doanh thu, Công ty sử dụng tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Để phản ánh chi tiết các loại doanh thu, Công ty sử dụng hai tài khoản cấp hai là:

+ Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa: Phản ánh doanh thu của hàng hóa bán ra từ các hoạt động thương mại của Công ty như buôn bán vật liệu xây dựng.



+ Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm: Phản ánh doanh thu của các căn hộ do Công ty xây lắp bán ra thị trường

+ Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ: Phản ánh doanh thu cung cấp các dịch vụ cho thuê mặt bằng

□ Phương pháp kế toán

Căn cứ vào chứng từ gốc (hóa đơn GTGT...) kế toán chi tiết tiến hành nhập số liệu vào phần mềm kế toán để ghi nhận doanh thu tại phần hành Bán hàng – phải thu. Sau đó số liệu sẽ được máy tính tự động cập nhật vào sổ chi tiết TK 511, sổ cái TK 511, sổ nhật ký chung.

Ví dụ 1: Ngày 01/06/2020, Công ty cho Công ty CP xây dựng và BĐS Tân Minh thuê mặt bằng với giá thuê 11.760.000 đồng/tháng (Giá chưa VAT 10%). Công ty đã phát hành hoá đơn GTGT cho khách (**Phụ lục số 10**). Khách hàng đã thanh toán cho Công ty bằng tiền mặt, công ty đã lập Phiếu thu (**Phụ lục số 11**)

Kế toán nhập liệu vào máy (**Phụ lục số 12**) như sau:

Vào phần mềm MISA, chọn phân hệ được phân quyền (kế toán bán hàng), chọn hoá đơn bán hàng rồi tích vào bán hàng kiêm phiếu xuất kho, kế toán cập nhật đầy đủ các thông tin hoá đơn trên phần mềm kế toán để khi có nhu cầu tìm kiếm thông tin doanh thu, kế toán chỉ cần tìm kiếm theo mã hàng hoặc mã khách hàng hoặc số hoá đơn. Kế toán điền đầy đủ các trường thông tin bắt buộc như phần mềm yêu cầu và có thể chi tiết thêm các trường thông tin bổ trợ để nhà quản lý dễ nhìn hơn.

Kế toán tiến hành khai báo:

- Ngày tháng chứng từ, ngày tháng ghi sổ (thường trùng với nhau)
- Nhập mã khách hàng nếu khách hàng có sẵn, chỉ cần lựa chọn mã khách hàng đã được lưu trong phần mềm. Nếu khách hàng giao dịch lần đầu, kế toán tiến hành khai báo mã khách hàng. Ở đây, mã khách hàng đã có sẵn là KH00668. Kế toán tiến hành thêm thông tin khách hàng gồm họ tên, mã số thuế, địa chỉ, tài khoản thường giao dịch tại các ngân hàng, số điện thoại, số fax... rồi nhập nghiệp vụ bán hàng

Kế toán nhập:

- Nội dung nghiệp vụ: Cho thuê mặt bằng theo HĐ số 14/HĐMBT – CN – TM ngày 04/11/2019 (thời gian từ 5/06/2020 đến 04/07/2020)



- Mã hàng hoá: CPMH kho hàng, số lượng, đơn giá
- Tài khoản đối ứng, số tiền
- Tính thuế ở phần tính thuế, kế toán điền thuế suất 10%. Phần mềm kế toán sẽ tự động cập nhật những thông tin còn lại.

Số liệu sau khi được cập nhật vào phần mềm kế toán sẽ được tự động chuyển sang sổ sách các tài khoản liên quan. Khi muốn kết xuất file hoặc in sổ, kế toán chọn phân hệ kế toán tổng hợp/ sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, chọn báo cáo cần in rồi ấn Ctr + E để in sổ

Ví dụ 2: Công ty ký hợp đồng bán căn hộ Cao Nguyên 2 – CT1-0303 cho khách hàng Nguyễn Ngọc Hà. Ngày 02/06/2020, Công ty xuất hoá đơn GTGT (**Phụ lục số 13**) cho khách hàng, tổng giá trị hoá đơn là 30% giá trị căn hộ với giá trị 453.940.476 đồng (chưa thuế GTGT 5%). Khách hàng đã thanh toán cho Công ty bằng chuyển khoản, Công ty đã nhận được giấy báo Có (**Phụ lục số 14**). Kế toán nhập liệu vào máy (**Phụ lục số 15**)

Ví dụ 3: Công ty ký hợp đồng bán căn hộ Cao Nguyên 2 – CT1-0203 cho khách hàng Trần Minh Tuấn. Theo đó chi phí dự toán của căn hộ ban đầu là: 1.142.983.295 đồng, tổng giá trị của hợp đồng là 1.513.134.920 đồng (chưa VAT 5%).

Đến ngày 17/06/2020, khách hàng Trần Minh Tuấn thanh toán nốt lần 3 45% giá trị căn hộ, Công ty đã xuất hoá đơn GTGT (**Phụ lục số 16**) với số tiền là 680.910.714 đ (chưa VAT 5%) và thực hiện bàn giao căn hộ cho khách hàng. Công ty đã nhận được giấy báo Có (**Phụ lục số 17**). Kế toán nhập dữ liệu vào máy tại phần hành kế toán bán hàng

Ngày 17/06/2020, kế toán thực hiện ghi nhận doanh thu kết chuyển từ TK 3387 sang theo Phiếu kế toán (**Phụ lục số 18**).

Ví dụ 4: Ngày 15/06/2020, Công ty xuất hoá đơn GTGT số 0000021 (**Phụ lục số 19**) cho Công ty TNHH thang máy Phúc Thành thuê mặt bằng 3 tháng với giá thuê 26.430.000 đồng/tháng (Giá chưa VAT 10%). Khách hàng đã thanh toán cho Công ty bằng chuyển khoản, công ty đã nhận được giấy báo Có (**Phụ lục số 20**)

Ví dụ 5: Ngày 20/6/2020, Công ty xuất bán vật liệu xây dựng cho Công ty TNHH Hoàng Tùng Anh theo hoá đơn GTGT 0000024 (**Phụ lục số 21**) với tổng giá thanh toán là 440.012.650 đồng. Khách hàng đã thanh toán cho Công ty bằng chuyển khoản vào ngày 25/06/2020 sau khi trừ đi 100.000.000 đồng tiền đã đặt cọc, công ty đã nhận được giấy báo Có (**Phụ lục số 22**).

Kế toán đã tiến hành nhập dữ liệu vào máy tính (**Phụ lục số 23**)

Kế toán căn cứ nhập dữ liệu vào máy, các dữ liệu được tự động cập nhật sang sổ chi tiết TK 5113 (**Phụ lục số 24**), TK 51111 (**Phụ lục số 25**), TK 51112 (**Phụ lục số 26**), TK 5112 (**Phụ lục số 27**), sổ Cái TK 511 (**Phụ lục số 28**) và sổ Nhật ký chung (**Phụ lục số 59**)

- Trên “Báo cáo KQHĐKD” – mẫu B02 – DN, doanh thu BH và CCDV được trình bày tại chỉ tiêu số 01 – Doanh thu BH và CCDV (mã số 01) số tiền **98.201.453.461 đ**. Các khoản giảm trừ doanh thu (mã số 02) chỉ tiêu số 02 – số tiền 0 đ, chỉ tiêu số 03 – Doanh thu thuần về BH và CCDV (mã số 20) số tiền **98.201.453.461 đ**.

- Trên “Thuyết minh BCTC” – mẫu B09 – DN, doanh thu BH và CCDV phản ánh tại tiểu mục 25, tiểu mục 26, tiểu mục 27 thuộc mục VI – Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Báo cáo KQHĐKD

❖ **Kế toán doanh thu tài chính**

□ *Chứng từ kế toán:*

Chứng từ kế toán phản ánh Doanh thu tài chính bao gồm: Giấy báo Có của ngân hàng, phiếu thu, bảng kê lãi tiền gửi

□ *Trình tự luân chuyển chứng từ*

Khi kế toán nhận được giấy báo Có của ngân hàng hay thông báo được hưởng chiết khấu thanh toán từ phía đối tác sẽ tiến hành ghi sổ. Các chứng từ liên quan được lưu giữ và bảo quản tại phòng Tài chính- Kế toán.

□ *Tài khoản sử dụng*

Hiện nay, để hạch toán doanh thu tài chính, Công ty sử dụng tài khoản 515 - Doanh thu tài chính



□ *Phương pháp kế toán*

Căn cứ vào chứng từ gốc kế toán chi tiết tiến hành nhập số liệu vào phần mềm kế toán tại phần hành Vốn bằng tiền (nhập hàng ngày khi có phát sinh). Sau đó máy tính tự động chuyển số liệu sang sổ chi tiết TK 515 và sổ cái TK 515.

Ví dụ 6: Ngày 30/06/2020, Công ty nhận được Giấy báo có lãi tiền gửi không kỳ hạn từ ngân hàng Agribank (**Phụ lục số 29**) số tiền 1.256.835 đồng.

Vào phần mềm MISA, chọn phân hệ được phân quyền (kế toán vốn bằng tiền), chọn cập nhật tiền mặt/ tiền gửi ngân hàng, chọn danh mục quyền chứng từ/ phiếu thu rồi ấn Enter

Kế toán tiến hành khai nhập dữ liệu:

- Ngày tháng chứng từ, ngày tháng ghi sổ là 30/06/2019
- Nội dung nghiệp vụ: lãi tiền gửi không kỳ hạn ngân hàng Agribank tháng 6.2020
- Tài khoản đối ứng 515, số tiền: 1.256.835đ rồi ấn ghi

Số liệu sau khi được cập nhật vào phần mềm kế toán sẽ được tự động chuyển sang sổ sách các tài khoản 515. Khi muốn kết xuất file hoặc in sổ, kế toán chọn phân hệ kế toán tổng hợp/ sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, chọn báo cáo cần in rồi ấn Ctr + E để in sổ

Kế toán căn cứ giấy báo có nhập dữ liệu vào máy, các dữ liệu được tự động cập nhật sang sổ chi tiết TK 515 (**Phụ lục số 30**), sổ Cái TK 515 (**Phụ lục số 31**) và sổ Nhật ký chung (**Phụ lục số 59**)

- Trên “Báo cáo KQHĐKD” – mẫu B02 – DN, doanh thu hoạt động tài chính được trình bày tại chỉ tiêu số 06 – Doanh thu hoạt động tài chính (mã số 21) số tiền 38.987.615 đ. Trên “Thuyết minh BCTC” – mẫu B09 – DN, doanh thu hoạt động tài chính phản ánh tại tiểu mục 29 thuộc mục VI – Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Báo cáo KQHĐKD

❖ **Kế toán thu nhập khác**

□ *Chứng từ kế toán:*

Chứng từ kế toán phản ánh Thu nhập khác chủ yếu là biên bản thanh lý tài sản, hoá đơn GTGT, giấy báo Có, phiếu thu...



□ *Trình tự luân chuyển chứng từ*

Sau khi hoàn thành thanh lý tài sản, Kế toán doanh thu sẽ lập Hoá đơn GTGT làm 3 liên, có chữ ký của Kế toán trưởng và gửi cho khách hàng 1 liên. Thủ quỹ thực hiện việc thu số tiền còn lại, nhập quỹ hoặc khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản, công ty nhận được Giấy báo Có. Sau đó các kế toán liên quan sẽ tiến hành ghi sổ. Các chứng từ liên quan được lưu giữ và bảo quản tại phòng Tài chính - Kế toán.

□ *Tài khoản sử dụng*

Hiện nay, để hạch toán doanh thu tài chính, Công ty sử dụng tài khoản 711 – Thu nhập khác

□ *Phương pháp kế toán*

Căn cứ vào chứng từ gốc kế toán chi tiết tiến hành nhập số liệu phần mềm kế toán tại phần hành Vốn bằng tiền hoặc Phải thu – trả khác (nhập hàng ngày khi có phát sinh). Sau đó, máy tính tự động chuyển số liệu sang sổ chi tiết TK 711 và sổ cái TK 711. Sổ chi tiết TK 811 và sổ cái TK 811.

Chọn phần mềm MISA, chọn phân hệ được phân quyền (kế toán bán hàng và công nợ phải thu)/ chọn hoá đơn bán hàng rồi ấn Enter.

Kế toán nhập các số liệu dưới đây vào phần mềm:

- Ngày tháng chứng từ, ngày tháng ghi sổ (thường trùng với nhau)
- Nội dung nghiệp vụ
- Tài khoản đối ứng, số tiền rồi ấn ghi

Số liệu sau khi được cập nhật vào phần mềm kế toán sẽ được tự động chuyển sang sổ sách các tài khoản 711. Khi muốn kết xuất file hoặc in sổ, kế toán chọn phân hệ kế toán tổng hợp/ sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, chọn báo cáo cần in rồi ấn Ctr + E để in sổ

Ví dụ 7: Ngày 30/06/2020, Công ty tiến hành thanh lý 1 máy in với giá thanh lý 6.500.000 đồng (Giá chưa VAT 10%). Người mua đã thanh toán bằng tiền mặt, kế toán lập phiếu thu (**Phụ lục số 32**). Nguyên giá của máy in này là 58.000.000 đồng, giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm bán là 52.421.982 đồng

Kế toán truy cập phần mềm MISA, chọn phân hệ kế toán bán hàng/ chọn hoá đơn bán hàng rồi ấn Enter rồi cập nhật các thông tin vào phần mềm. Ngày tháng chứng từ và ngày ghi sổ là 30/06, nội dung nghiệp vụ bán thanh lý TSCĐ.

Kế toán căn cứ nhập dữ liệu vào máy, các dữ liệu được tự động cập nhật sang sổ chi tiết TK 711 (**Phụ lục số 33**), sổ Cái TK 711 (**Phụ lục số 34**) và sổ Nhật ký chung (**Phụ lục số 59**)

- Trên “Báo cáo KQHĐKD” – mẫu B02 – DN, thu nhập khác được trình bày tại chỉ tiêu số 11 – Thu nhập khác (mã số 31) số tiền 16.317.000 đ.

2.2.2.2. Kế toán chi phí

❖ Kế toán Chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất tại Công ty bao gồm: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Trong quá trình hạch toán chi phí nguyên vật liệu chính, kế toán tập hợp chi phí theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Đây là loại chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong giá thành công trình, hạng mục công trình, thông thường, mỗi công trình giá trị vật liệu chiếm 50% đến 70% tổng giá thành sản phẩm; hạch toán chi phí này có tầm quan trọng đặc biệt trong việc xác định lượng tiêu hao vật chất trong sản xuất thi công, đảm bảo tính chính xác trong công tác xác định giá thành của toàn công trình xây dựng, cũng như phản ánh tình hình sử dụng vật liệu đối với từng công trình và hạng mục công trình. Bao gồm:

□ Nguyên vật liệu chính: Là các loại nguyên vật liệu chứa giá trị lớn và chủ yếu trong quá trình thi công công trình của Công ty, như: cát, đá, sỏi, thép, xi măng,...

□ Nguyên vật liệu phụ: Là các nguyên vật liệu dùng cho công trình nhưng chiếm giá trị thấp như: Chất phụ gia, ...

□ Nhiên liệu: Là các loại chất đốt, cung cấp năng lượng cho các máy móc thiết bị và các loại dầu nhớt dùng để bảo quản máy móc bao gồm: Xăng, dầu nhớt các loại,...



□ Phụ tùng thay thế: Là các chi tiết phụ tùng của các loại máy móc thiết bị mà công ty sử dụng tại công trường bao gồm phụ tùng thay thế cho các loại máy móc, máy cầu, máy trộn bê tông,...

Do đặc điểm sản phẩm xây lắp của Công ty khắp nơi nên để thuận tiện cho việc thi công và hạn chế trong vận chuyển, Công ty đã xây dựng các kho vật liệu phân tán. Tuy nhiên, không phải trong kho vật liệu nào cũng có thể cung ứng đủ số lượng và chủng loại phục vụ thi công, do vậy đối với những loại vật liệu không có sẵn trong kho của Công ty sẽ phải mua ngoài và xuất trực tiếp cho sản xuất.

Khi Công ty trúng thầu công trình, Công ty sẽ tiến hành bàn giao khối lượng công việc cho các đội thi công. Căn cứ vào khối lượng công việc theo thiết kế ban đầu, các tổ đội phải bóc tách khối lượng vật tư, lập bảng dự trù mua vật tư trình Giám đốc.

Chi phí nhân công trực tiếp: Chi phí NCTT là những khoản thù lao phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm, trực tiếp thực hiện các lao vụ, dịch vụ như tiền lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp có tính chất lương (phụ cấp độc hại, làm thêm,...). Trong giá thành xây dựng, chi phí nhân công trực tiếp chiếm tỷ lệ khoảng 25-36% tổng chi phí.

Đối với công nhân Lao động trực tiếp tại Công ty được phân ra như sau:

- Lao động hợp đồng dài hạn: là những Lao động làm việc cho doanh nghiệp ký hợp đồng trong thời gian > 12 tháng.
- Lao động hợp đồng ngắn hạn: là những Lao động làm việc cho doanh nghiệp ký hợp đồng trong thời gian 3 tháng đến 1 năm.
- Lao động hợp đồng thời vụ: là những Lao động làm việc cho doanh nghiệp dưới 3 tháng.

Hình thức trả lương của doanh nghiệp:

- Trả lương theo thời gian đối với Lao động trong danh sách biên chế của Công ty. Công thức tính lương:

$$\text{Lương tháng} = (\text{Lương} + \text{Phụ cấp} + \text{Lương trách nhiệm}) / 26 \times \text{ngày công thực tế làm việc}$$



- Trả lương theo bậc thợ, phụ thuộc vào tay nghề của công nhân đối với công nhân trực tiếp. Công thức tính lương:

Lương thực tế = số ngày công x lương theo bậc thợ (phụ thuộc vào tay nghề của công nhân)

- Trả tiền giao khoán từng khối lượng công việc hoàn thành và khoán gọn công việc đối với Lao động thuê ngoài. Công thức tính lương:

Tiền lương phải trả = khối lượng công việc x đơn giá khối lượng

Công ty không phải trích các khoản chi phí theo lương đối với Lao động ngắn hạn và Lao động thời vụ.

Đối với công nhân làm thêm giờ được trả lương theo đơn giá tiền lương bằng 200% đơn giá tiền lương ngày bình thường.

Chi phí sử dụng máy thi công: Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ chi phí về vật liệu, nhân công và các chi phí khác liên quan đến sử dụng máy thi công.

Theo tính chất, chi phí SDMTC được chia làm 2 loại: chi phí thường xuyên và chi phí tạm thời.

Chi phí thường xuyên: là chi phí phát sinh trong quá trình sử dụng máy thi công và được tính thẳng vào giá thành của máy như tiền lương công nhân trực tiếp điều khiển máy hay phục vụ xe, máy móc, chi phí nhiên liệu, động lực dùng cho máy thi công, chi phí khấu hao máy thi công, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

Chi phí tạm thời: là những chi phí phân bổ dần theo thời gian sử dụng máy thi công như: chi phí tháo lắp, vận chuyển, chạy thử khi di chuyển từ công trình này sang công trình khác, chi phí về xây dựng, lán trại sử dụng cho máy thi công, chi phí sửa chữa lớn máy thi công.

Theo phạm vi sử dụng, chi phí sử dụng máy thi công gồm:

+ Máy móc, thiết bị của doanh nghiệp: lương nhân viên đội máy, chi phí khấu hao máy thi công, chi phí mua nhiên liệu phục vụ máy thi công.

+ Máy móc, thiết bị thuê ngoài: doanh nghiệp tính chi phí sử dụng máy thi công theo giá trị hợp đồng ký với bên cho thuê.



Đối với các công trình ở quá xa Công ty sẽ chọn phương án thuê sử dụng máy thi công.

Chi phí sản xuất chung: Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ chi phí về vật liệu, nhân công và các chi phí khác liên quan đến sử dụng máy thi công.

Theo tính chất, chi phí SDMTC được chia làm 2 loại: chi phí thường xuyên và chi phí tạm thời.

Chi phí thường xuyên: là chi phí phát sinh trong quá trình sử dụng máy thi công và được tính thẳng vào giá thành của máy như tiền lương công nhân trực tiếp điều khiển máy hay phục vụ xe, máy móc, chi phí nhiên liệu, động lực dùng cho máy thi công, chi phí khấu hao máy thi công, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

Chi phí tạm thời: là những chi phí phân bổ dần theo thời gian sử dụng máy thi công như: chi phí tháo lắp, vận chuyển, chạy thử khi di chuyển từ công trình này sang công trình khác, chi phí về xây dựng, lán trại sử dụng cho máy thi công, chi phí sửa chữa lớn máy thi công.

Theo phạm vi sử dụng, chi phí sử dụng máy thi công gồm:

+ Máy móc, thiết bị của doanh nghiệp: lương nhân viên đội máy, chi phí khấu hao máy thi công, chi phí mua nhiên liệu phục vụ máy thi công.

+ Máy móc, thiết bị thuê ngoài: doanh nghiệp tính chi phí sử dụng máy thi công theo giá trị hợp đồng ký với bên cho thuê.

❖ **Kế toán Giá vốn hàng bán**

□ *Chứng từ kế toán:*

Chứng từ kế toán phản ánh giá vốn hàng bán bao gồm: Hợp đồng kinh tế (nếu có), Hoá đơn GTGT, Các chứng từ thanh toán (Phiếu chi, Giấy báo Nợ của Ngân hàng...), Bảng thanh toán lương, Bảng phân bổ lương & BHXH, Thẻ tính giá thành dịch vụ hoàn thành...

□ *Trình tự luân chuyển chứng từ*

Dựa vào các chứng từ gốc liên quan kế toán tiến hành tập hợp chi phí tính giá thành căn hộ bằng cách nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán rồi kết chuyển vào giá

vốn hàng bán khi việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ được hoàn tất. Đối với việc bán nguyên vật liệu xây dựng, căn cứ vào Phiếu xuất kho kế toán kết chuyển giá trị nguyên vật liệu bán ra vào giá vốn hàng bán.

□ *Tài khoản sử dụng*

Hiện nay, để hạch toán giá vốn hàng bán, Công ty sử dụng tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán. Công ty hiện đang chi tiết TK 632 như sau:

TK 6321 – Giá vốn hàng bán hàng hoá

TK 6322 – Giá vốn hàng bán thành phẩm xây lắp

TK 6323 – Giá vốn hàng bán dịch vụ cho thuê mặt bằng

□ *Phương pháp kế toán*

Căn cứ vào chứng từ gốc kế toán chi tiết tiến hành nhập số liệu vào phần mềm kế toán tại phần hành Chi phí giá thành (nhập hàng ngày khi có phát sinh) hoặc hàng tồn kho. Sau đó, máy tính tự động chuyển số liệu sang sổ chi tiết TK 632 và sổ cái TK 632. Kế toán vào phân hệ bán hàng và công nợ phải thu, sau khi hạch toán doanh thu, kế toán tiến hành vào mục hàng tồn kho, chọn mã hàng hoá rồi nhập số lượng hàng bán, phương pháp tính giá bình quân cả kỳ dự trữ, phần mềm sẽ tự động tính ra giá xuất kho và giá trị xuất kho. Đối với dịch vụ vận tải, kế toán tiến hành tập hợp chi phí và phân bổ cho từng chuyến đi. Sau đó hạch toán kết chuyển vào giá vốn hàng bán.

Số liệu sau khi được cập nhật vào phần mềm kế toán sẽ được tự động chuyển sang sổ sách các tài khoản 632. Khi muốn kết xuất file hoặc in sổ, kế toán chọn phân hệ kế toán tổng hợp/ sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, chọn báo cáo cần in rồi ấn Ctr + E để in sổ.

Ví dụ 8: Đối với việc cho thuê mặt bằng ở **Ví dụ 1**, Ngày 30/6/2020, căn cứ vào bảng tính và phân bổ khấu hao của căn cho thuê, kế toán lập Phiếu kế toán (**Phụ lục số 35**) để tính giá vốn hàng bán. Tổng giá thành là 9.674.000đ

Ví dụ 9: Đối với nghiệp vụ bán căn hộ ở **Ví dụ 3**, kế toán kết chuyển vào giá vốn hàng bán theo thẻ tính giá thành (**Phụ lục số 36**).

Ví dụ 10: Ở **Ví dụ 4**, Ngày 30/6/2020, căn cứ vào bảng tính và phân bổ khấu hao của căn cho thuê, kế toán lập Phiếu kế toán (**Phụ lục số 37**). Tổng giá thành là 21.097.200 đồng

Ví dụ 11: Ở **Ví dụ 5**, dựa vào Phiếu xuất kho (**Phụ lục số 38**), tổng giá trị hàng xuất kho là 372.051.170 đồng.

Kế toán căn cứ nhập dữ liệu vào máy, các dữ liệu được tự động cập nhật sang sổ chi tiết TK 6323 (**Phụ lục số 39**), TK 63211 (**Phụ lục số 40**), TK 63212 (**Phụ lục số 41**), TK 6322 (**Phụ lục số 42**), sổ Cái TK 632 (**Phụ lục số 43**) và sổ Nhật ký chung (**Phụ lục số 59**)

Trên “Báo cáo KQHĐKD” – mẫu B02 – DN, giá vốn hàng bán được trình bày tại chỉ tiêu số 04 – giá vốn hàng bán (mã số 11) số tiền 80.312.694.452 đ. Trên “Thuyết minh BCTC” – mẫu B09 – DN, giá vốn hàng bán được phản ánh tại tiểu mục 28 thuộc mục VI – Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Báo cáo KQHĐKD

❖ **Kế toán chi phí tài chính**

□ *Chứng từ kế toán:*

Chi phí tài chính chủ yếu phát sinh do Công ty vay ngắn hạn, dài hạn ngân hàng. Để vay vốn ngân hàng thì phòng Tài chính- Kế toán chuẩn bị hồ sơ hạn mức xin vay vốn ngân hàng. Nếu ngân hàng chấp nhận cho vay thì sẽ thông báo với Công ty và hàng tháng Công ty trả lãi cho ngân hàng theo lãi suất quy định. Chứng từ theo dõi quá trình trả lãi cho ngân hàng là sổ phụ tiền gửi, giấy báo nợ, phiếu chi.

□ *Trình tự luân chuyển chứng từ*

Giấy báo Nợ các khoản trích lãi tiền vay sẽ được ngân hàng gửi đến hàng tháng. Đây là cơ sở để hạch toán chi phí tài chính.

□ *Tài khoản sử dụng*

Hiện nay, để hạch toán chi phí tài chính, Công ty sử dụng tài khoản 635 – Chi phí tài chính

□ *Phương pháp kế toán*



Căn cứ vào chứng từ gốc kế toán chi tiết tiến hành nhập số liệu vào phần mềm kế toán tại phần hành Vốn bằng tiền (nhập hàng ngày khi có phát sinh). Sau đó, máy tính tự động chuyển số liệu sang sổ chi tiết TK 635, sổ cái TK 635.

Ví dụ 12: Ngày 30/06/2020, Công ty nhận được giấy báo Nợ (**Phụ lục số 44**) của ngân hàng Agribank về việc trích lãi số tiền 49.821.642 đồng của tài khoản vay 8600 2631 86244

Căn cứ vào chứng từ gốc kế toán chi tiết tiến hành nhập số liệu vào phần mềm kế toán tại phần hành Vốn bằng tiền (nhập hàng ngày khi có phát sinh).

Kế toán nhập thông tin tên chứng từ vào phần mềm gồm:

Cập nhật thông tin chính

Cập nhật thông tin khác

Ngày tháng chứng từ, ngày tháng ghi sổ

Diễn đạt nội dung kinh tế của nghiệp vụ

Số liệu sau khi được cập nhật vào phần mềm kế toán sẽ được tự động chuyển sang sổ sách các tài khoản 635. Khi muốn kết xuất file hoặc in sổ, kế toán chọn phân hệ kế toán tổng hợp/ sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, chọn báo cáo cần in rồi ấn Ctr + E để in sổ

Kế toán căn cứ nhập dữ liệu vào máy, các dữ liệu được tự động cập nhật sang sổ chi tiết TK 635 (**Phụ lục số 45**), sổ Cái TK 635 (**Phụ lục số 46**) và sổ Nhật ký chung (**Phụ lục số 59**)

- Trên “Báo cáo KQHĐKD” – mẫu B02 – DN, chi phí tài chính được trình bày tại chỉ tiêu số 07 – chi phí tài chính (mã số 22) số tiền 681.329.631 đ. Trên “Thuyết minh BCTC” – mẫu B09 – DN, giá vốn hàng bán được phản ánh tại tiểu mục 30 thuộc mục VI – Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Báo cáo KQHĐKD

❖ Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

□ *Chứng từ kế toán:*

Các chứng từ Công ty sử dụng khi kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp gồm Hợp đồng kinh tế (nếu có), Hoá đơn GTGT, Các chứng từ thanh



toán (Phiếu chi, Giấy báo Nợ của Ngân hàng...), Bảng thanh toán lương, Bảng phân bổ lương và BHXH, Bảng tính và trích khấu hao TSCĐ.

□ *Trình tự luân chuyển chứng từ*

Các chứng từ được tập hợp từ các phòng ban sẽ được chuyển về phòng kế toán làm cơ sở hạch toán. Dựa vào tính hợp lý, hợp lệ kế toán sẽ tiến hành định khoản và ghi sổ các tài khoản có liên quan

□ *Tài khoản sử dụng*

Hiện nay, để hạch toán chi phí bán hàng, Công ty sử dụng tài khoản 641 – Chi phí bán hàng; để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp sử dụng TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

□ *Phương pháp kế toán*

Căn cứ vào chứng từ gốc kế toán chi tiết tiến hành nhập số liệu vào phần mềm kế toán tại các phần hành tương ứng (nhập hàng ngày khi có phát sinh). Sau đó, máy tính tự động chuyển số liệu sang sổ chi tiết TK 641, 642 và sổ cái TK 641, 642. Căn cứ vào chứng từ gốc kế toán chi tiết tiến hành nhập số liệu vào phần mềm kế toán tại các phần hành tương ứng như phần hành hàng tồn kho, tiền lương... (nhập hàng ngày khi có phát sinh).

Kế toán nhập các thông tin bắt buộc vào trường thông tin:

- Ngày tháng chứng từ, ngày tháng ghi sổ (thường trùng nhau)
- Nội dung nghiệp vụ
- Mã đối tác, mã công nợ, mã hàng tồn kho...

Số liệu sau khi được cập nhật vào phần mềm kế toán sẽ được tự động chuyển sang sổ sách các tài khoản 641, 642. Khi muốn kết xuất file hoặc in sổ, kế toán chọn phân hệ kế toán tổng hợp/ sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, chọn báo cáo cần in rồi ấn Ctr + E để in sổ

Ví dụ 13: Ngày 22/06/2020, Công ty đặt in biển MECA của Công ty TNHH Phương Hồng Đức. Công ty đã nhận được hoá đơn GTGT (**Phụ lục số 47**) do Công ty Phương Hồng Đức xuất với giá trị thanh toán 46.750.000 đồng (VAT 10%) cho việc in biển MECA quảng cáo. Nhân viên đã làm giấy đề nghị thanh toán (**Phụ lục**

số 48), hoá đơn đã được thanh toán bằng Ủy nhiệm chi (**Phụ lục số 49**) vào ngày 25/06/2020.

Ví dụ 14: Ngày 30/06/2020, căn cứ vào bảng phân bổ lương và Bảo hiểm xã hội (**Phụ lục số 50**), tính ra lương phải trả cho bộ phận bán hàng và bộ phận quản lý doanh nghiệp. Theo đó lương của bộ phận bán hàng là 945.642.150 đồng, của bộ phận quản lý doanh nghiệp là 487.521.640 đồng

Ví dụ 2.15: Ngày 25/6/2020, sau khi đi công tác về Anh Bình làm giấy đề nghị thanh toán (**Phụ lục số 51**) để thanh toán công tác phí, kế toán đã lập phiếu chi (**Phụ lục số 52**) số tiền 1.500.000 đồng

Kết toán cập nhật vào phần mềm kế toán. Bút toán định

khoản: Nợ TK 6428: 1.500.000 đ

Có TK 111: 1.500.000 đ

Kế toán căn cứ nhập dữ liệu vào máy, các dữ liệu được tự động cập nhật sang sổ chi tiết TK 6411 (**Phụ lục số 53**), TK 6418 (**Phụ lục số 54**), TK 6421 (**Phụ lục số 55**), TK 6428 (**Phụ lục số 56**), sổ Cái TK 641 (**Phụ lục số 57**), TK 642 (**Phụ lục số 58**) và sổ Nhật ký chung (**Phụ lục số 59**)

- Trên “Báo cáo KQHĐKD” – mẫu B02 – DN, chi phí bán hàng được trình bày tại chỉ tiêu số 08 – chi phí bán hàng (mã số 24) số tiền 6.861.345.552 đ. Trên “Thuyết minh BCTC” – mẫu B09 – DN, chi phí bán hàng được tách theo từng yếu tố và ghi theo từng chỉ tiêu phù hợp tại tiểu mục 33 – Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, thuộc mục VI – Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Báo cáo KQHĐKD

- Trên “Báo cáo KQHĐKD” – mẫu B02 – DN, chi phí quản lý doanh nghiệp được trình bày tại chỉ tiêu số 09 – chi phí quản lý doanh nghiệp (mã số 25) số tiền **3.145.921.586** đ. Trên “Thuyết minh BCTC” – mẫu B09 – DN, chi phí quản lý doanh nghiệp được tách theo từng yếu tố và ghi theo từng chỉ tiêu phù hợp tại tiểu mục 33 – Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, thuộc mục VI – Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Báo cáo KQHĐKD



❖ **Kế toán chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

□ *Chứng từ kế toán:*

Các chứng từ Công ty sử dụng khi kế toán chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm Hợp đồng kinh tế (nếu có), biên bản thanh lý tài sản cố định, Các chứng từ thanh toán (Phiếu chi, Giấy báo Nợ của Ngân hàng...), biên bản phạt vi phạm hợp đồng...

□ *Trình tự luân chuyển chứng từ*

Các chứng từ được tập hợp từ các phòng ban sẽ được chuyển về phòng kế toán làm cơ sở hạch toán. Dựa vào tính hợp lý, hợp lệ kế toán sẽ tiến hành định khoản và ghi sổ các tài khoản có liên quan

□ *Tài khoản sử dụng*

Hiện nay, để hạch toán chi phí khác, Công ty sử dụng tài khoản 811 – Chi phí khác; để hạch toán chi phí thuế TNDN doanh nghiệp sử dụng TK 821 – Chi phí thuế TNDN doanh nghiệp

□ *Phương pháp kế toán*

Căn cứ vào chứng từ gốc kế toán chi tiết tiến hành nhập số liệu vào phần mềm kế toán tại các phần hành tương ứng (nhập hàng ngày khi có phát sinh). Sau đó, máy tính tự động chuyển số liệu sang sổ chi tiết TK 811, 821 và sổ cái TK 811, 821. Căn cứ vào chứng từ gốc kế toán chi tiết tiến hành nhập số liệu vào phần mềm kế toán tại các phần hành tương ứng như phần hành TSCĐ, vốn bằng tiền, nộp NSNN... (nhập hàng ngày khi có phát sinh).

Kế toán nhập các thông tin bắt buộc vào trường thông tin:

- Ngày tháng chứng từ, ngày tháng ghi sổ (thường trùng nhau)
- Nội dung nghiệp vụ
- TK đối ứng

Ở **Ví dụ 7**, ngoài việc ghi nhận thu nhập khác từ việc bán thanh lý TSCĐ, kế toán sẽ vào phần hành TSCĐ để ghi giảm TSCĐ. Kế toán điền các trường thông tin đối ứng, phần giá trị còn lại của TSCĐ sẽ được đối ứng với TK 811 số tiền là 5.578.018 đồng.

Sau khi tạm tính chi phí thuế TNDN phải nộp, kế toán vào phần hành thuế phải nộp NSNN để ghi nhận vào TK 821 số tiền 1.444.837.041 đồng. (**Phụ lục số 60**)

Số liệu sau khi được cập nhật vào phần mềm kế toán sẽ được tự động chuyển sang sổ sách các tài khoản 811, 821. Kế toán chọn phân hệ kế toán tổng hợp/ sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, chọn báo cáo cần in rồi ấn Ctr + E để in sổ.

2.2.2.3. Kế toán kết quả kinh doanh

Kế toán xác định kết quả kinh doanh được thực hiện ở cuối quý và không sử dụng trực tiếp các chứng từ gốc để hạch toán nhưng được sử dụng với mục đích kiểm tra, đối chiếu.

Công ty sử dụng TK 911 –Xác định kết quả kinh doanh để hạch toán.

Trình tự xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trên chương trình phần mềm kế toán được thực hiện như sau:

Cuối quý, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển các tài khoản chi phí, doanh thu sang TK “Xác định kết quả kinh doanh”. Trên chương trình phần mềm MISA, các thao tác được thực hiện như sau:

- Cuối quý kế toán thực hiện chọn các bút toán kết chuyển, các tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác trên sổ Nhật ký chung.

- Đối với các tài khoản giá vốn hàng bán, chi phí trên sổ Nhật ký chung, trước khi kết chuyển, chương trình lấy phát sinh nợ trừ phát sinh có, số còn lại sẽ được chương trình kết chuyển sang có TK “Xác định kết quả kinh doanh”

- Xác định lãi lỗ và kết chuyển sang TK “Lợi nhuận chưa phân phối”

Cuối cùng, trên Nhật ký chung kế toán thực hiện bút toán kết chuyển lãi lỗ, trước khi kết chuyển, chương trình sẽ tự tính toán. Nếu phát sinh nợ TK “Xác định kết quả kinh doanh” lớn hơn phát sinh có thì chương trình sẽ kết chuyển lãi sang bên có TK “Lợi nhuận chưa phân phối” và ngược lại.

Tại ngày 30/06/2020, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển và cập nhật vào Sổ cái TK 911 (**Phụ lục số 60**):

Kết chuyển doanh thu thuần:



Nợ TK 511: **98.201.453.461 đ**

Có TK 911: **98.201.453.461 đ**

Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính

Nợ TK 515: 38.987.615 đ

Có TK 911: 38.987.615 đ

Kết chuyển thu nhập khác

Nợ TK 711: 16.317.000 đ

Có TK 911: 16.317.000 đ

Kết chuyển giá vốn hàng bán

Nợ TK 911: 80.312.694.452 đ

Có TK 632: 80.312.694.452 đ

Kết chuyển chi phí tài chính

Nợ TK 911: 681.329.631 đ

Có TK 635: 681.329.631 đ

Kết chuyển chi phí bán hàng

Nợ TK 911: 6.861.345.552 đ

Có TK 641: 6.861.345.552 đ

Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 911: **3.145.921.586 đ**

Có TK 642: **3.145.921.586 đ**

Kết chuyển chi phí khác

Nợ TK 911: 31.281.651 đ

Có TK 811: 31.281.651 đ

Kết chuyển chi phí thuế TNDN

Nợ TK 911: 1.444.837.041 đ

Có TK 821: 1.444.837.041 đ

Kết chuyển lợi nhuận sau thuế

Nợ TK 911: 5.779.348.163 đ

Có TK 421: 5.779.348.163 đ



Việc xác định kết quả kinh doanh của công ty được tiến hành theo trình tự sau:

- Xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng và CCDV với giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Doanh thu thuần	=	Doanh thu	-	Các khoản giảm
BH & CCDV		BH & CCDV		trừ Doanh thu
	=	98.201.453.461	-	0
	=	98.201.453.461		
Lợi nhuận gộp		Doanh thu		
BH& CCDV	=	thuần	-	Giá vốn hàng bán
		BH& CCDV		
	=	98.201.453.461	-	80.312.694.452
	=	17.888.759.009		
Kết quả hoạt động	=	Lợi nhuận gộp	-	CP Bán hàng
Sản xuất kinh doanh		BH & CCDV	-	CP QLDN
	=	17.888.759.009	-	6.861.345.552 - 3.145.921.586
	=	7.881.491.871		

- Xác định kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

$$\begin{aligned}\text{Kết quả hoạt động tài chính} &= \text{Doanh thu tài chính} - \text{Chi phí tài chính} \\ &= 38.987.615 - 681.329.631 = (642.342.016)\end{aligned}$$

- Xác định kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác:

$$\begin{aligned}\text{Kết quả hoạt động khác} &= \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác} \\ &= 16.317.000 - 31.281.651 \\ &= (14.964.651)\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}\text{Kết quả kinh doanh} &= \text{Kết quả hoạt động} + \text{Kết quả hoạt động} + \text{Kết quả HĐ} \\ &\quad \text{BH\& CCDV} \quad \text{tài chính} \quad \text{khác} \\ &= 7.881.491.871 - 642.342.016 - 14.964.651\end{aligned}$$



= 7.224.185.204

Từ những thông tin trên, số liệu các chỉ tiêu được trình bày trên báo cáo KQKD (**Phụ lục số 61**)

Trên “Báo cáo KQHĐKD” – mẫu B02 – DN, lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại chỉ tiêu số 10 – lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh (mã số 30) số tiền 704.566.562 đ.

Từ những thông tin tài chính - kế toán ban đầu được thu thập, phân loại, kiểm tra và hạch toán vào tài khoản kế toán, sổ Kế toán doanh thu, chi phí tương ứng. Cuối kỳ, số liệu của các chỉ tiêu được trình bày về chi phí, doanh thu và kết quả kinh doanh trên báo cáo KQKD gồm:

Số liệu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: **98.201.453.461** đồng

Số liệu giá vốn hàng bán: 80.312.694.452 đồng

Số liệu doanh thu tài chính: 38.987.615 đồng

Số liệu thu nhập khác: 16.317.000 đồng

Số liệu chi phí tài chính: 681.329.631 đồng

Số liệu chi phí bán hàng: 6.861.345.552 đồng

Số liệu chi phí quản lý doanh nghiệp: **3.145.921.586** đồng

Số liệu chi phí khác: 31.281.651 đồng

LN kế toán trước thuế quý II năm 2020: 7.224.185.204 đồng

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý II năm 2020 (**Phụ lục số 60**).

2.3. Nhận xét và đánh giá thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

2.3.1. Những thành tựu đạt được

Nhìn chung, Công ty đã nhận thức được vai trò của kế toán là công cụ phục vụ cho quản lý mang lại lợi ích kinh tế, đã tổ chức được công tác Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh chi tiết cho từng hoạt động kinh doanh, phù hợp với yêu cầu và trình độ quản lý của Công ty, cụ thể:

- Nhìn chung, bộ máy kế toán được tổ chức phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty. Công tác tổ chức, sắp xếp các nhân viên kế toán phù hợp với năng lực trình độ chuyên môn của từng người. Hệ thống máy tính của phòng kế toán được trang bị

hiện đại đi kèm theo là các chương trình xử lý thông tin trên máy tính (phần mềm kế toán Misa) với đội ngũ nhân viên kế toán đều tốt nghiệp từ đại học trở lên đã giúp đơn giản hóa việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, giúp cho việc hạch toán kế toán nhanh gọn, chính xác và hiệu quả. Do vậy, việc tổ chức công tác hạch toán kế toán được tiến hành kịp thời, phù hợp với điều kiện kinh doanh hiện nay của Công ty.

- Hình thức ghi sổ kế toán của Công ty là hình thức Nhật ký chung. Đây là phương thức ghi sổ hoàn toàn phù hợp với đặc điểm của Công ty.

Mô hình kế toán của Công ty là mô hình kế toán tập trung. Mô hình này có ưu điểm là mọi công việc chủ yếu của kế toán được thực hiện ở phòng kế toán tài chính của công ty. Với mô hình này, lãnh đạo Công ty có thể kịp thời nắm bắt được các thông tin về hoạt động kinh doanh của Công ty, từ đó thực hiện sự kiểm tra và chỉ đạo sát sao, kịp thời, việc chỉ đạo công tác kế toán được thống nhất, chặt chẽ, việc tổng hợp số liệu được nhanh chóng và chính xác.

- Về chứng từ sử dụng

Các chứng từ của công ty sử dụng hầu hết theo đúng mẫu biểu quy định và lập, ghi chép, luân chuyển theo đúng chế độ. Các chứng từ được lưu trữ một cách khoa học an toàn, đầy đủ và thuận tiện cho việc kiểm tra.

- Về tài khoản và việc vận dụng tài khoản

Hệ thống tài khoản của công ty áp dụng theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014. Các tài khoản kế toán sử dụng theo dõi tình hình kinh doanh của công ty phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành về nội dung, kết cấu.

- Về sổ kế toán

Sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ có vận dụng kế toán máy (phần mềm kế toán Misa), hệ thống sổ sách kế toán của Công ty đã tương đối đầy đủ và hoàn chỉnh theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

Hình thức sổ kế toán này có ưu điểm: giảm nhẹ khối lượng ghi chép kế toán do việc ghi chép một lần và kết hợp ghi chép tổng hợp và chi tiết, kết cấu sổ kế toán thích hợp với việc tích lũy số liệu và phản ánh rõ ràng các chỉ tiêu cơ bản phục vụ cho quản lý và kiểm tra.

- Về lập và trình bày các báo cáo kế toán

Công ty lập báo cáo kế toán theo đúng chuẩn mực quy định. Các báo cáo phục vụ phần hành kế toán tài chính được lập định kỳ như: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Thuyết minh báo cáo tài chính, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ... Bên cạnh các báo cáo về phần hành kế toán tài chính, phần mềm công ty đang sử dụng còn có thể trợ giúp cho việc in các báo cáo quản trị theo yêu cầu. Thông thường là Báo cáo doanh thu bán hàng (số lượng, giá trị), có so sánh với dự toán và phân tích đánh giá. Báo cáo chi phí quản lý của các phòng sản xuất trực tiếp theo từng khoản mục phí (vận chuyển, công tác phí, tiền lương, văn phòng phẩm...) có so với dự toán và phân tích, đánh giá.

2.3.2. Những điểm còn tồn tại

Về chứng từ và luân chuyển chứng từ: Việc tập hợp và luân chuyển chứng từ còn chậm chễ khiến cho việc hạch toán các nghiệp vụ không được kịp thời. Thông thường kế toán đợi các nhân viên, phòng ban gửi chứng từ gốc lên mới hạch toán. Điều này ảnh hưởng đến tính chính xác và kịp thời của thông tin kinh tế.

Về phương pháp kế toán: Việc ghi nhận doanh thu thuê nhà đôi khi còn không hợp lý. Kế toán ghi nhận theo toàn bộ giá trị hoá đơn xuất cho khách hàng nên đối với nghiệp vụ khách hàng trả trước tiền thuê văn phòng, kế toán vẫn đưa vào doanh thu trong tháng đó tổng giá trị chưa thu. Điều này đã vi phạm nguyên tắc phù hợp trong hạch toán kế toán.

Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên diễn ra hoạt động bảo trì, bảo dưỡng căn hộ, chung cư nhưng kế toán lại không tiến hành trích trước chi phí này vào chi phí sản xuất – kinh doanh trong kỳ.

Về chi tiết tài khoản và sổ chi tiết:

Doanh thu từ bán nguyên vật liệu không chiếm tỷ trọng lớn nhưng Công ty lại tiến hành mở TK và sổ chi tiết đến từng mã nguyên vật liệu (TK 51111 – Mã hàng HH 00004, TK 51112 – Mã hàng HH 00087; TK 63211 – Mã hàng HH 00004, TK 63212 – Mã hàng 00087) trong khi đó doanh thu từ việc bán các căn hộ, chung cư chiếm tỷ trọng lớn hơn cả lại chỉ chi tiết duy nhất vào TK 51112 – Doanh thu bán chung cư, căn hộ và việc giá vốn hàng bán cũng được chi tiết tương ứng vào TK 6322 – Giá vốn căn hộ, chung cư. Hơn nữa, đối với mỗi chung cư, căn hộ tại các tòa

khác nhau hay tại các khu phức hợp khác nhau cũng có giá bán và giá vốn khác nhau. Chính điều này làm cho người sử dụng thông tin gặp khó khăn trong công tác đánh giá để ra quyết định trong quá trình sản xuất – kinh doanh. Người quản trị sẽ khó đánh giá được tòa nhà nào đang được bán tốt, tòa nhà nào cần các chính sách khuyến mãi, hỗ trợ để đẩy nhanh việc tiêu thụ giúp thu hồi vốn.

Kết quả hoạt động kinh doanh hiện theo dõi chung trên TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh. Việc này rất khó để xác định sản phẩm nào đang được tiêu thụ tốt và mang lại lợi nhuận hơn cả để có chiến dịch kinh doanh hợp lý.

Trong việc kinh doanh bất động sản, chi phí hoa hồng môi giới chiếm tỷ trọng rất lớn, từ 3-5% giá bán nhưng chi phí này lại không được theo dõi chi tiết mà hạch toán chung vào TK 6418. Điều này gây khó khăn trong việc phân tích và quản lý chi phí. Bên cạnh đó, công ty cũng không tiến hành trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm trong khi chi phí này lên tới 5% giá bán

Hiện nay, Công ty mới chỉ chi tiết TK hạch toán chi phí, doanh thu theo ba lĩnh vực hoạt động là xây lắp, thương mại và dịch vụ. Ngoài ra các chi phí khác như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính chưa được hạch toán hay phân bổ chi tiết cho ba lĩnh vực hoạt động đó. Cho nên, công ty mới chỉ xác định được lợi nhuận gộp cho ba lĩnh vực mà chưa xác định được lợi nhuận thuần cho ba lĩnh vực trên. Để cung cấp số liệu quản trị một cách chi tiết và cụ thể hóa hơn nữa cho nhà quản trị thì công ty nên phân chia các chi phí trên cho từng hoạt động.

Về báo cáo kế toán: Kế toán quản trị vẫn chưa được chú trọng quan tâm phát triển. Do đó ngay từ ban đầu công ty nên phân chia doanh thu, chi phí theo các tiêu thức phù hợp với kế toán quản trị.

Công ty chưa có danh mục, tài liệu hướng dẫn được Ban Giám Đốc ban hành và lưu giữ để hướng dẫn nhân viên kế toán mới nắm thông được nội dung công việc và hoàn thành đúng theo yêu cầu.

Việc phân tích thông tin tài chính từ báo cáo kế toán chưa có bộ chỉ tiêu chung và còn mang tính thụ động. Thông thường kế toán chỉ làm khi có yêu cầu của Ban Giám đốc và các nhóm chỉ tiêu phân tích chỉ xoay quanh lợi nhuận như ROE, ROA, ROS...



KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Qua quá trình nghiên cứu, tìm hiểu về Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh với trọng tâm là kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh, trong chương 2 tác giả đã làm rõ những vấn đề sau:

Tổng quan về hoạt động chung của Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh, phân tích đặc điểm và thực trạng của kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty

Trên cơ sở lý luận ở chương 1, tác giả đã chỉ ra những thành công và hạn chế của công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh, từ đó đưa ra những giải pháp khắc phục trong chương 3.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP CAO NGUYÊN BẮC NINH

3.1. Định hướng phát triển và quan điểm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

3.1.1. Định hướng phát triển của Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

Định hướng chung của chiến lược phát triển trong những năm tới là trở thành Công ty hàng đầu tại Bắc Ninh trong lĩnh vực xây dựng và bán chung cư, căn hộ, đẩy mạnh việc tiêu thụ nguyên vật liệu. Tất cả các lĩnh vực này phải được đầu tư đồng đều và thích đáng, thực hiện quảng bá kết hợp giữa các ngành nghề kinh doanh. Đến năm 2025 cần cố gắng hơn nữa trong việc phát triển việc xây dựng và tiêu thụ chung cư Cao cấp Cao Nguyên Luxury. Trong định hướng phát triển 5 năm tới, công ty đang cố gắng trở thành Top 3 doanh nghiệp xây dựng và bán bất động sản lớn nhất tỉnh Bắc Ninh.

Cung cấp sản phẩm, dịch vụ tốt, chăm sóc khách hàng và dịch vụ sau bán hàng là một trong những mục tiêu cực kỳ quan trọng. Việc trước tiên là không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đào tạo đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, nhiệt tình. Xây dựng mục tiêu phát triển lâu dài: lấy con người là yếu tố trọng tâm trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đẩy mạnh hoạt động marketing, quảng cáo trên các phương tiện đại chúng để mọi người biết đến nhiều hơn. Định hướng hoàn thiện kế toán doanh thu, tài chính và xác định kết quả kinh doanh tại công ty:

- Hoàn thiện KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty phải đáp ứng yêu cầu hiệu quả và mang tính khả thi cao để thực hiện giải pháp, đảm bảo hài hòa giữa chi phí bỏ ra và lợi ích đem lại. Trước hết, cần tổ chức tốt công tác hạch toán ban đầu, từ việc thiết kế hệ thống chứng từ, các chỉ tiêu, mẫu biểu báo cáo để thu thập, xử lý và phân tích thông tin một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Tiếp đó là việc xây dựng một hệ thống báo cáo KTQT hiệu quả phản ánh được đầy đủ thông tin quản trị hữu ích cho các nhà quản lý giúp cho việc ra quyết định nhanh chóng đạt hiệu quả cao.

- Phải phù hợp với đặc điểm sản xuất – kinh doanh cũng như cơ cấu tổ chức và quy mô của công ty nói chung và trình độ của nhân viên kế toán và trang thiết bị phục vụ cho công tác kế toán nói riêng.

- Hoàn thiện KTQT doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty phải phù hợp với các văn bản luật, chuẩn mực, chế độ, chính sách kế toán, hướng dẫn về tổ chức công tác kế toán ngành xây lắp và thương mại dịch vụ do nhà nước ban hành.

3.1.2. Quan điểm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh đóng một vị trí vô cùng quan trọng và ảnh hưởng trực tiếp tới các quyết định, chiến lược, kế hoạch kinh doanh của Công ty. Hoàn thiện Kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh là một công việc hết sức cần thiết nhưng cũng cần nhiều thời gian và công sức không chỉ riêng của bộ phận kế toán công ty mà còn của cả Ban Giám đốc Công ty. Hoàn thiện Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh dựa trên các nội dung sau:

Tuân thủ các qui định về quản lý tài chính - kế toán của Nhà nước, theo đó phải phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, đúng Pháp luật kế toán và chế độ kế toán Việt Nam. Kinh tế Việt Nam phát triển theo kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nên việc quản lý kinh tế Việt Nam có những đặc thù riêng, Nhà nước có sự tham gia chặt chẽ vào quá trình kiểm soát các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Nhà nước quản lý thống nhất toàn bộ nền kinh tế, trong đó có hệ thống kế toán có những đặc thù riêng. Hệ thống kế toán Việt Nam do Nhà nước ban hành áp dụng thống nhất cho các doanh nghiệp trên cơ sở cơ chế quản lý kinh tế, chính sách tài chính của Nhà nước. Do vậy, khi hoàn thiện Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh phải tôn trọng các chính sách kinh tế tài chính, đáp ứng các yêu cầu quản lý tài chính hiện hành về chi phí, doanh thu và kết quả kinh doanh và các quy định khác có liên quan. Ngoài ra, phải luôn thực hiện cung cấp đầy đủ các thông tin kế toán cần thiết, đúng yêu cầu cho các cơ quan Nhà Nước như cơ thuế, cơ quan tài chính, thống kê.

Việc hoàn thiện Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty xuất phát từ những tồn tại trong bộ phận kế toán chưa đáp ứng được yêu cầu của nhà quản trị. Chính vì thế mà việc hoàn thiện phải xuất phát từ yêu cầu quản trị, phù hợp với mô hình bộ máy quản lý, bộ máy kế toán của Công ty. Tùy theo đặc điểm hoạt động, mô hình kinh doanh, lĩnh vực kinh doanh mà Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh được điều chỉnh cho phù hợp với Công ty.

Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh được hoàn thiện nhằm đảm bảo tính hiệu quả tối ưu trong Công ty. Việc tổ chức, lựa chọn, đào tạo nhân sự của bộ phận kế toán, việc phân công chức năng, nhiệm vụ cho mỗi thành viên và việc lựa chọn hình thức kế toán góp phần không nhỏ vào hiệu quả hoạt động của Công ty. Nhân sự có trình độ cao, sắp xếp công việc hợp lý, các bộ phận kết hợp ăn ý trong công việc sẽ đảm bảo tính hiệu quả của công việc được giao, đảm bảo khai thác hết năng lực và năng suất lao động.

3.2. Các đề xuất hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh trên góc độ kế toán tài chính

Về chứng từ và luân chuyển chứng từ: Công ty nên có quy định về thời gian tối đa chuyển chứng từ về phòng kế toán để hạch toán. Ví dụ như chứng từ gốc sẽ được tập hợp và chuyển về phòng Kế toán vào thứ 3 và thứ 5 hàng tuần. Tuy nhiên bản gốc cần được scan ngay khi nhận được và gửi về phòng kế toán để làm căn cứ hạch toán đảm bảo tính đúng kỳ, kịp thời.

Về phương pháp ghi nhận doanh thu: Việc ghi nhận doanh thu thuê nhà đôi khi còn không hợp lý. Đối với nghiệp vụ xuất hoá đơn cho nhiều tháng, kế toán không được ghi nhận tất cả giá trị vào doanh thu trong kỳ mà phải hạch toán vào TK 3387 – Doanh thu chưa thực hiện. Cuối kỳ phân bổ vào doanh thu trong kỳ kế toán.

Ở Ví dụ 3, kế toán hạch toán như sau:

a. Nợ TK 1311: 87.219.000 đ

Có TK 3387: 79.290.000 đ

Có TK 3331: 7.929.000 đ

Cuối tháng kế toán kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng



Nợ TK 3387: 13.215.000 đ

Có TK 5113: 13.215.000 đ

Về phương pháp dự phòng bảo hành công trình xây lắp

Bên cạnh đó, đối với các doanh nghiệp xây lắp Công ty cần tiến hành trích chi phí bảo hành sản phẩm. Cụ thể như sau:

BT1: Xác định DPBH cho mỗi công trình:

Nợ TK 627

Có TK 3522

BT2: Khi phát sinh việc bảo hành kế toán sẽ ghi nhận như tính giá thành bình thường. Chi phí phát sinh thực tế ghi nhận vào các khoản mục CP tương ứng gồm: CPNVLTT, CPNCTT, CPSXC... rồi cuối kỳ kết chuyển vào TK 154 để tính giá thành. Cụ thể:

Nợ TK 621/622/627...

Có TK 111/112/334/338/331/152...

Rồi kết chuyển:

Nợ TK 154

Có TK 621/622/627

Khi việc bảo hành hoàn thành bàn giao cho khách

Nợ TK 3522

Nợ TK 632

Có TK 154

BT3: Hết hạn bảo hành, công trình không cần bảo hành hoặc DPBH phải trích > CP bảo hành phát sinh, DN hạch toán hoàn nhập tăng thu nhập khác.

Nợ TK 3522

Có TK 711

Ví dụ: Trong năm 2020, Công ty bán cho khách hàng Trịnh Xuân Bảo 1 căn shophouse với giá hợp đồng là 4,5 tỷ đồng. Công ty đã bàn giao căn nhà cho công ty B trích 4% giá trị hợp đồng để DPBH cho công trình với thời hạn là 3 năm.

Năm đầu tiên không phát sinh việc bảo hành.



Năm thứ 2021, phát sinh bảo hành với chi phí NVL trực tiếp là 36.000.000 đ, CPNCTT là 10.000.000 đ, CPSXC là 5.000.000 đ.

Năm thứ 2022 tiếp tục phát sinh bảo hành với CPNVL trực tiếp, CPNCTT, CPSXC trực tiếp lần lượt là 8.000.000đ, 4.000.0000 đ và 2.500.000 đ

Như vậy kế toán lần lượt ghi nhận các bút toán sau: ĐVT: 1.000đ

BT1: Thời điểm lập BCTC năm 2020, kế toán lập dự phòng:

Nợ TK 627: $4.500.000 \times 4\% = 180.000$

Có TK 3522: 180.000

Tại thời điểm lập BCTC năm 2021, không hạch toán thêm.

BT2: Trong năm 2022

a. Tập hợp chi phí liên

quan Nợ TK 154: 51.000

Có TK 621: 36.000

Có TK 622: 10.000

Có TK 627: 5.000

b. Trong năm 2022

Tập hợp chi phí liên quan

Nợ TK 154: 14.500

Có TK 621: 8.000

Có TK 622: 4.000

Có TK 627: 2.500

c. Công việc bảo hành hoàn thành:

Nợ TK 3522: $51.000 + 14.500 = 65.500$

Có TK 154: 65.500

BT3: Thời điểm lập BCTC năm 2022, hoàn nhập DPBH do không sử dụng hết

Nợ TK 3522: $180.000 - 65.500 = 114.500$

Có TK 711: 114.500



Về chi tiết tài khoản và sổ chi tiết: Công ty nên đi sâu chi tiết hơn nữa vào doanh thu và giá vốn hàng bán của nhóm Doanh thu – Căn hộ chung cư và Giá vốn hàng bán – Căn hộ chung cư.

Ví dụ, Công ty có thể chi tiết doanh thu và giá vốn như sau:

TK 511201 – Doanh thu bán chung cư, căn hộ Cao Nguyên 1	TK 632201 – Doanh thu bán chung cư, căn hộ Cao Nguyên 1
TK 5112011 - Doanh thu bán chung cư, căn hộ Cao Nguyên 1 – Toà CT1	TK 6322011 – Doanh thu bán chung cư, căn hộ Cao Nguyên 1 – Toà CT1
TK 5112012 - Doanh thu bán chung cư, căn hộ Cao Nguyên 1 – Toà CT2	TK 6322012 – Doanh thu bán chung cư, căn hộ Cao Nguyên 1 – Toà CT2
TK 5112013 - Doanh thu bán chung cư, căn hộ Cao Nguyên 1 – Toà CT3	TK 6322013 – Doanh thu bán chung cư, căn hộ Cao Nguyên 1 – Toà CT3
TK 5112014 - Doanh thu bán chung cư, căn hộ Cao Nguyên 1 – Toà CT4	TK 6322014 – Doanh thu bán chung cư, căn hộ Cao Nguyên 1 – Toà CT4
TK 511202 – Doanh thu bán chung cư, căn hộ Cao Nguyên 2	TK 632202 – Doanh thu bán chung cư, căn hộ Cao Nguyên 2
TK 5112021 – Doanh thu bán chung cư, căn hộ Cao Nguyên 2 – Toà A1	TK 6322021 – Doanh thu bán chung cư, căn hộ Cao Nguyên 2 – Toà A1
TK 5112022 – Doanh thu bán chung cư, căn hộ Cao Nguyên 2 – Toà A2	TK 6322022 – Doanh thu bán chung cư, căn hộ Cao Nguyên 2 – Toà A2
TK 5112023 – Doanh thu bán chung cư, căn hộ Cao Nguyên 2 – Toà B1	TK 6322023 – Doanh thu bán chung cư, căn hộ Cao Nguyên 2 – Toà B1
TK 5112024 – Doanh thu bán chung cư, căn hộ Cao Nguyên 2 – Toà 2	TK 6322024 – Doanh thu bán chung cư, căn hộ Cao Nguyên 2 – Toà B2
...	



Kết quả hoạt động kinh doanh hiện tại kế toán cũng cần chi tiết theo từng nhóm hàng. Việc này rất giúp xác định sản phẩm nào đang được tiêu thụ tốt và mang lại lợi nhuận hơn cả để có chiến dịch kinh doanh hợp lý. Tác giả đề xuất chi tiết TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh như sau:

STT	Ký hiệu tài khoản	Tên tài khoản	Nội dung, ý nghĩa
1	911	Xác định kết quả kinh doanh	Xác định và phản ánh kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ
2	9111	Xác định kết quả kinh doanh bán hàng hoá	Xác định và phản ánh kết quả kinh doanh bán hàng hóa trong kỳ
3	9113	Xác định kết quả kinh doanh dịch vụ	Xác định và phản ánh kết quả kinh doanh từ các hoạt động dịch vụ cho thuê mặt bằng trong kỳ
4	9112	Xác định kết quả kinh doanh chung cư, căn hộ	Xác định kết quả kinh doanh chung cư, căn hộ
5	9115	Xác định kết quả kinh doanh tài chính	Xác định và phản ánh kết quả tài chính trong kỳ
6	9118	Kết quả kinh doanh khác	Xác định và phản ánh kết quả khác trong kỳ như từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, phạt hợp đồng kinh tế...

Trong việc kinh doanh bất động sản, chi phí hoa hồng môi giới chiếm tỷ trọng rất lớn, từ 3-5% giá bán. Do đó tác giả đề xuất Công ty nên theo dõi chi phí hoa hồng môi giới bất động sản trên TK 6416 – Chi phí hoa hồng môi giới bất động sản để thuận lợi cho việc phân tích chi phí.

Về báo cáo kế toán: Công ty cần nghiên cứu và xây dựng hệ thống báo cáo kế toán quản trị để phục vụ cho việc ra quyết định của doanh nghiệp. Các thông tin kế

toán cần được phân tách phục vụ cho nhu cầu kế toán quản trị ngay từ đầu để có thể dễ dàng lập các báo cáo bộ phận, báo cáo theo số dư đảm phí.

Công ty cần xây dựng danh mục, tài liệu hướng dẫn được Ban Giám Đốc ban hành và lưu giữ để hướng dẫn nhân viên kế toán mới nắm thông được nội dung công việc và hoàn thành đúng theo yêu cầu.

Công ty xây dựng hệ thống các chỉ tiêu để đánh giá kết quả, hiệu quả kinh doanh phục vụ công tác báo cáo và so sánh với các doanh nghiệp cùng ngành như các chỉ số: số vòng quay của vốn lưu động, chỉ tiêu doanh thu trên một đồng chi phí, chỉ tiêu doanh lợi theo chi phí, từ đó kịp thời tìm ra phương hướng điều chỉnh nếu hiệu quả kinh doanh đang xuống dốc.

3.3. Các điều kiện thực hiện đề xuất tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

3.3.1. Về phía các cơ quan quản lý nhà nước

- Nhà nước cần đồng bộ việc cải cách hệ thống pháp lý có liên quan đến kế toán, đó là xây dựng và ban hành một cách đầy đủ, hoàn chỉnh hệ thống văn bản, chuẩn mực, chế độ và các quy định pháp lý khác chi phối đến công việc, ngành kế toán nhằm tạo ra khuôn khổ pháp lý để thực thi các công tác kế toán phù hợp với đặc điểm, yêu cầu và trình độ quản lý hiện nay ở Việt Nam, nâng cao địa vị pháp lý và luật hoá công tác kế toán, đáp ứng được yêu cầu nền kinh tế đã hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới.

- Tổ chức nghiên cứu xây dựng hoàn thiện về lý luận kế toán quản trị ở Việt Nam bao gồm các nội dung: xác định rõ phạm vi và nội dung kế toán quản trị trong các doanh nghiệp, xây dựng mô hình kế toán quản trị cho các loại hình doanh nghiệp: xây dựng cơ bản, doanh nghiệp thương mại, doanh nghiệp giao thông, doanh nghiệp bưu điện... xác lập kế toán quản trị theo từng quy mô: doanh nghiệp có quy mô lớn, doanh nghiệp có quy mô trung bình, doanh nghiệp có quy mô nhỏ.

Bộ tài chính với tư cách là cơ quan quản lý Nhà nước những hoạt động kế toán cần nhanh chóng hoàn thiện hệ thống kế toán, các quy định liên quan đến kế toán và phối hợp với các cơ quan chức năng có sự hướng dẫn cụ thể hơn nữa về kế toán quản trị đối với doanh nghiệp, tập trung một số nội dung: Phân loại chi phí, số

lượng, nội dung khoản mục giá thành sản phẩm dịch vụ, xác định các trung tâm chi phí theo từng ngành hàng khác nhau, yêu cầu hạch toán chi tiết về thu nhập, các phương pháp tập hợp chi phí theo đối tượng hạch toán, các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang, các phương pháp tính giá thành, các loại dự toán, các loại báo cáo kế toán quản trị, các chỉ tiêu phân tích tài chính doanh nghiệp ... Mặt khác cũng phải nghiên cứu để ban hành mới hoặc sửa đổi hoặc bổ sung những quy định về mặt cơ chế quản lý cho phù hợp, đồng bộ với kế toán quản trị ở các DN.

3.3.2. Về phía Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

- Hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán, quy trình hạch toán cần áp dụng đúng, linh hoạt theo các quy định do Bộ tài chính quy định. Cán bộ phòng kế toán của công ty cần cập nhật và áp dụng các thông tư mới do bộ tài chính ban hành vào quá trình hạch toán kế toán của công ty.

- Hoàn thiện bộ máy máy kế toán phù hợp với đặc điểm bộ máy quản lý và đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tạo điều kiện cho việc thiết lập hệ thống thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin một cách chính xác, kịp thời.

- Cần nhận thức rõ vai trò quan trọng và sự cần thiết của kế toán trong nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường. Từ đó chủ động xây dựng mô hình tổ chức kế toán phù hợp với doanh nghiệp mình, quan tâm đến công tác kinh doanh của doanh nghiệp trong tương lai, thực hiện tốt chức năng kiểm soát quá trình hoạt động kinh doanh.

- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý, đảm bảo sự kết nối giữa các bộ phận trong bộ máy quản lý của doanh nghiệp với nhau một cách chặt chẽ, đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán quản trị.

- Xác định mục tiêu và xây dựng mô hình kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là trọng tâm, phù hợp với đặc thù kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán trong doanh nghiệp nhằm xây dựng một hệ thống thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin trong doanh nghiệp theo hướng tăng cường kiểm soát và quản lý chi phí.



KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Qua nghiên cứu thực trạng công tác kế toán tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh ở chương 2, tác giả luận văn đã có những nhận xét chung về công tác kế toán, tìm ra những ưu điểm và hạn chế tại công ty. Từ đó chương 3 đưa ra định hướng phát triển của công ty và đề xuất hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh và mong muốn Công ty sẽ phát triển mạnh mẽ và bền vững hơn nữa trong tương lai.

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường, mục tiêu quan trọng nhất của mỗi doanh nghiệp là tối đa hoá lợi nhuận vì vậy doanh nghiệp phải quản lý tốt được hai vấn đề cơ bản là doanh thu và chi phí. Và với những yêu cầu mới về thông tin kế toán trong điều kiện cơ chế thị trường đã đặt ra sự cần thiết phải nghiên cứu và làm sáng tỏ về mặt lý luận và có những giải pháp cho việc hoàn thiện về vấn đề này một cách khoa học, hợp lý trên cơ sở các Chuẩn mực kế toán, Luật kế toán nhằm phản ánh đúng nội dung và cung cấp thông tin chi phí, doanh thu kịp thời cho việc quản lý.

Từ mục đích đặt ra, qua thời gian nghiên cứu, tổng hợp và phân tích cả về lý luận cũng như thực tiễn công tác Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh, luận văn đã trình bày và rút ra những vấn đề sau:

- Trình bày những vấn đề cơ bản về Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp

- Trên cơ sở nghiên cứu thực tế, luận văn đã phân tích thực trạng Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh, từ đó đưa ra những nhận xét, đánh giá khách quan về thực trạng Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh, qua đó nêu ra một số hạn chế trong công tác kế toán tài chính và kế toán quản trị cần phải hoàn thiện.

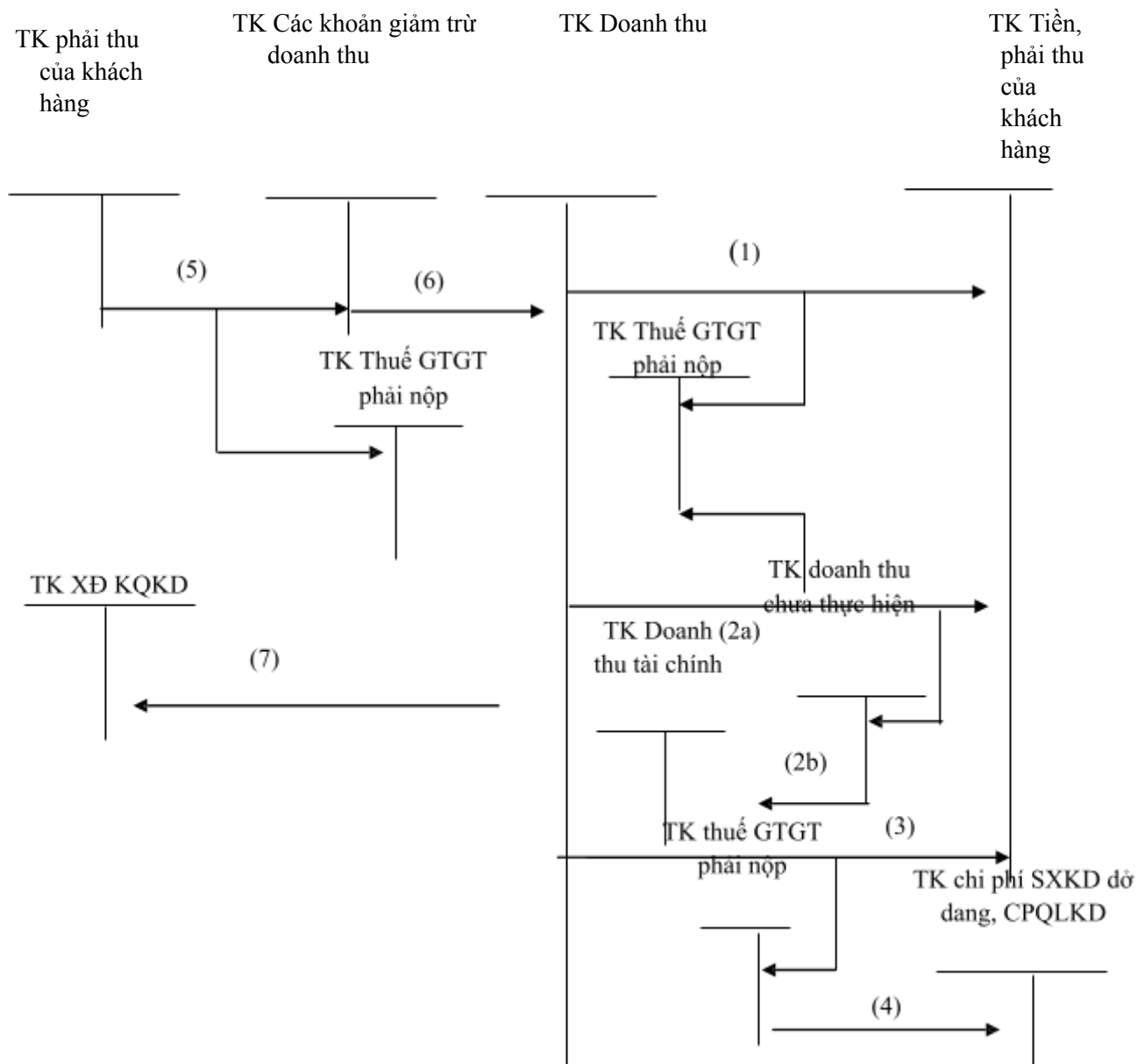
- Để góp phần hoàn thiện Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh, luận văn đã đưa ra các giải pháp hoàn thiện như: hoàn thiện việc theo dõi chi tiết doanh thu, chi phí và xác định kết quả, hoàn thiện quy trình lưu chuyển chứng từ cũng như phương pháp kế toán Công ty đang sử dụng.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
2. Chuẩn mực số 14- “ Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
3. Giáo trình học môn kế toán tài chính - GS.TS Ngô Thế Chi & TS.Trương Thị Thuỷ
4. TS. Trương Thị Thuỷ, Thực hành kế toán tài chính doanh nghiệp, Nhà xuất bản Tài Chính năm 2011
4. PGS.TS Đoàn Xuân Tiên. Giáo trình kế toán quản trị, Nhà xuất bản Tài Chính năm 2010
5. Đỗ Huy Tân, *Kế toán doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản tại Tổng Công ty đầu tư phát triển Nhà và Đô thị*, trường đại học Thương mại năm 2019
6. Nguyễn Thị Hoa, *Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Xây dựng dân dụng Thành Long*, trường đại học Thương mại năm 2019
7. Nguyễn Hồng Giang, *Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty Công ty cổ phần kinh doanh phát triển nhà và đô thị Hà Nội*, trường Đại học Kinh tế Quốc dân năm 2017
8. Lê Thị Thu Huyền, *Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả tại Tổng Công Ty xây dựng công trình giao thông 8*, trường Học viện Tài chính năm 2016
9. Các tài liệu tham khảo trên internet.
10. Các tài liệu tham khảo tại phòng kế toán của Công ty.

PHỤ LỤC

Phụ lục số 01: Sơ đồ kế toán doanh thu



(1): Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, công cụ dụng cụ, nguyên liệu vật liệu

(2a): Doanh thu bán hàng hóa trả chậm, trả góp.

(2b): Kết chuyển doanh thu chưa thực hiện sang TK doanh thu tài chính.

(3): Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm ký gửi.

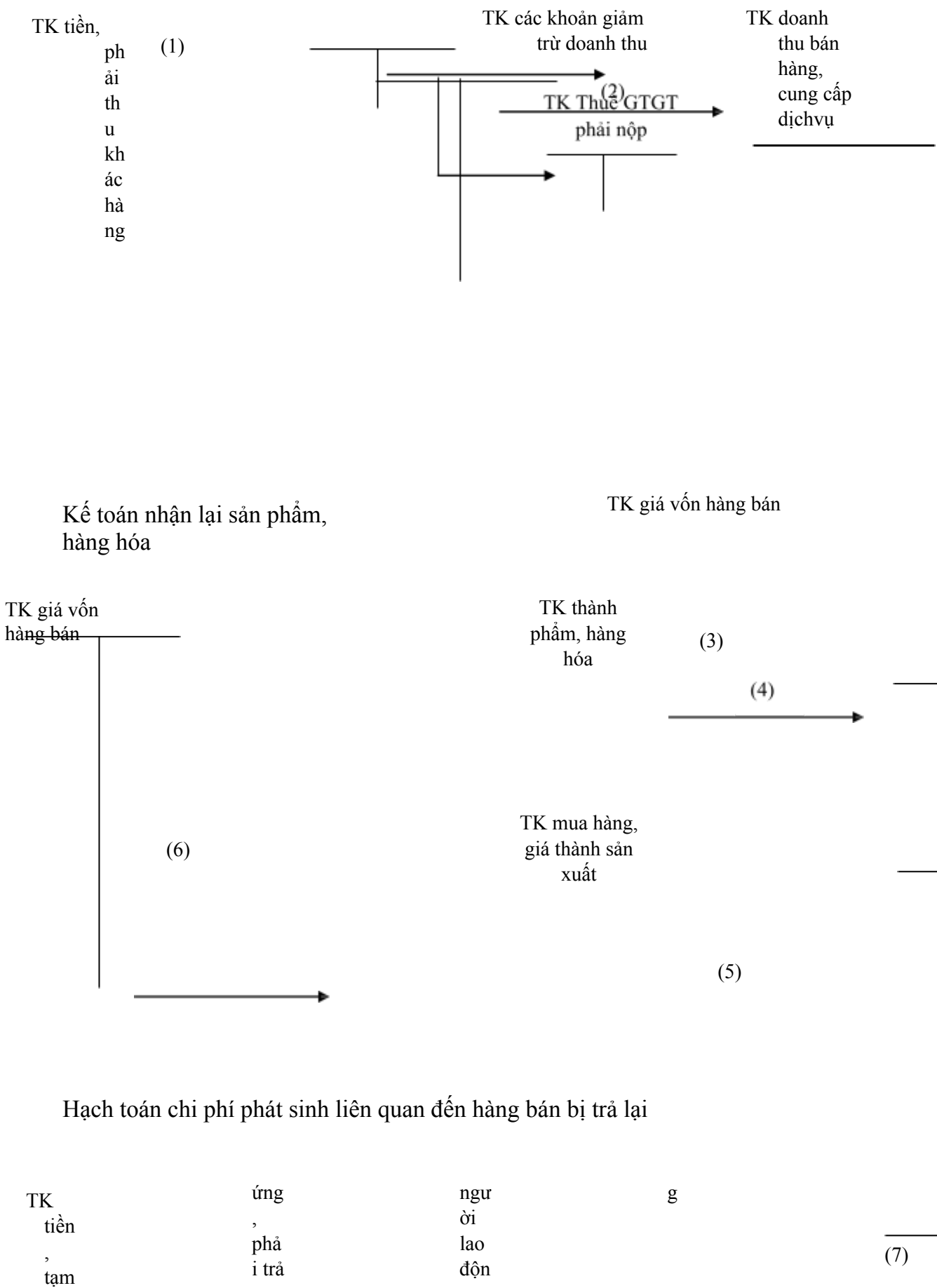
(4): Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa sử dụng nội bộ để sản xuất sản phẩm.

(5): Các khoản giảm trừ doanh thu

(6): Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu

(7): Kết chuyển doanh thu

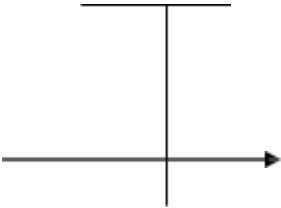
Phụ lục số 02: Sơ đồ kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



TK chi phí bán hàng

TK XĐ KQKD

(8)



(1) : Ghi nhận khi phát sinh các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, chiết khấu thương mại.

(2) : Kết chuyển các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, chiết khấu thương mại.

(3) : Trị giá thành phẩm, hàng hóa mang đi tiêu thụ (theo phương pháp kê khai thường xuyên)

(4) : Khi nhận lại sản phẩm hàng hóa (theo phương pháp kê khai thường xuyên)

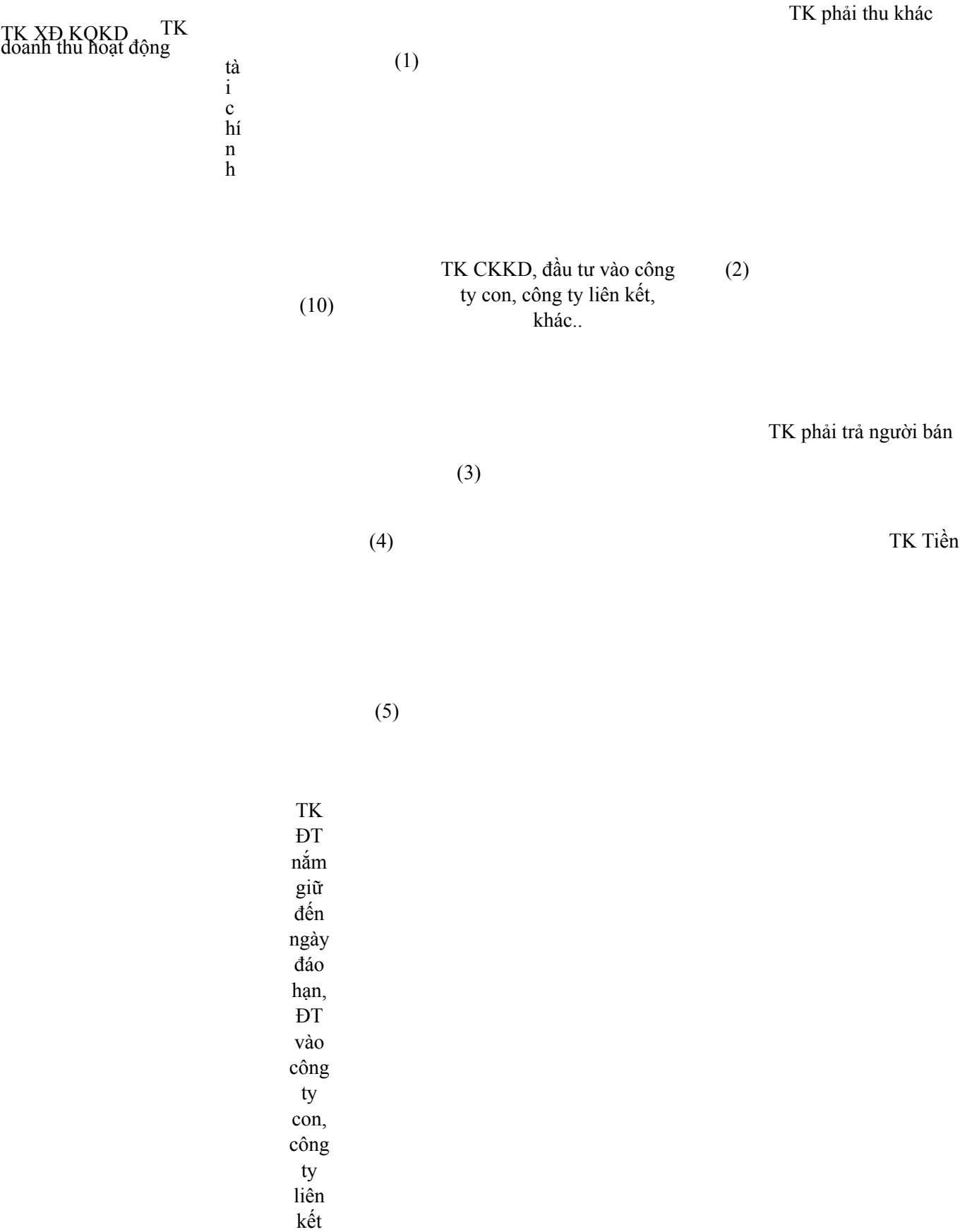
(5) : Trị giá thành phẩm, hàng hóa, được xác định là tiêu thụ trong kỳ (theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

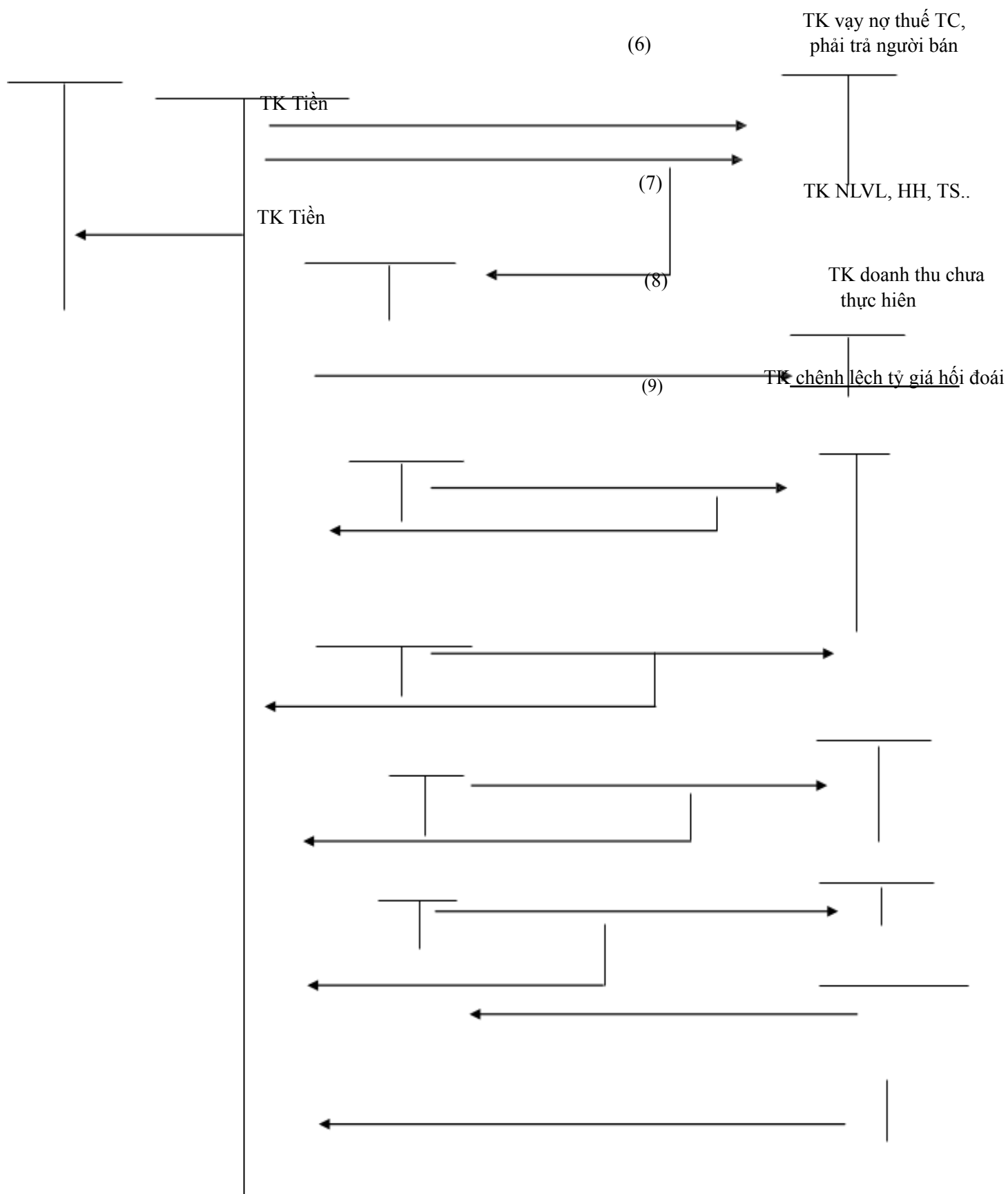
(6): Khi nhận lại sản phẩm hàng hóa (theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

(7): Khi phát sinh chi phí liên quan đến hàng bán bị trả lại

(8): Kết chuyển chi phí bán hàng

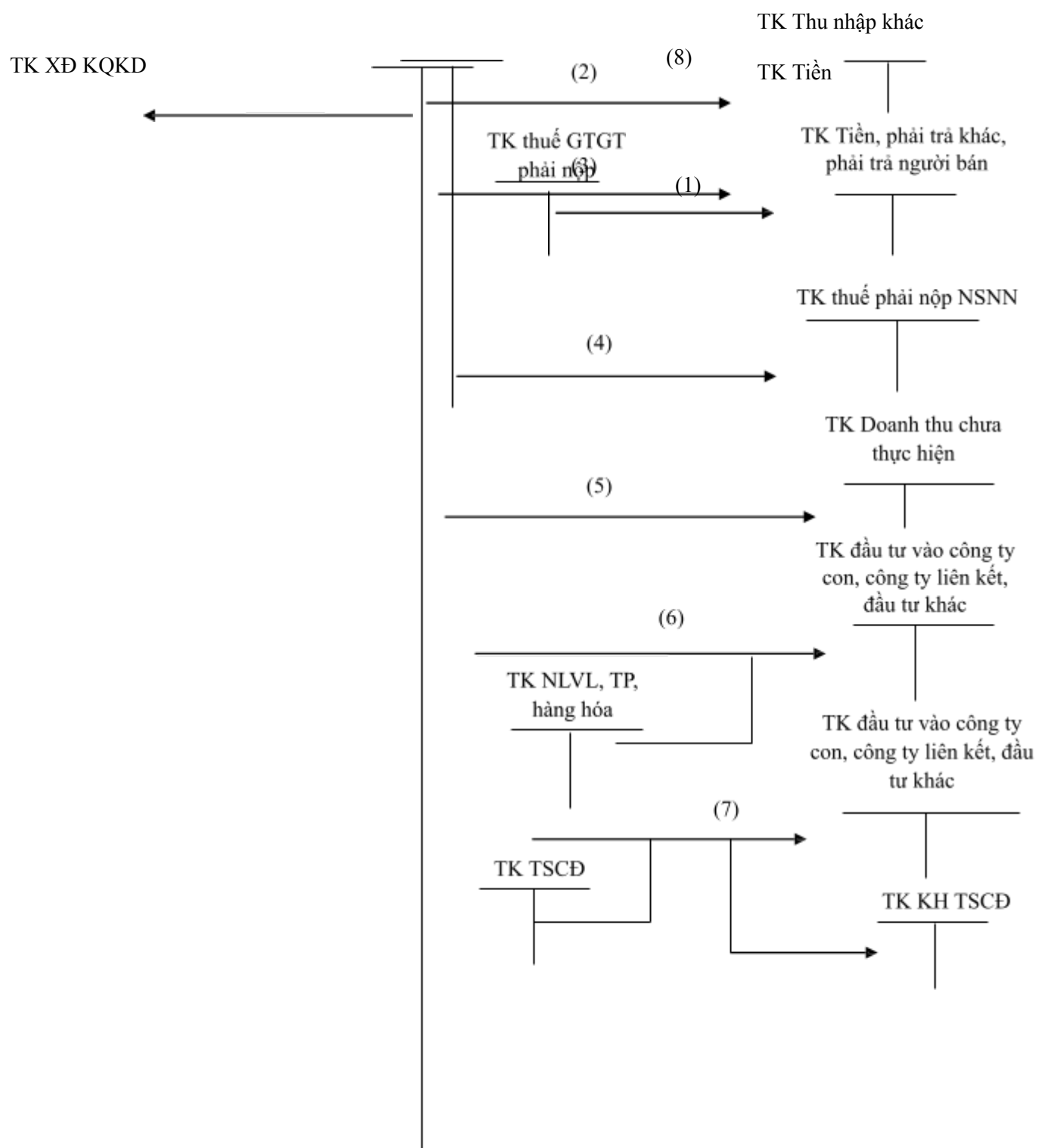
Phụ lục số 03: Sơ đồ kế toán doanh thu tài chính





- (1): Nhận được thông báo về quyền nhận cổ tức, lợi nhuận
- (2) : Ghi nhận phần cổ tức, lợi nhuận của doanh nghiệp được chia bao gồm cả khoản lãi đầu tư trước khi doanh nghiệp mua lại khoản đầu tư đó.
- (3): Chiết khấu thanh toán mua hàng doanh nghiệp được hưởng.
- (4): Lãi khi bán ngoại tệ
- (5): Lãi khi nhượng bán, thu hồi các khoản đầu tư tài chính.
- (6) : Thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ phát sinh lãi khi tỷ giá trên sổ TK tiền nhỏ hơn tỷ giá trên sổ kế toán của TK phải trả người bán.
- (7): Mua hàng hóa, vật tư, tài sản, dịch vụ bằng ngoại tệ
- (8): Phân bổ dần lãi do bán hàng trả chậm, lãi nhận trước.
- (9) : Kết chuyển lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ.
- (10): Kết chuyển doanh thu tài chính

Phụ lục số 04: Sơ đồ kế toán thu nhập khác



(1): Các khoản thuế trừ vào thu nhập khác (nếu có).

(2) : Thu phạt khách hàng vi phạm hợp đồng kinh tế, tiền thu từ các tổ chức bảo hiểm bồi thường.

(3): Thu các khoản phải thu khó đòi đã xóa sổ

(4) : Các khoản thuế xuất nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, bảo vệ môi trường được NSNN hoàn lại

(5): Định kỳ phân bổ doanh thu chưa thực hiện nếu được tính vào thu nhập

khác (8): Đánh giá tổng giá trị tài sản khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

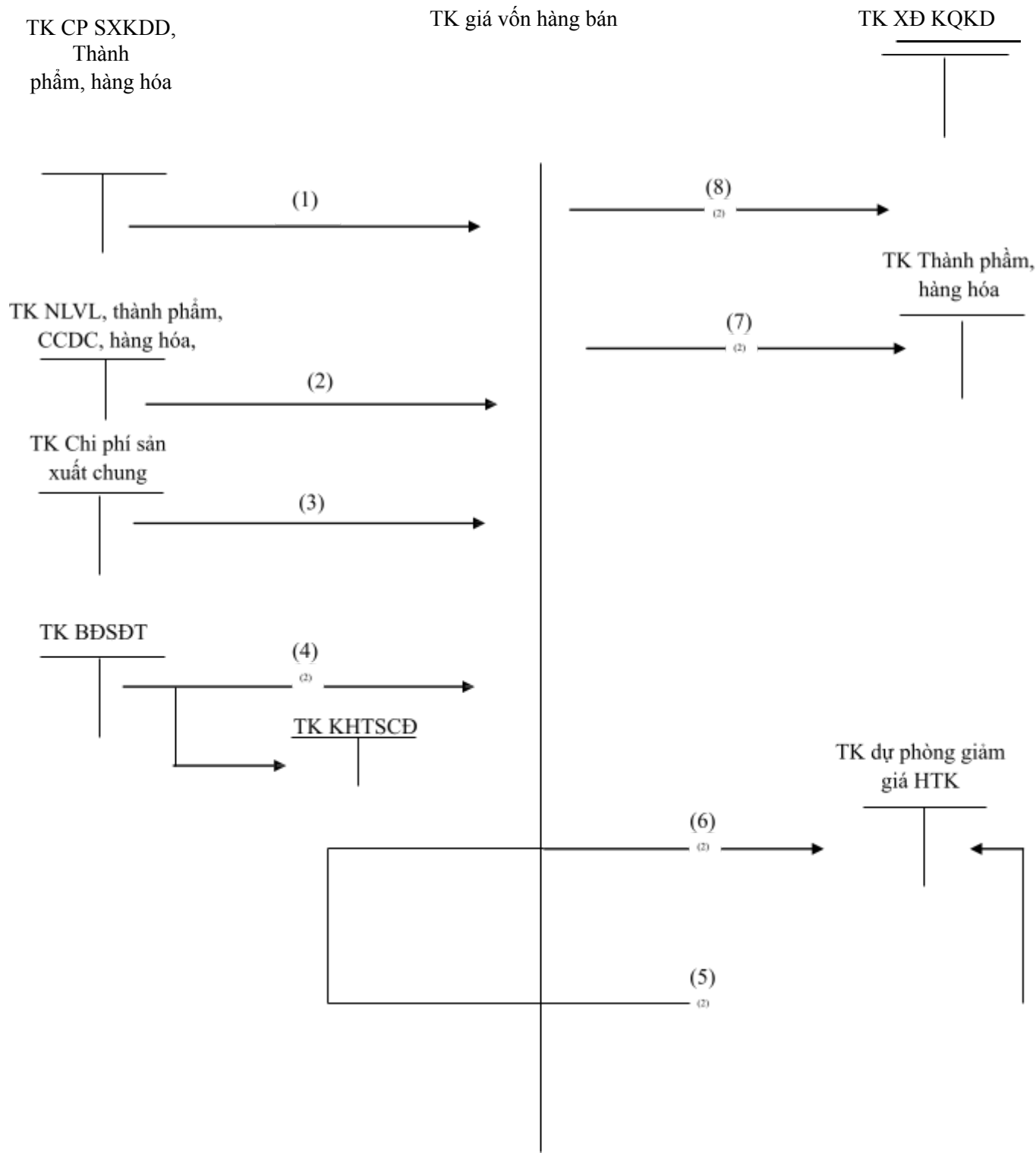
(6): Đầu tư bằng vật tư, hàng hóa (trường hợp giá đánh giá lại lớn hơn giá trị

còn lại)

(7): Đầu tư bằng TSCĐ (trường hợp giá đánh giá lại lớn hơn giá trị ghi sổ)

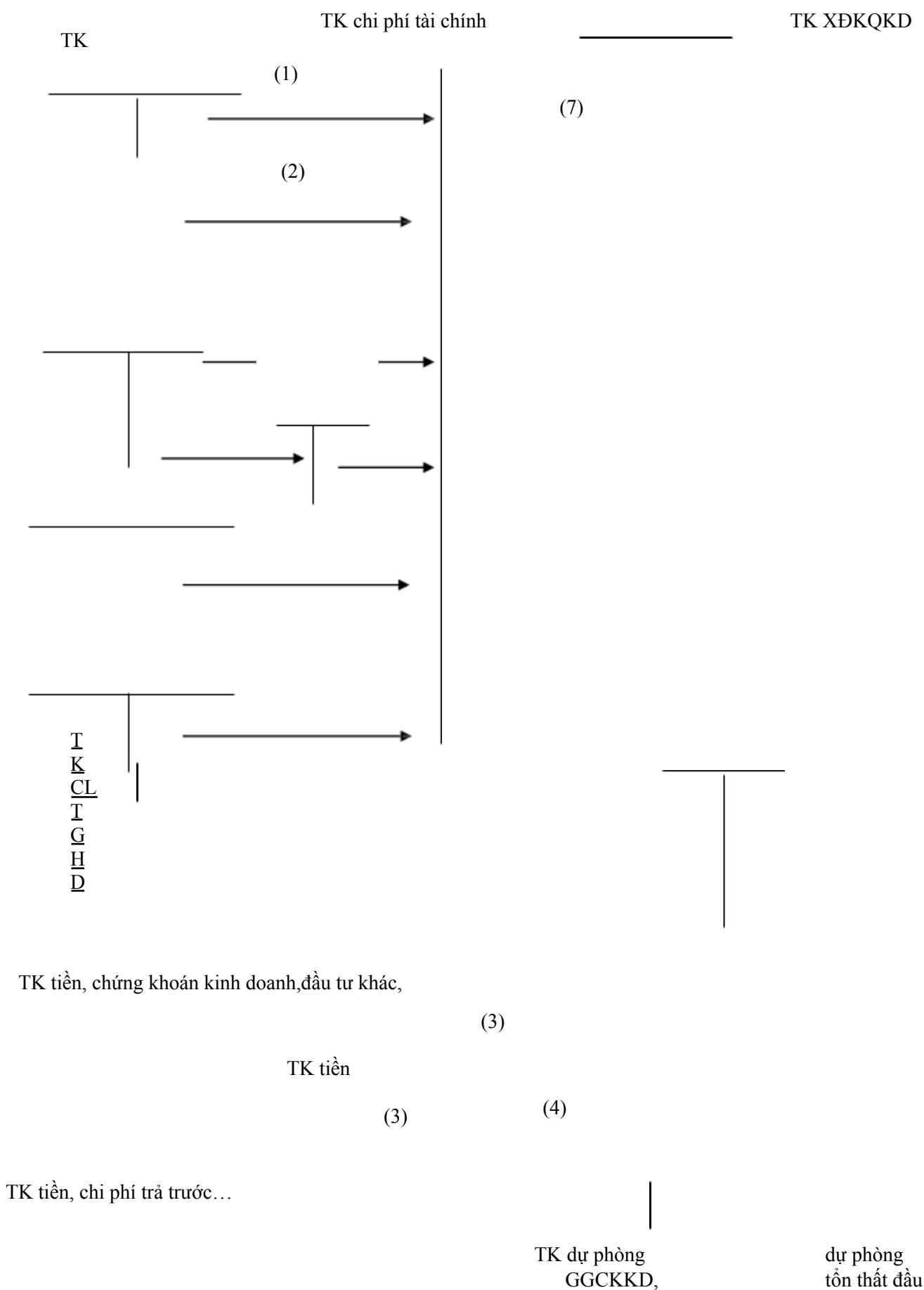
(8): Kết chuyển thu nhập khác

Phụ lục số 05: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán



- (1): Trị giá vốn của sản phẩm, dịch vụ, hàng hóa xuất bán
- (2): Phần hao hụt, mất mát hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán
- (3) : Chi phí sản xuất chung cố định không được phân bổ được ghi vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- (4): Bán bất động sản đầu tư
- (5): Trích lập dự phòng giảm giá HTK
- (6): Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK
- (7): Hàng bán bị trả lại nhập kho
- (8): Kết chuyển giá vốn hàng bán

Phụ lục số 06: Sơ đồ kế toán chi phí tài chính

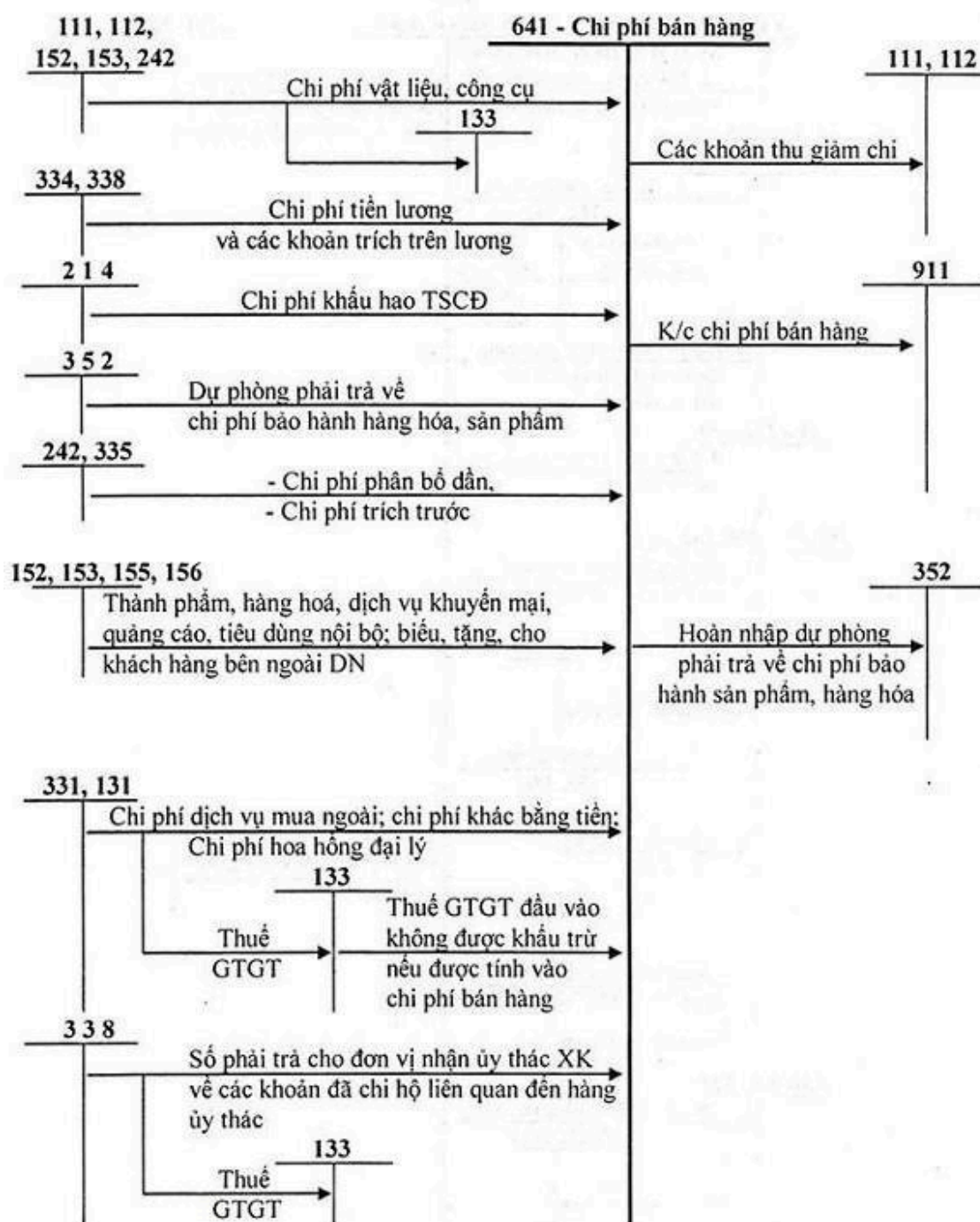


Phụ lục số 06: Sơ đồ kế toán chi phí tài chính

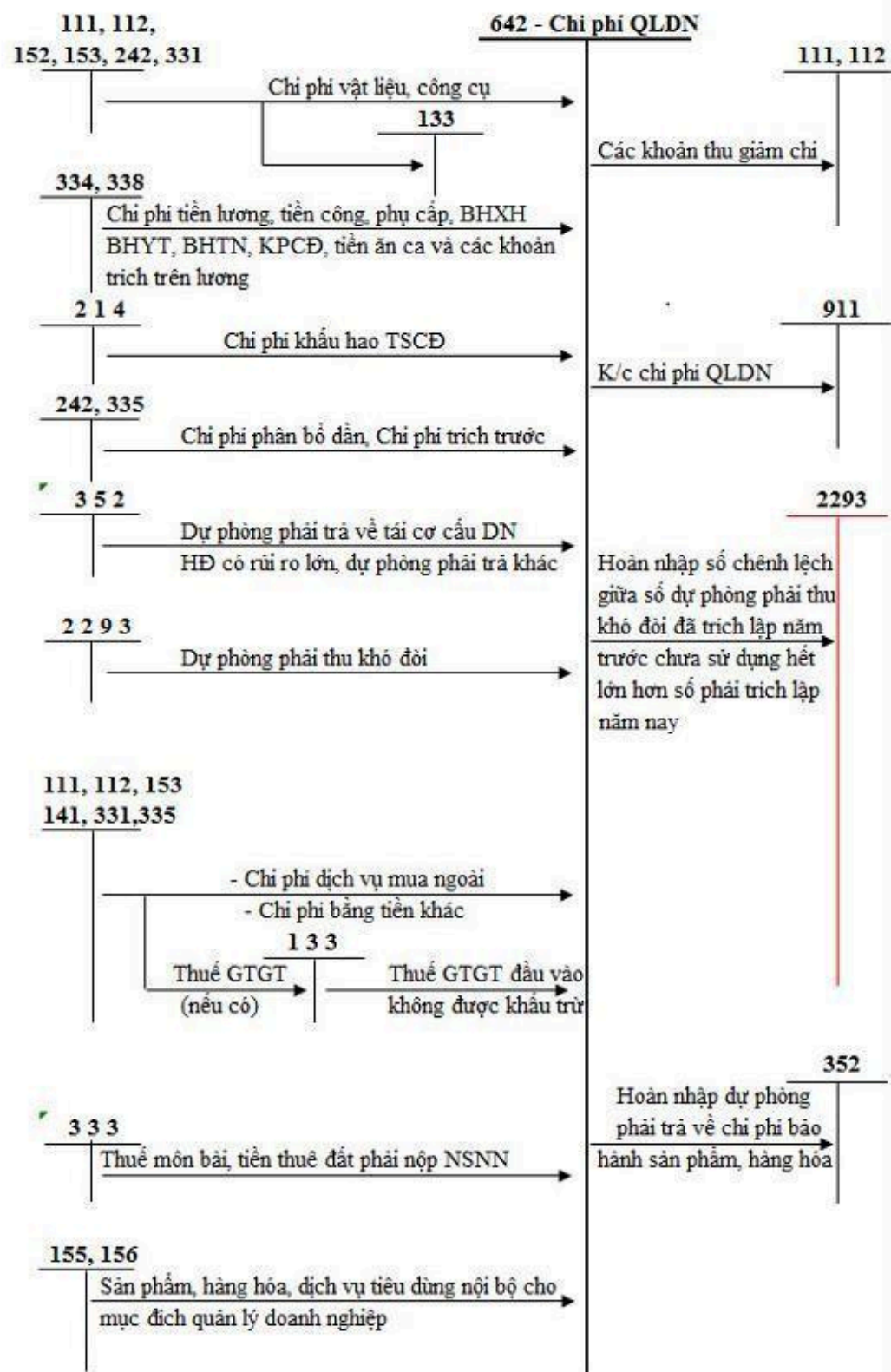
tư	(5)	TK dự phòng GGCKKD, dự phòng tổn thất đầu tư
	(6)	(8)

- (1): Chiết khấu thanh toán cho người mua
- (2): Xử lý lỗ tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ
- (3): Tiền thu bán ngoại tệ, các khoản đầu tư và lỗ về bán các khoản đầu tư
- (4): Chi phí nhượng bán các khoản đầu tư
- (5): Lãi tiền vay phải trả, phân bổ lãi mua hàng trả chậm, trả góp
- (6) : Lập dự phòng giảm giá chứng khoán và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.
- (7): Kết chuyển chi phí tài chính khi xác định kết quả
- (8) : Hoàn nhập số chênh lệch dự phòng giảm giá chứng khoán và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

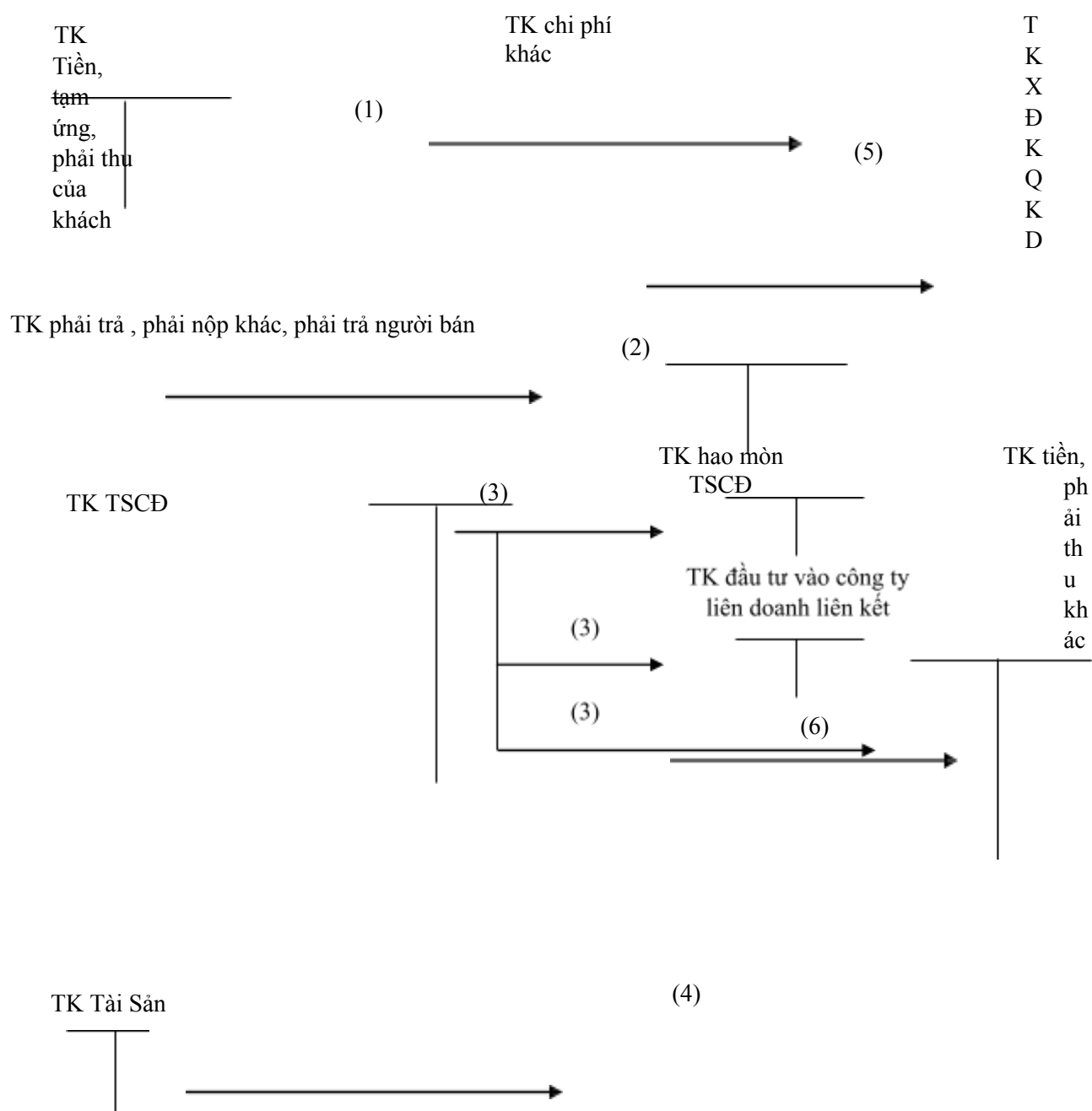
Phụ lục số 07: Sơ đồ kế toán chi phí bán hàng



Phụ lục số 08: Sơ đồ kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



Phụ lục số 09: Sơ đồ kế toán chi phí khác



(1): Các chi phí khác phát sinh (chi hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ)

(2): Khoản bị phạt do vi phạm hoạt động

(3) : Chênh lệch giữa giá đánh giá lại nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ khi góp vốn liên doanh, liên kết

(4) : Đánh giá lại làm giảm giá trị tài sản khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

(5): Kết chuyển chi phí khác để xác định kết quả kinh doanh

(6): Thu bán hồ sơ thầu, hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ.

Phụ lục số 10: Hoá đơn GTGT số 0000006

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO NGUYỄN BẮC NINH
Mã số thuế: 2300241419
Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái Tổ, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Điện thoại:
Số tài khoản:

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/002
Ký hiệu: CN/20P
Số: **0000006**

Liên 1: Lưu
Ngày...01...tháng...6...năm 2020

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng và bất động sản Tân Minh
Địa chỉ: Số 29 Ngõ Giã Tú B, Trung Phụng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
Hình thức thanh toán: TM Số tài khoản:

MST: 0108966977

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Cho thuê mặt bằng theo HĐ số 14/HĐ MBT - CN - TM ngày 04/11/2019. Thời gian từ 05/06/2020 đến 04/7/2020.	Tháng	01	11.760.000	11.760.000
Cộng tiền hàng:					11.760.000
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 1.176.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					12.936.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu, chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

(In tại Công ty cổ phần in Hồng Hà, Mã số thuế: 0101549149 * ĐT: 024.22.20.1515 - DD: 0903.252.485)

Phụ lục số 11: Phiếu thu số 140

Đơn vị: Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

Mẫu số: 01-TT

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái
Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh

*(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng
BTC)*

PHIẾU THU Quyền số: 03
Ngày 01 tháng 06 năm 2020

Số: 140

Nợ: 111

Có: 1311

Họ và tên người nhận tiền: Anh Trần Xuân Thành

Địa chỉ: Công ty CP xây dựng và BĐS Tân Minh

Lý do thu: Thanh toán tiền hàng theo hóa đơn 0000006

Số tiền: 12.936.000 đồng (Bằng chữ: Mười hai triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng chẵn./)

Kèm theo: 01 hóa đơn GTGT

Ngày 01 tháng 06 năm 2020

Giám đốc

*(Ký, họ
tên, đóng
dấu)*

Kế toán

trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận tiền

(Ký, họ tên)

Đã nộp đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười hai triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng chẵn./

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Phụ lục số 12: Màn hình hạch toán HĐ 0000006

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO NGUYỄN BẮC NINH

Trợ giúp Đang làm việc trên: a EN English (United Kingdom)

Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước chưa thu tiền - a

Trước Sau Thêm Sửa Sửa nhanh Cắt Xóa Hoàn Bỏ ghi Lập phiếu xuất Nạp Trộn ích Mẫu In Phản hồi Giúp Đóng

Chứng từ bán hàng

1. Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước ☒ Kiểm phiếu xuất kho

☐ Chưa thu tiền ☐ Thu tiền ngay Tiền mặt ☐ Lập kèm hóa đơn

Chứng từ ghi nợ **Phiếu xuất** **Hóa đơn** **ĐÃ LẬP HÓA ĐƠN**

Thông tin chung

Khách hàng: KH00668 Công ty cổ phần xây dựng và bất động sản Tấn Minh

Mã số thuế: 0108966977 Người liên hệ:

Địa chỉ: Số 29, Ngõ Gia Tu B, P. Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Diễn giải: Cho thuê mặt bằng theo HĐ số 14/HĐMBT-CN-TM ngày 04/11/2019 (thời gian từ 05/06/2020 đến 04/07/2020)

NV bán hàng:

Tham chiếu: 01GTTKT3/002-CN/20P-0000006 XK01376

Điều khoản TT: Số ngày được nợ: (ngày) Hạn thanh toán:

1. Hàng tiền **2. Thuế** **3. Giá vốn** **4. Thống kê** **5. Khác**

Mã hàng	Tên hàng	TK công nợ/chi	TK doanh th	ĐVT	Số lượng	Đơn giá
CPMH	Cho thuê mặt bằng theo HĐ số	1311	5113		1,00	11.760.000,00
Số dòng = 1						1,00

Phân bổ chiết khấu Xem công nợ

Tổng tiền hàng 11.760.000 Tiền thuế GTGT 1.176.000

Tiền chiết khấu 0 Tổng tiền thanh toán 12.936.000

1.00 11.760.000 0

KT KETCAN2020 Người dùng: Admin

Phụ lục số 13: Hoá đơn GTGT số 0000008

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO NGUYÊN BẮC NINH

Mã số thuế: 2300241419

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái Tổ, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại:

Số tài khoản:

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 1: Lưu

Ngày 2 tháng 6 năm 2020

Mẫu số: 01GTKT3/002

Ký hiệu: CN/20P

Số: 0000008

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Ngọc Hà

Tên đơn vị:

Địa chỉ: Thôn Ân Phú, xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Hình thức thanh toán: Số tài khoản:

MST:

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Giá trị lần 2 căn hộ CN ₂ -CT ₁ -0303				453.940.476

Cộng tiền hàng:

453.940.476

Thuế suất GTGT: 5%

Tiền thuế GTGT:

22.697.024

Tổng cộng tiền thanh toán:

476.637.500

Số tiền viết bằng chữ: bốn trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng chẵn

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

TÔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN HIỆU

(Cán kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

(In tại Công ty cổ phần in Hồng Hà, Mã số thuế: 0101549149 * ĐT: 024.22.20.1515 - DD: 0903.232.485)

Phụ lục số 14: Giấy báo Có

Mẫu số: 01GTKT2/004

NGÂN HÀNG NNo và
PTNT VN
Chi nhánh: Tỉnh Bắc
Ninh MST:
0100686174-043

PHIẾU BÁO CÓ
Liên 2 – Giao khách hàng Ngày
02 tháng 06 năm 2020

Ký hiệu: AA/20T
Số: 0987987

Tên Khách hàng: CÔNG TY CP CAO
NGUYỄN BẮC NINH
Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái
Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh
MST: **2300241419**
Số ID khách hàng: 54897578

Số TK: 2600201009925
Loại tiền: VNĐ
Loại TK: TIỀN GỬI THANH TOÁN
Số bút toán hạch toán: 014540478

Chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của Quý khách số tiền sau

Nội dung	Số tiền
Ghi Có	476.637.500
Tổng số tiền	476.637.500

Số tiền bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng

Trích yếu: Nguyễn Ngọc Hà thanh toán lần 2 giá trị căn hộ CN2-CT1-0303

Giao dịch viên
(Ký, họ tên)

Kiểm soát
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Phụ lục số 15: Màn hình hạch toán hoá đơn 0000008

prise - CÔNG TY CỔ PHẦN CAO NGUYÊN BẮC NINH EN English (United States)

Tiền ích Trợ giúp Đang làm việc trên: a

Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước chưa thu tiền - a

Trước Sau Thêm Sửa Sửa nhanh Cắt Xóa Hoàn Bỏ ghi Lập phiếu xuất Nạp Tiền ích Mẫu In Phản hồi Giúp Đóng

Chứng từ bán hàng

1. Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước ☒ Kiểm phiếu xuất kho

Nhập số báo giá Chưa thu tiền ☐ Thu tiền ngay ☐ Tiền mặt ☒ Lập kèm hóa đơn

Chứng từ ghi nợ ☐ **Phiếu xuất** ☐ **Hóa đơn** ☒ ĐÃ LẬP HÓA ĐƠN

Thông tin chung

Khách hàng: KH00547 Nguyễn Ngọc Hà

Mã số thuế: Người liên hệ:

Địa chỉ: Thôn Ân Phú, Xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, Bắc Ninh

Điện giải: Giá trị lần 2 căn hộ CN2-CT1-0303

NV bán hàng:

Tham chiếu: 01G1KT3/002-CN/20P-0000008 XK01377

Chứng từ

Ngày hạch toán: 02/06/2020

Ngày chứng từ: 02/06/2020

Số chứng từ: BH01360

Điều khoản TT: Số ngày được nợ: (ngày) Hạn thanh toán:

1. Hàng tiên 2. Thuế 3. Giá vốn 4. Thống kê 5. Khác

Mã hàng	Tên hàng	TK công nợ/chi	TK doanh th	ĐVT	Số lượng	Đơn giá
CPMH	Giá trị lần 2 căn hộ CN2-CT1-0	1312.01	33871		0,00	0,00
Số đóng = 1						0,00

Phân bổ chiết khấu: Xem công nợ

Tổng tiền hàng: 453.940.476

Tiền thuế GTGT: 22.697.024

Tiền chiết khấu: 0

Tổng tiền thanh toán: 476.637.500

Số đóng = 1

Tên ĐUKT: KETOAN2020 Người dùng: Admin

Tổng dài tư vấn: 1900-9677 OVR NUM

Phụ lục số 16: Hoá đơn GTGT số 0000022

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO NGUYÊN BẮC NINH

Mã số thuế: 2300241419

Địa chỉ: Toà nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

ĐT:

Số tài khoản:

HÓA ĐƠN

Mẫu số: 01GTKT3/001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: CN/20P

Liên 1: Lưu

Số: 0000022

Ngày 17 tháng 06 năm 2020

Họ tên người mua hàng: Trần Minh Tuấn

Tên đơn vị:

Địa chỉ: 268 Ngô Gia Tự, phường Tiên An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:

Mã số thuế:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Giá trị lần 3 căn hộ CN2 – CT1 -0203				680.910.714

Cộng tiền hàng: 680.910.714

Thuế suất thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 34.045.536

Tổng cộng tiền thanh toán: 714.956.250

Số tiền viết bằng chữ: Bảy trăm mười bốn triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng.

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 17: Giấy báo Có

Mẫu số: 01GTKT2/004

NGÂN HÀNG NNo và
PTNT VN
Chi nhánh: Tỉnh Bắc
Ninh MST:
0100686174-043

PHIẾU BÁO CÓ

Liên 2 – Giao khách hàng Ngày
17 tháng 06 năm 2020

Ký hiệu: AA/20T
Số: 0994175

Tên Khách hàng: CÔNG TY CP CAO
NGUYỄN BẮC NINH
Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái
Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh
MST: **2300241419**
Số ID khách hàng: 54897578

Số TK: 2600201009925
Loại tiền: VNĐ
Loại TK: TIỀN GỬI THANH TOÁN
Số bút toán hạch toán: 014556235

Chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của Quý khách số tiền sau

Nội dung	Số tiền
Ghi Có	714.956.250
Tổng số tiền	714.956.250

Số tiền bằng chữ: Bảy trăm mười bốn triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng.

Trích yếu: Trần Minh Tuấn thanh toán lần 3 giá trị còn lại giá trị căn hộ CN2-CT1-0203

Giao dịch viên
(Ký, họ tên)

Kiểm soát
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Phụ lục số 18: Phiếu kế toán số 13

Đơn vị: Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 13/06

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	Kết chuyển doanh bán chung cư	3387	5112	1.513.134.920
	Tổng			1.513.134.920

Số tiền bằng chữ: Một tỷ năm trăm mười ba triệu một trăm ba mươi tư nghìn chín trăm hai mươi đồng

Ngày 17 tháng 06 năm 2020

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Phụ lục số 19: Hoá đơn GTGT số 0000021

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO NGUYỄN BẮC NINH					
Mã số thuế: 2 3 0 0 2 4 1 4 1 9					
Địa chỉ: Toà nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam					
ĐT:					
Số tài khoản:					
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 1: Lưu Ngày 15 tháng 06 năm 2020 Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: CN/20P Số: 0000021					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH THANG MÁY PHÚC THÀNH					
Địa chỉ: Cụm CN Võ Cường, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh					
Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:					
Mã số thuế:					
2 3 0 0 3 7 0 6 8 6					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Cho thuê mặt bằng theo HĐ số 18/HĐMB – CN – PT ngày 01/06/2020 thời gian từ 15/06/2020 đến 15/06/2022	Tháng	03	26.430.000	79.290.000
Cộng tiền hàng:					79.290.000
Thuế suất thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					7.929.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					87.219.000
Số tiền viết bằng chữ: Tám mươi bảy triệu hai trăm mười chín nghìn đồng./					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Phụ lục số 20: Giấy báo Có ngày 15/06/2020

PHIẾU BÁO CÓ

Mẫu số: 01GTKT2/004

NGÂN HÀNG NNo và
PTNT VN

Liên 2 – Giao khách hàng Ngày

Ký hiệu: AA/20T

Chi nhánh: Tỉnh Bắc

15 tháng 06 năm 2020

Số: 0993219

Ninh MST:

0100686174-043

Tên Khách hàng: CÔNG TY CP CAO

Số TK: 2600201009925

NGUYỄN BẮC NINH

Loại tiền: VNĐ

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái

Loại TK: TIỀN GỬI THANH TOÁN

Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh

Số bút toán hạch toán: 014550164

MST: **2300241419**

Số ID khách hàng: 54897578

Chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của Quý khách số tiền sau

Nội dung	Số tiền
Ghi Có	87.219.000
Tổng số tiền	87.219.000

Số tiền bằng chữ: Tám mươi bảy triệu hai trăm mười chín nghìn đồng

Trích yếu: Công ty thang máy Phúc Thành Thanh toán HĐ 0000021

Giao dịch viên

Kiểm soát

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

[illegible]

Phụ lục số 22: Giấy báo Có ngày 25/06/2020

PHIẾU BÁO CÓ

Mẫu số: 01GTKT2/004

NGÂN HÀNG NNo và
PTNT VN

Liên 2 – Giao khách hàng Ngày

Ký hiệu: AA/20T

Chi nhánh: Tỉnh Bắc

25 tháng 06 năm 2020

Số: 0996735

Ninh MST:

0100686174-043

Tên Khách hàng: CÔNG TY CP CAO

Số TK: 2600201009925

NGUYỄN BẮC NINH

Loại tiền: VNĐ

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái

Loại TK: TIỀN GỬI THANH TOÁN

Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh

Số bút toán hạch toán: 014551346

MST: **2300241419**

Số ID khách hàng: 54897578

Chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của Quý khách số tiền sau

Nội dung	Số tiền
Ghi Có	340.012.650
Tổng số tiền	340.012.650

Số tiền bằng chữ: Ba trăm bốn mươi triệu, không trăm mười hai nghìn sáu trăm năm mươi đồng

Trích yếu: Công ty Hoàng Tùng Anh thanh toán giá trị còn lại HĐ 0000024

Giao dịch viên

Kiểm soát

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Phụ lục số 23: Màn hình hạch toán hoá đơn 0000024

Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước chưa thu tiền - a

Trước Sau Thêm Sửa Sửa nhanh Cắt Xóa Hoàn Bỏ ghi Lập phiếu xuất Nạp Tiềm ích Mẫu In Phản hồi Giúp Đóng

Anh/Chị vui lòng thiết lập danh sách chứng từ sử dụng và in ấn tại đơn vị bằng cách vào In/Tùy chọn in

Chứng từ bán hàng

Nhập số báo giá

1. Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước ☒ Kiểm phiếu xuất kho

☐ Chưa thu tiền ☐ Thu tiền ngay Tiền mặt ☒ Lập kèm hóa đơn

Chứng từ ghi nợ | Phiếu xuất | Hóa đơn

ĐÃ LẬP HÓA ĐƠN

Thông tin chung

Khách hàng: KH00015 Công Ty TNHH Hoàng Tùng Anh

Mã số thuế: Người liên hệ:

Địa chỉ: Khu 5 Tiến Châu, Thị Xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Diễn giải: Bán hàng Công Ty TNHH Hoàng Tùng Anh theo hóa đơn 0000024

NV bán hàng:

Tham chiếu: 01GKT3/002-CN/20P-0000024 XK01387

Chứng từ

Ngày hạch toán: 20/06/2020

Ngày chứng từ: 20/06/2020

Số chứng từ: BH01370

Điều khoản TT: Số ngày được nợ: (ngày) Hạn thanh toán:

1. Hàng tiền		2. Thuế	3. Giá vốn	4. Thống kê	5. Khác	
Mã hàng	Tên hàng	TK công nợ/chí	TK doanh th	ĐVT	Số lượng	Đơn giá
HH00004	Thép cây D14 - D20	1311	5111	kg	17.095,00	11.700,00
HH00087	Xi măng Long Sơn PCB30	1311	5111	Tấn	250,00	800.000,00
Số dòng = 2						17.345,00

Phân bổ chiết khấu

Xem công nợ

Tổng tiền hàng: 400.011.500

Tiền chiết khấu: 0

Tiền thuế GTGT: 40.001.150

Tổng tiền thanh toán: 440.012.650

440.012.650 707.546.379

Phụ lục số 24: Sổ chi tiết TK 5113

Đơn vị: Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

Mẫu số S35-DN

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái Tổ,
phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC ngày
22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

(Trích quý II năm 2020)

Tên TK: 51131- Doanh thu cung cấp dịch vụ - Cho thuê mặt bằng

Mã DV: CPMH

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày , tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng g			Số loại g	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Các khoản khác
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
....					...				
01/06	0000006	01/06	Cho thuê mặt bằng	1131	1	11.760.000	11.760.000		
....					...				
15/06	0000021	15/06	Cho thuê mặt bằng	1311	3	26.430.000	79.290.000		
....					...				
			Tổng cộng				2.273.653.000	-	-

- Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...
- Ngày mở sổ: 01/01/2020

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Phụ lục số 2 PAGE 5: Sổ chi tiết
TK 51111**

Đơn vị: Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

Mẫu số S35-DN

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái Tổ,
phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh

*(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC ngày
22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

(Trích quý II năm 2020)

Tên TK: 51111- Doanh thu cung cấp bán hàng – Thép cây D14-D20

Mã hàng: HH00004

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày , tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng g			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Các khoản khác
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
....					...				
20/06	0000024	20/06	Xuất bán cho công ty Hoàng Tùng Anh	1311	17.095	11.700	200.011.500		
....					...				
			Tổng cộng		58.630		685.971.000	-	-

- Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...
- Ngày mở sổ: 01/01/2020

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Phụ lục số 2 PAGE 5: Sổ chi tiết
TK 51111**

Đơn vị: Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

Mẫu số S35-DN

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái Tổ,
phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh

*(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC ngày
22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

(Trích quý II năm 2020)

Tên TK: 51112- Doanh thu cung cấp bán hàng – Xi măng LSPCB30

Mã hàng: HH00087

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày , tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng g			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Các khoản khác
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
....					...				
20/06	0000024	20/06	Xuất bán cho công ty Hoàng Tùng Anh	1311	250	800.000	200.000.000		
....					...				
			Tổng cộng		396		316.800.000	-	-

- Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...
- Ngày mở sổ: 01/01/2020

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Phụ lục số 2 PAGE 5: Sổ chi tiết
TK 51111**

Đơn vị: Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

Mẫu số S35-DN

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái Tổ,
phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh

*(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC ngày
22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

(Trích quý II năm 2020)

Tên TK: 51112- Doanh thu bán thành phẩm – Chung cư, căn hộ

Mã hàng: CPMH

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày , tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng g			Số loại g	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Các khoản khác
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
....					...				
17/06	PKT01	17/06	Xuất bán cho khách hàng Trần Minh Tuấn	3387			1.513.134.920		
....					...				
			Tổng cộng				88.217.961.325	-	-

- Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

- Ngày mở sổ: 01/01/2020

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số 28: Sổ cái TK 511**TRÍCH SỔ CÁI TK 511 – DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ****Đơn vị:** Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh**Địa chỉ:** Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái Tổ,

phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh

*Mẫu số S03b - DN**(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CÁI**

Quý II năm 2020

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và CCDV

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK Đổi Ún g	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
.....				...	...			
01/06	0000006	01/06	Cho thuê mặt bằng			1311		11.760.000
.....								
15/06	0000021	15/06	Cho thuê mặt bằng			1131		79.290.000
.....								
17/06	PKT13	17/06	Bán căn hộ cho Trần Minh Tuấn			3387		1.513.134.920
.....								
20/06	0000024	20/06	Xuất bán cho công ty Hoàng Tùng Anh			1311		400.011.500
.....								
30/06	PKT	30/06	Kết chuyển doanh thu thuần			911	98.201.453.461	
			<i>Tổng phát sinh</i>				98.201.453.461	98.201.453.461

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số 29: Giấy báo Có ngày 30/06/2020

PHIẾU BÁO CÓ

Mẫu số: 01GTKT2/004

NGÂN HÀNG NNo và
PTNT VN

Liên 2 – Giao khách hàng Ngày

Ký hiệu: AA/20T

Chi nhánh: Tỉnh Bắc

30 tháng 06 năm 2020

Số: 0998632

Ninh MST:

0100686174-043

Tên Khách hàng: CÔNG TY CP CAO

Số TK: 2600201009925

NGUYỄN BẮC NINH

Loại tiền: VNĐ

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái

Loại TK: TIỀN GỬI THANH TOÁN

Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh

Số bút toán hạch toán: 014552568

MST: **2300241419**

Số ID khách hàng: 54897578

Chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của Quý khách số tiền sau

Nội dung	Số tiền
Ghi Có	1.256.835
Tổng số tiền	1.256.835

Số tiền bằng chữ: Một triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm ba mươi lăm đồng

Trích yếu: Lãi tiền gửi thanh toán tháng 6.2020

Giao dịch viên

Kiểm soát

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Phụ lục số 30: Sổ chi tiết TK 515

Đơn vị: Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

Mẫu số S35-DN

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê
Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc
Ninh

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

Đơn vị tính: VNĐ

(Trích

quý II năm 2020) Tên TK: 515-

Doanh thu hoạt động tài chính

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
...	...	...	Số phát sinh				
30/06	GBC	30/06	Lãi tiền gửi TT Agribank	1121	...	1.256.835	...
...	...		...	...	...	...	...
			Cộng		38.987.615	38.987.615	

- Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01
đến trang...

- Ngày mở sổ: 01/01/2020

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số 31: Sổ cái TK 515

TRÍCH SỔ CÁI TK 515 – DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

Mẫu số S03b - DN

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái Tổ,
phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh

*(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Quý II năm 2020

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK Đổi Ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng g		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
.....				...	...			
30/06	GBC	30/06	Lãi tiền gửi TT ngân hàng Agribank			1121		1.256.835
.....								
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động TC			911	38.987.615	
			<i>Tổng phát sinh</i>				38.987.615	38.987.615

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số 32: Phiếu thu số 189

Đơn vị: Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

Mẫu số: 01-TT

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê
Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc
Ninh

*(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)*

PHIẾU THU Quyền số:
04 Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Số: 189

Nợ: 111

Có: 1311

Họ và tên người nhận tiền: Anh Nguyễn Bá Hoàng

Địa chỉ: 98 Ninh Xá, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh

Lý do chi: Thanh toán tiền mua thanh lý máy in

Số tiền: 7.150.000 đồng (Bằng chữ: Bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng./)

Kèm theo: 01 hóa đơn GTGT

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Giám đốc

*(Ký, họ
tên, đóng
dấu)*

Kế toán

trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Người lập

phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng./

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Phụ lục số 33: Sổ chi tiết TK 711

Đơn vị: Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

Mẫu số S35-DN

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê
Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc
Ninh

*(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ CHI
TIẾT
DOANH
THU**

Đơn vị tính: VNĐ

(Trích
quý II năm
2020) Tên
TK: 711-
Thu nhập
khác

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu		Ghi ch ú
	SH	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
30/06	PT189	30/06	Số phát sinh				
			...				
			Thu thanh lý TSCĐ	711		6.500.000	
			...				
			Cộng		16.317.000	16.317.000	

- Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01
đến trang...

- Ngày mở sổ: 01/01/2020

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số 34: Sổ cái TK 711

TRÍCH SỔ CÁI TK 711 – THU NHẬP KHÁC

Đơn vị: Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

Mẫu số S03b - DN

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái Tổ,
phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Quý II năm 2020

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Số hiệu: 711

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK Đổi Ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng g		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
.....				...	...			
30/06	GT189	30/06	Thu từ thanh lý máy in			111		6.500.000
.....								
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động TC			911	16.317.000	
			<i>Tổng phát sinh</i>				16.317.000	16.317.000

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số 35: Phiếu kế toán số 25

Đơn vị: Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 25/06

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	Kết chuyển khấu hao phòng cho thuê Công ty Tân Minh	6323	2147	9.674.000
	Tổng			9.674.000

Số tiền bằng chữ: Chín triệu sáu trăm bảy mươi tư nghìn đồng

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Phụ lục số 36: Thẻ tính giá thành số 0128

Mẫu số S37- DN

Đơn vị: Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê

- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng

Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc

BTC)

Ninh

THẺ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

Tên dịch vụ: Căn hộ CT1 - 0303

Số 0128

Chỉ tiêu	Tổng số	Chia ra theo khoản mục			
		Nguyên vật liệu	Nhân công	Máy chi công	Sản xuất chung
A	1	2	3		4
1. Chi phí SXKD dở dang đầu kì	0	0	0		0
2. Chi phí SXKD phát sinh trong kì	1.142.983.295	959.631.452	93.461.250	66.271.251	23.619.342
3. Giá thành dịch vụ trong kỳ	1.142.983.295	959.631.452	93.461.250	66.271.251	23.619.342
4. Chi phí SXKD dở dang cuối kì	0	0	0	0	0

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 06 năm 2020

Người lập**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Phụ lục số 37: Phiếu kế toán số 26

Đơn vị: Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 26/06

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	Kết chuyển khấu hao phòng cho thuê Công ty Tân Minh	6323	2147	21.097.200
	Tổng			21.097.200

Số tiền bằng chữ: Hai mươi một triệu không trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm đồng

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Phụ lục số 38: Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

Mẫu số: 02-VT

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái
Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Nợ: 6321

Ngày 20 tháng 06 năm 2020

Có: 152

Số: 159

- Họ và tên người nhận hàng: Anh Nguyễn Xuân Vinh
- Địa chỉ (bộ phận): Công ty TNHH Hoàng Tùng Anh
- Lý do xuất kho: Xuất bán theo HĐ 0000024
- Xuất tại kho (ngăn lô): Kho Công ty. Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu sản phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá xuất kho	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép cây D14-D20	HH00004	Kg	17.095	17.095	10.986	187.805.670
2	Xi măng Long Sơn PCB30	HH00087	Tấn	250	250	736.982	184.245.500
	Cộng	x	x	x	x	x	372.051.170

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Ba trăm bảy mươi hai triệu không trăm năm mươi một nghìn một trăm bảy mươi đồng./
- Số chứng từ gốc kèm theo: 1 hoá đơn GTGT

Ngày 20 tháng 06 năm 2020

Người lập

Người

Thủ kho

Kế toán

Giám đốc

phiếu

nhận

(Ký, họ tên)

trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

hàng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Phụ lục số 39: Sổ chi tiết TK 6323

Đơn vị: Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

Mẫu số S36-DN

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái
Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

(Trích quý II năm 2020)

Tên TK: 6323 – Cho thuê mặt bằng

Mã DV: CPMH

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứ n g	Số tiền		Ghi ch ú
	SH	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
30/06 30/06 ... 	PKT25 PKT26 ... 	30/06 30/06 	Số phát sinh				
			Thuê MB	2147	9.674.000		
			Thuê MB	2147	21.097.200		
			...		...	...	...
			Cộng		1.769.232.154	1.769.232.154	

- Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...
- Ngày mở sổ: 01/01/2020

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị: Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái
Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh

Mẫu số S36-DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

(Trích quý II năm 2020)

Tên TK: 63211 - Thép cây D14-D20

Mã DV: HH00004

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng g ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
20/06	PX K 159 ...	30/06	Số phát sinh				
			Xuất bán cho Công ty Hoàng Tùng Anh ...	152 ...	187.805.670 ...		
			Cộng		644.109.180	644.109.180	

- Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...
- Ngày mở sổ: 01/01/2020

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị: Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái
Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh

Mẫu số S36-DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

(Trích quý II năm 2020)

Tên TK: 63211 - Xi măng Long Sơn PCB30

Mã DV: HH00087

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng g ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
20/06	PX K 159 ...	20/06	Số phát sinh				
			Xuất bán cho Công ty Hoàng Tùng Anh ...	152 ...	184.245.500 ...		
			Cộng		291.844.872	291.844.872	

- Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...
- Ngày mở sổ: 01/01/2020

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số 42: Sổ chi tiết TK 6322

Đơn vị: Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

Mẫu số S36-DN

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái
Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh

*(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

(Trích quý II năm 2020)

Tên TK: 6322 – Chung cư, căn hộ

Mã DV: CPMH

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng g ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền		Ghi ch ú
	SH	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
17/06	TGT0128	17/06	Số phát sinh				
			Giá trị căn hộ	154	1.142.983.295		
			CT1 - 0203	...	...		
			...				
			Cộng		74.985.266.823	74.985.266.823	

- Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...
- Ngày mở sổ: 01/01/2020

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số 43: Sổ cái TK 632**TRÍCH SỔ CÁI TK 632 – GIÁ VỐN HÀNG BÁN****Đơn vị:** Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh**Địa chỉ:** Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái Tổ,

phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh

Mẫu số S03b - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI**

Quý II năm 2020

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK Đổi Ún g	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
.....				...	...			
17/06	TGT0128	17/06	Xuất bán Trần Minh Tuấn			154	1.142.983.295	
.....								
20/06	PXK159	20/06	Xuất bán cho công ty Hoàng Tùng Anh			152	372.051.170	
.....								
30/06	PKT25	30/06	Cho thuê mặt bằng			2147	9.674.000	
30/06	PKT26	30/06	Cho thuê mặt bằng			2147	21.097.200	
30/06	PKT	30/06	Kết chuyển GVHB			911		80.312.694.452
			<i>Tổng phát sinh</i>				80.312.694.452	80.312.694.452

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số 44: Giấy báo Nợ ngày 30/06/2020

NGÂN HÀNG NNo và PTNT VN	PHIẾU BÁO NỢ	Mẫu số: 01GTKT2/004
Chi nhánh: Tỉnh Bắc Ninh	Liên 2 – Giao khách hàng	Ký hiệu: AA/20T
MST: 0100686174-043	Ngày 30 tháng 06 năm 2020	Số: 0998836
Tên Khách hàng: CÔNG TY CP CAO NGUYỄN BẮC NINH		Số TK: 2600201009925
		Loại tiền: VNĐ
Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh		Loại TK: TIỀN GỬI THANH TOÁN
MST: 2300241419		Số bút toán hạch toán: 014552610
Số ID khách hàng: 54897578		
Chúng tôi xin thông báo đã ghi Nợ tài khoản của Quý khách số tiền sau		
Nội dung	Số tiền	
Trích Nợ	49.821.642	
Tổng số tiền	49.821.642	
Số tiền bằng chữ: Bốn mươi chín triệu tám trăm hai mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng		
Trích yếu: Trả lãi khoản vay 8600263186244		
Giao dịch viên	Kiểm soát	Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Phụ lục số 45: Sổ chi tiết TK 635

Đơn vị: Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái
Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh

Mẫu số S36-DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT
CHI PHÍ TÀI
CHÍNH**

(Tríc

Đơn vị tính: VNĐ

h quý II năm 2020)

Tên TK: 635 – Lãi

vay

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
30/06	GBN	30/06	Số phát sinh				
			...				
			Lãi vay khoản vay 8600 2631 86244	1121	49.821.642		
			...				
			Cộng		681.329.631	681.329.631	

- Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01
đến trang...

- Ngày mở sổ: 01/01/2020

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số 46: Sổ cái TK 635**TRÍCH SỔ CÁI TK 635 – CHI PHÍ TÀI CHÍNH****Đơn vị:** Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh**Mẫu số** S03b - DN**Địa chỉ:** Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái Tổ,
phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh**(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC ngày**
22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI**

Quý II năm 2020

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK Đổi Ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
.....				...	...			
30/06	GBN	30/06	Lãi vay tài khoản 8600 2631 86244			1121	49.821.642	
.....								
30/06	PKT	30/06	Kết chuyển chi phí tài chính			911		681.329.631
			<i>Tổng phát sinh</i>				681.329.631	681.329.631

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số 47: Hoá đơn GTGT số 0000129

Đơn vị: Công ty TNHH Phương Hồng Đức

Địa chỉ: Số 68 đường Nguyễn Cao, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

HÓA ĐƠN

Mẫu số: 01GTKT3/001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: HD/20P

Liên 2: Giao khách hàng

Số hóa đơn: 0000129

Ngày 20 Tháng 06 năm 2020

Họ tên người mua hàng: Vũ Tiến Nam

Đơn vị: Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Mã số thuế: 2300241419

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	In biển MECA		1	42.500.000	42.500.000
Cộng tiền hàng:			42.500.000		
Thuế suất GTGT:	10%	Tiền thuế GTGT:	4.250.000		
		Tổng cộng tiền thanh toán	46.750.000		

Số tiền viết bằng chữ: Bốn sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng./.

Người mua hàng

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 48: Giấy đề nghị thanh toán

PHÒNG KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Công ty CP Cao Nguyên Bắc Ninh

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 06 năm 2020

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kính gửi: Giám đốc công ty

Tên tôi là: Vũ Tiến Nam

Bộ phận: Phòng kinh doanh

Tôi lập giấy này đề nghị công ty thanh toán theo khoản kê chi tiết sau:

STT	Nội dung	Số tiền	Thuế GTGT	Thành tiền	Ghi chú
1	Thanh toán chi phí in biển quảng cáo HĐ số 0000129	42.500.000	4.250.000	46.750.000	
	Tổng cộng	42.500.000	4.250.000	46.750.000	

Số tiền (bằng chữ): *Bốn sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./.*

Giám đốc

Troại phòng

Người đề nghị

(Ký, họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 49: Ủy nhiệm chi ngày 25/06/2020



ỦY NHIỆM CHI
Payment Order

Số:
No

Liên 1: Ngân hàng
Copy 1 Bank

Số bút toán:

Sap No

Loại tiền:

Currency

CHI NHÁNH: tỉnh Bắc Ninh

Ngày: 25-06-2020

Date

Đơn vị trả tiền: Công ty Cổ phần Cao Nguyên Bắc Ninh

Applicant

Số tài khoản: 2600201009925

Account No

Điện thoại:

Tel

Tại ngân hàng Agribank chi nhánh tỉnh Bắc Ninh

At bank

Đơn vị thụ hưởng: Công ty TNHH Phương Hồng Đức

Beneficiary

CMT/Hộ chiếu:

ID/Passport No

Ngày cấp:

Date of issue

Nơi cấp:

Place of issue

Điện thoại:

Tel

Số tài khoản: 0351 1466 316868

Account No

Tại ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Bắc Ninh

At bank

Dành cho ngân hàng (For bank use only)

Tài khoản ghi nợ:

Debit account

Tài khoản ghi có:

Credit account

Số tiền bằng số:

Amount in figures

46,750,000 đồng

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng

Amount in words

Nội dung: Trả tiền hàng theo HĐ 0000129

Details

Đơn vị trả tiền (Applicant)

Ngân hàng A (Bank of Applicant)

Ngân hàng B (Bank of Beneficiary)

Kế toán trưởng

Chief accountant

Chủ tài khoản

Account holder

Ghi sổ ngày (Settled date)

Giao dịch viên

Teller

/ /20

Kiểm soát

Supervisor

Ghi sổ ngày (Settled date)

Giao dịch viên

Teller

/ /20

Kiểm soát

Supervisor

Ngày 25/06/2020, tại Chi nhánh Bắc Ninh, Công ty Cổ phần Cao Nguyên Bắc Ninh đã ký và đóng dấu, ghi rõ nội dung như sau:

Biểu 2.50: Bảng phân bổ lương và bảo hiểm xã hội

Đơn vị: Công ty TNHH Phương Hồng Đức

Địa chỉ: Số 68 đường Nguyễn Cao, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG & BHXH

Tháng 06 năm 2020

Đơn vị: Đồng

STT	Ghi Có TK Ghi Nợ TK	TK 334- Phải trả người lao động			TK 338- Phải trả, phải nộp khác					Tổng cộng
		Lương	Khác	Cộng	BHXH (17,5%)	BHYT (3%)	KPCĐ (2%)	BHT N (1%)	Cộng	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
2	641	925.642.150	20.000.000	945.642.150	161.987.376	27.769.265	18.512.843	9.256.422	217.525.905	1.163.168.055
3	642	471.521.640	16.000.000	487.521.640	82.516.287	14.145.649	9.430.433	4.715.216	110.807.585	598.329.225
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
Cộng		8.436.211.450	445.000.000	8.881.211.450	1.476.337.004	253.086.344	168.724.229	84.362.115	1.982.509.691	10.863.721.141

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.51: Giấy đề nghị thanh toán

PHÒNG KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Công ty CP Cao nguyên Bắc Ninh

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 06 năm 2020.

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kính gửi: Giám đốc công ty

Tên tôi là: Trần Văn Bình

Bộ phận: Phòng Kế toán tài chính

Tôi lập giấy này đề nghị công ty thanh toán theo khoản kê chi tiết sau:

STT	Nội dung	Số tiền	Thuế GTGT	Thành tiền	Ghi chú
1	Thanh toán chi phí công tác Bắc Giang	1.500.000		1.500.000	
	Tổng cộng	1.500.000		1.500.000	

Số tiền (bằng chữ): *Một triệu năm trăm nghìn đồng./.*

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Trưởng phòng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.52: Phiếu chi số 316

Đơn vị: Công ty CP Cao nguyên Bắc Ninh

Mẫu số: 02-TT

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê
Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc
Ninh

*(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)*

PHIẾU CHI

Quyển số: 07

Ngày 25 tháng 12 năm 2019

Số: 316

Nợ: 6428

Có: 1111

Họ và tên người nhận tiền: Anh Trần Văn Bình

Địa chỉ: Phòng Kế toán

Lý do chi: Thanh toán tiền công tác phí

Số tiền: 1.500.000 đồng (Bằng chữ: Một triệu năm trăm nghìn đồng./)

Kèm theo:

Ngày 25 tháng 06 năm 2020

Giám đốc

Kế toán

Thủ quỹ

Người lập

Người nhận tiền

(Ký, họ

trưởng

(Ký, họ tên)

phiếu

(Ký, họ tên)

tên, đóng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

dấu)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu năm trăm nghìn đồng./

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Phụ lục số 53: Sổ chi tiết TK 6411

Đơn vị: Công ty CP Cao nguyên Bắc Ninh

Mẫu số S38-DN

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh.

TT số: 200/2014/TT – BTC Ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính

SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 6411

Tên tài khoản: Chi phí nhân viên

Tháng 06 năm 2020

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐQJ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....						
30/06	BPBL	30/06	Tính ra lương phải trả	334	945.642.150	
30/06	BPBL	30/06	Các khoản trích theo lương	338	217.525.905	
30/06	PKT	30/06	Kết chuyển CP NVBH	911		1.163.168.055
			Cộng phát sinh		1.163.168.055	1.163.168.055

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Phụ lục số 54: Sổ chi tiết TK 6418

Đơn vị: Công ty CP Cao nguyên Bắc Ninh

Mẫu số S38-DN

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái
Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh

TT số: 200/2014/TT – BTC Ngày 24 tháng
12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính

SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 6418

Tên tài khoản: Chi phí bằng tiền khác

Tháng 06 năm 2020

Ngày tháng g ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐQJ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....						
05/06	271/PC	05/06	Chi tiền mua giấy in	1111	300.000	
09/06	284/PC	09/06	Chi tiếp khách hội nghị	141	5.500.000	
14/06	300/PC	14/06	Thanh toán tiền xăng	1111	1.291.950	
...	...	...		...	...	
20/06	GBN	20/06	Thanh toán tiền đăng thông tin quảng cáo	1131	42.500.000	
...	...	...		...	...	
30/06	PKT	30/06	Kết chuyển CPBH	911		4.321.691.701
			Cộng phát sinh		4.321.691.701	4.321.691.701

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

**Phụ lục số 5 PAGE 5: Sổ chi tiết
TK 6421**

Đơn vị: Công ty CP Cao nguyên Bắc Ninh

Mẫu số S38-DN

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh.

TT số: 200/2014/TT – BTC Ngày 24 tháng

12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính

SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 6421

Tên tài khoản: Chi phí nhân viên

Tháng 06 năm 2020

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐQJ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....						
30/06	BPBL	30/06	Tính ra lương phải trả	334	487.521.640	
30/06	BPBL	30/06	Các khoản trích theo lương	338	110.807.585	
30/06	PKT	30/06	Kết chuyển CP NVQLDN	911		598.329.225
			Cộng phát sinh		598.329.225	598.329.225

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

**Phụ lục số 5 PAGE 5: Sổ chi tiết
TK 6421**

Đơn vị: Công ty CP Cao nguyên Bắc Ninh

Mẫu số S38-DN

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái
Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh

TT số: 200/2014/TT – BTC Ngày 24 tháng
12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính

SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 6428

Tên tài khoản: Chi phí bằng tiền khác

Tháng 06 năm 2020

Ngày tháng g ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐQJ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...	...	...		...	...	
25/06	PC316	25/06	Thanh toán tiền đăng thông tin quảng cáo	1131	1.500.000	
...	...	...		...	...	
30/06	PKT	30/06	Kết chuyển CPQLDN	911		221.863.426
			Cộng phát sinh		221.863.426	221.863.426

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Phụ lục số 57: Sổ Cái TK 641

TRÍCH SỔ CÁI TK 641 – CHI PHÍ BÁN HÀNG

Đơn vị: Công ty CP Cao nguyên Bắc Ninh

Mẫu số S03b - DN

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC)

Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh

ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Quý II năm 2020

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

Đơn vị tính:

VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK Đổi Ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
.....				...	...			
22/06	GBN	22/06	CP quảng cáo			111	1.500.000	
.....				...	...			
30/06	BTPBTL	30/06	Tính ra lương phải trả			334	945.642.150	
30/06	BTPBTL	30/06	Trích các khoản theo lương			338	217.525.905	
.....								
30/06	PKT	30/06	Kết chuyển chi phí bán hàng			911		6.861.345.552
			<i>Tổng phát sinh</i>				6.861.345.552	6.861.345.552

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số 58: Sổ Cái TK 642

TRÍCH SỔ CÁI TK 642 – CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP Cao nguyên Bắc Ninh

Mẫu số S03b - DN

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC)

Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh

ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 06 năm 2020

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK Đối Ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
.....				...	...			
25/06	UNC	25/06	CP công tác			1121	45.000.000	
.....				...	...			
30/06	BTPBTL	30/06	Tính ra lương phải trả			334	487.521.640	
30/06	BTPBTL	30/06	Trích các khoản theo lương			338	110.807.585	
.....								
30/06	PKT	30/06	Kết chuyển chi phí QLDN			911		3.145.921.586
			<i>Tổng phát sinh</i>				3.145.921.586	3.145.921.586

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số 59: Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty CP Cao nguyên Bắc Ninh

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái

(Ban hành theo TT số: 200/2014/TT – BTC)

Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Quý II năm 2020

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ Cái	Mã côn g nợ	STT dòng	TKĐQJ	Số tiền	
	SH	Ngày tháng						Nợ	Có
.....				...	...	...			
01/06	HĐ 000000 6	01/06	Doanh thu cho thuê mặt bằng				1311 5113 3331	12.936.000	11.760.000 1.176.000
01/06	PT140	01/06	Thanh toán = TM				111 1311	12.936.000	12.936.000
01/06	TGT0128	01/06	Giá vốn là 2 căn CT1 -0303				6322 154	366.510.721	366.510.721
01/06	PKT01	01/06	Ghi nhận DT bán căn hộ CT1 -0303				3387 5112	453.940.476	453.940.476
02/06	HĐ 0000008	02/06	Xuất hoá đơn căn hộ CT1- 0303				1312 3387 3331	476.637.500	453.940.476 22.697.024
02/06	GBC	02/06	Khách hàng thanh toán căn hộ CT1-0303				1121 1312	476.637.500	476.637.500
.....						...	...		
15/06	HĐ 0000021	15/06	Doanh thu cho thuê mặt bằng				1311 5113	87.219.000	79.290.000

							3331		7.929.000
15/06	GBC	15/06	KH thanh toán bằng CK				1121 1311	87.219.000	87.219.000
.....									
17/06	HĐ 0000022	17/06	Xuất hoá đơn căn hộ CT1- 0203				1312 3387 3331	714.956.250	680.910.714 34.045.536
17/06	GBC	17/06	Khách hàng thanh toán căn hộ CT1-0203				1121 1312	714.956.250	714.956.250
17/06	TGT0128	17/06	Giá vốn căn CT1 – 0203				6322 154	1.142.983.295	1.142.983.295
17/06	PKT13	17/06	Ghi nhận doanh thu căn CT1- 0203				5112 3387	1.513.134.920	1.513.134.920
.....									
20/06	PXK159	20/06	Xuất NVL bán cho Hoàng Tùng Anh				6321 152	372.051.170	372.051.170
20/06	HĐ 000002 4	20/06	Doanh thu bán VLXD				1311 5111 3331	440.012.650	400.011.500 40.011.150
.....				...	...	...	...		
22/06	HĐ 000012 9	22/06	In biển Meca				6418 133 331	42.500.000 4.250.000	46.750.000
25/06	GBC	25/06	Công ty Hoàng Tùng Anh thanh toán bằng chuyển khoản				1121 1311	340.012.650	340.012.650

25/06	PC316	25/06	Thanh toán tiền công tác phí				6428 111	1.500.000	1.500.000
25/06	UNC	25/06	Thanh toán tiền biển MECA				331 1121	46.750.000	46.750.000
.....				...	...	...	...		
30/06	PKT25	30/06	Giá vốn HĐ 0000006				6323 2147	9.674.000	9.674.000
30/06	PKT26	30/06	Giá vốn HĐ 0000008				6323 2147	21.097.200	21.097.200
30/06	GBC	30/06	Lãi TGTT ngân hàng Agribank				1121 515	1.256.835	1.256.835
30/06	BBTL	30/06	Xoá sổ TSCĐ				811 214 211	5.578.018 52.421.982	58.000.000
30/06	PT189	30/06	Thu từ thanh lý TSCĐ				111 711 3331	7.150.000	6.500.000 650.000
30/06	GBN	30/06	Lãi khoản vay 8600 2631 86244				635 1121	49.821.642	49.821.642
30/06	BPBL &BHXH	30/06	Tính ra lương bộ phận bán hàng				6411 334	945.642.150	945.642.150
30/06	BPBL &BHXH	30/06	Tính ra lương bộ phận QLDN				6421 334	487.521.640	487.521.640
30/06	BPBL &BHXH	30/06	Các khoản trích theo lương BPBH				6411 338	217.525.905	217.525.905
30/06	BPBL &BHXH	30/06	Các khoản trích theo lương BP QLDN				6421 338	110.807.585	110.807.585

30/06	PKT	30/06	Kết chuyển DT thuần				511 911	98.201.453.461	98.201.453.461
30/06	PKT	30/06	Kết chuyển DT hoạt động tài chính				515 911	38.987.615	38.987.615
30/06	PKT	30/06	Kết chuyển thu nhập khác				711 911	16.317.000	16.317.000
30/06	PKT	30/06	Kết chuyển GVHB				911 632	80.312.694.452	80.312.694.452
30/06	PKT	30/06	Kết chuyển CPTC				911 635	681.329.631	681.329.631
30/06	PKT	30/06	Kết chuyển CPBH				911 641	6.861.345.552	6.861.345.552
30/06	PKT	30/06	Kết chuyển CP QLDN				911 642	3.145.921.586	3.145.921.586
30/06	PKT	30/06	Kết chuyển chi phí khác				911 811	31.281.651	31.281.651
30/06	PKT	30/06	Kết chuyển thuế TNDN				911 821	1.444.837.041	1.444.837.041
30/06	PKT	30/06	Kết chuyển Lãi sau thuế				911 421	5.779.348.163	5.779.348.163
....									
			Cộng chuyển trang sau:						

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số 60: Sổ cái TK 911**TRÍCH SỔ CÁI TK 911 – XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH****Đơn vị:** Công ty CP Cao nguyên Bắc Ninh**Mẫu số** S03b - DN**Địa chỉ:** Tòa nhà Cao Nguyên 2, đường Lê Thái

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC)

Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh

ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Quý II năm 2020

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK Đổi Ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
.....				...	...			
30/06	PKT	30/06	Kết chuyển DT thuần			511		98.201.453.461
30/06	PKT	30/06	Kết chuyển DT hoạt động tài chính			515		38.987.615
30/06	PKT	30/06	Kết chuyển thu nhập khác			711		16.317.000
30/06	PKT	30/06	Kết chuyển GVHB			632	80.312.694.452	
30/06	PKT	30/06	Kết chuyển CPTC			635	681.329.631	
30/06	PKT	30/06	Kết chuyển CPBH			641	6.861.345.552	
30/06	PKT	30/06	Kết chuyển CP QLDN			642	3.145.921.586	
30/06	PKT	30/06	Kết chuyển chi phí khác			811	31.281.651	
30/06	PKT	30/06	Kết chuyển thuế TNDN			821	1.444.837.041	
30/06	PKT	30/06	Kết chuyển Lãi sau thuế			421		
.....								
			Tổng phát sinh				98.256.758.076	98.256.758.076

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số 61: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02-DN)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2020

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số tiền
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	98.201.453.461
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01 – 02)	10		98.201.453.461
Gía vốn hàng bán	11	VI.27	80.312.694.452
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		17.888.759.009
DT hoạt động tài chính	21	VI.26	38.987.615
Chi phí tài chính	22	VI.28	681.329.631
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		621.537.892
Chi phí bán hàng	24		6.861.345.552
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.145.921.586
LN thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 – 22) – (24+25))	30		7.239.149.855
Thu nhập khác	31		16.317.000
Chi phí khác	32		31.281.651
Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		(14.964.651)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.224.185.204
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	1.444.837.041
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	0
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50 – 51 – 52)	60		5.779.348.163

Lập, ngày...tháng....năm

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)